TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Mã chứng khoán **NKG**

QUALITY IN MIND

MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG

06 Thông tin Công ty
08 Định hướng phát triển
10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

02. GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

14 Quá trình hình thành và phát triển
16 Dấu ấn Tôn Nam Kim 2025
18 Thành tựu và giải thưởng
20 Cơ cấu tổ chức
22 Hội đồng quản trị
24 Ban Tổng giám đốc
24 Ban kiểm soát
26 Hệ thống nhà máy
30 Dây chuyền sản xuất
36 Sản phẩm
62 Thị trường và hệ thống phân phối

03. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2025

68 Vĩ mô 2025
76 Ngành thép 2025
90 Tôn Nam Kim 2025
100 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

04. QUẢN TRỊ CÔNG TY

106 Báo cáo của Hội đồng quản trị
110 Hoạt động của Hội đồng quản trị
112 Báo cáo của Ban kiểm soát
116 Quản trị rủi ro
120 Cổ phiếu NKG

05. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

126 Tầm nhìn bền vững
128 Tối ưu hiệu quả kinh tế
130 Củng cố, phát triển nguồn nhân lực
132 Bảo vệ môi trường thiên nhiên
133 Đồng hành với cộng đồng, xã hội

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01. THÔNG TIN CHUNG

06 Thông tin Công ty
08 Định hướng phát triển
10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nâng tầm giá trị Doanh nghiệp
phát huy năng lực quản trị

THÔNG TIN CÔNG TY

TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (gọi tắt là **"Tôn Nam Kim"** hoặc **"Công ty"**) là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, Tôn Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế. Hiện sản phẩm Tôn Nam Kim được tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn cầu.

THÔNG TIN CÔNG TY

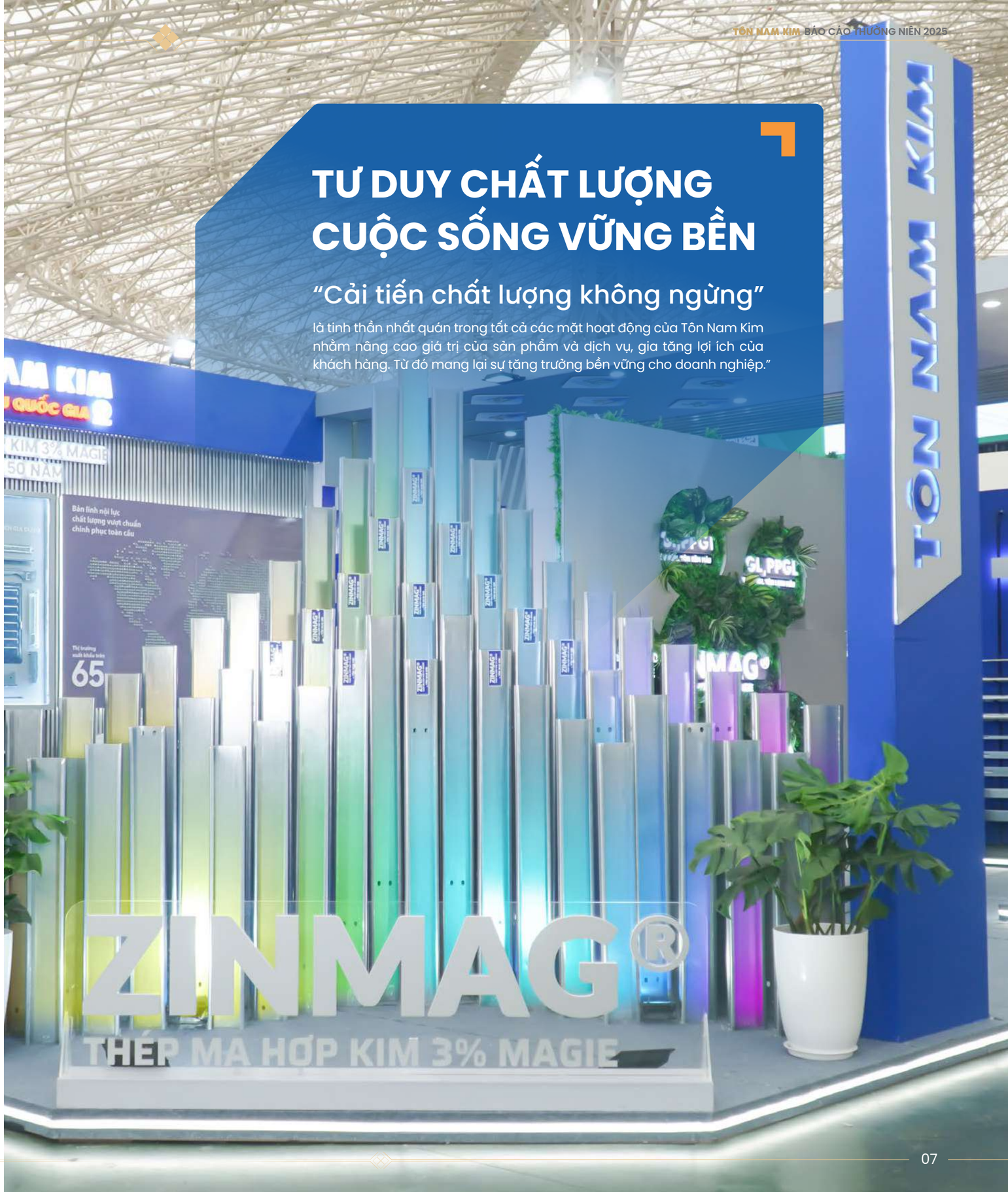
Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Tên tiếng Anh	NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	NAKISCO
Giấy chứng nhận ĐKDN số	3700477019
Vốn điều lệ	4.475.708.810.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.635.393.344.959 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Mã cổ phiếu	NKG (Sàn niêm yết HOSE)

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ trụ sở chính	Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	0274 3748 848
Số Fax	0274 3748 868
Website	www.tonnamkim.com
Email	info@namkimgroup.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025



TƯ DUY CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VỮNG BỀN

"Cải tiến chất lượng không ngừng"

là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp."

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

Sản phẩm mang thương hiệu Tôn Nam Kim được khách hàng trong nước và quốc tế nhìn nhận ở phân khúc chất lượng cao.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Tôn Nam Kim sẽ không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong 3 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung vào chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao và khẳng định năng lực sản xuất.
- Giải pháp kinh doanh tốt - Dịch vụ khách hàng tốt.
- Đem lại giá trị thực cho các đối tác cùng tham gia chuỗi giá trị và người sử dụng cuối cùng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tinh thần cải tiến chất lượng không ngừng được nhất quán xuyên suốt trong tất cả các mặt hoạt động, trở thành một nét văn hóa trong các bộ phận, các cấp trong doanh nghiệp. Tôn Nam Kim đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị khoa học, xây dựng các chương trình đào tạo nguồn lực con người nhằm giữ vững và phát huy giá trị cốt lõi.

VĂN HÓA HỌC HỎI

Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất – nâng tầm cho cán bộ công nhân viên, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa cán bộ công nhân viên và Công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý... người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn cho lớp trẻ để tạo nguồn nhân lực kế thừa, đưa cán bộ công nhân viên đến học hỏi tại các tập đoàn, công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Việc là thành viên của Hiệp hội Thép Việt Nam cũng tạo cơ hội cho cán bộ công nhân viên giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước.

CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Mỗi thành viên của Tôn Nam Kim đều là người tiên phong trong lĩnh vực, trách nhiệm của mình, sáng tạo mỗi ngày, tìm tòi ý tưởng mới và tạo điều kiện áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc. Tất cả con người Tôn Nam Kim đều luôn nỗ lực không ngừng bám sát các quy chuẩn, quy trình trong sản xuất, kinh doanh, tổ chức. Tiên phong khám phá, đón đầu xu hướng và để tạo nên những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, thẩm mỹ cao, chất lượng dịch vụ bán hàng và hậu mãi tốt.

Tiên phong đầu tư công nghệ máy móc hiện đại, sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tập đoàn hàng đầu thế giới, luôn lắng nghe nhu cầu, xu thế khách hàng và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.

VĂN HÓA HỌC HỎI, CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Cán bộ công nhân viên và Đối tác

Năm 2025 chứng kiến nhiều biến động trong bức tranh kinh tế – xã hội toàn cầu, khi căng thẳng địa chính trị leo thang và xu hướng bảo hộ thương mại rõ nét. Trên cơ sở này, kinh tế thế giới chỉ duy trì mức tăng trưởng thận trọng, phản ánh môi trường vĩ mô còn nhiều yếu tố bất ổn, qua đó đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia và doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

Kinh tế Việt Nam năm 2025 nổi bật với mức tăng trưởng ấn tượng, khi GDP ước đạt 8,02% so với năm 2024. Với ngành tôn thép, thị trường trong nước đã nhận được kết quả tích cực, nhưng thị trường xuất khẩu phải đối mặt với nhiều khó khăn do các rào cản kỹ thuật, thuế quan và sự biến động của thị trường thép toàn cầu. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản lượng tiêu thụ tôn mạ giảm 12,5% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu giảm 47,5% so với cùng kỳ.

Ghi nhận tình hình thị trường nhiều biến động, Tôn Nam Kim đã linh hoạt điều chỉnh phương thức sản xuất kinh doanh, triển khai các giải pháp sáng tạo để vượt qua khó khăn và duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025. Nhờ đó, Công ty ghi nhận tổng doanh thu đạt 14.899 tỷ đồng, hoàn thành 64,7% kế hoạch. Tổng tài sản đạt 16.493 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ. Đồng thời, Công ty đã tập trung đẩy mạnh đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, đặc biệt là dự án trọng điểm Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ đang được triển khai đúng tiến độ, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng dài hạn và nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Vững vàng trước thách thức, chính là minh chứng rõ nét cho chiến lược phát triển bền vững mà tập thể Tôn Nam Kim bền bỉ thực hiện, với nền tảng là chất lượng sản phẩm, công nghệ mạ tiên tiến và quản trị doanh nghiệp chuẩn mực. Dựa vào nền tảng này, Công ty không chỉ phát huy được hiệu quả hoạt động và đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước lẫn quốc tế, mà còn nâng cao hiệu quả vận hành, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, cải thiện phúc lợi người lao động, gia tăng giá trị cho cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng, xã hội.

Tiến bước đến năm 2026, trong bối cảnh thị trường mở ra nhiều cơ hội nhưng vẫn tiềm ẩn những thách thức lớn, Tôn Nam Kim định hướng triển khai những mục tiêu chiến lược trọng tâm sau:

- Tập trung mở rộng thị trường nội địa, tăng sự hiện diện tại các khu vực xuất khẩu tiềm năng;
- Đầu tư công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu các phân khúc thị trường;
- Thực hiện dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao;
- Nâng cao phúc lợi người lao động, khuyến khích văn hóa đổi mới sáng tạo và cải tiến liên tục;
- Tăng cường chuyển đổi xanh, chuẩn hóa hệ thống vận hành theo hướng tinh gọn, linh hoạt, hiện đại hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Tôn Nam Kim, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn tin nhiệm và hợp tác. Vì mục tiêu chung mà Tôn Nam Kim hướng đến, năm 2026 chúng ta tin tưởng rằng sự chung tay của tất cả Quý vị là động lực to lớn để Tôn Nam Kim vững vàng tiến bước trên hành trình hướng đến phát triển bền vững và tăng tốc cùng nền kinh tế Việt Nam.

Trân trọng,

HỒ MINH QUANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị



02. GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

14 Quá trình hình thành và phát triển
16 Dấu ấn Tôn Nam Kim 2025
18 Thành tựu và giải thưởng
20 Cơ cấu tổ chức
22 Hội đồng quản trị
24 Ban Tổng giám đốc
24 Ban kiểm soát
26 Hệ thống nhà máy
30 Dây chuyền sản xuất
36 Sản phẩm
62 Thị trường và hệ thống phân phối

Tỏa sáng từ nội lực
biến thử thách thành cơ hội để vươn lên

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002-2011



2002

THÀNH LẬP

Tôn Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại **công nghệ NOF** đầu tiên tại Việt Nam.

2010

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.



2011

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tôn Nam Kim niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG.

2012-2015



2012

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động nâng tổng công suất Tôn Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.



2014

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.



2015

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Khởi công xây dựng Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Tỉnh Tây Ninh.

2016-2020



2016

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động với tổng công suất của Tôn Nam Kim đạt 650.000 tấn/năm.



2018

TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Công suất mạ: 1.000.000 tấn/năm.
Công suất tẩy cán: 900.000 tấn/năm.
Công suất ống kẽm: 200.000 tấn/năm.



2020

TÁI CẤU TRÚC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Tôn Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng. Ứng dụng hệ thống ERP SAP HANA 4/S.

2021-2023



2021

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

Khởi công xây dựng kho hàng tập trung và Nhà máy ống Mỹ Phước tại KCN Mỹ Phước 3, P. Chánh Phú Hòa, TP. Hồ Chí Minh.



2022

NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Tôn Nam Kim ra mắt dòng sản phẩm AZ200, bảo hành đến 25 năm và kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



2023

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH CÔNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TÔN ZINMAG®

Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công công nghệ sản xuất dòng sản phẩm tôn ZINMAG® – Tôn mạ hợp kim magie, bảo hành trên 50 năm.

2024-2025



2024

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

Khởi công xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ tại KCN Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, P. Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh.



2025

NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT SẢN PHẨM THÉP CAO CẤP

Tôn Nam Kim tập trung nghiên cứu sản xuất sản phẩm tôn cao cấp như tôn silic, tôn mạ thiếc, tôn mạ thiếc nickel, hướng đến phân khúc chất lượng cao.

DẤU ẤN TÔN NAM KIM 2025











THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2020 - 2026

Ngày 04/11/2024 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam, Tôn Nam Kim đã được vinh danh những sản phẩm tiêu biểu ngành vật liệu xây dựng như tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu, ống thép và đặc biệt Tôn mạ hợp kim kẽm – magie ZINMAG® là xu hướng của vật liệu tôn do Bộ Công Thương trao tặng.

TOP 2 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT NGÀNH VLXD NĂM 2025

Năm 2025, Tôn Nam Kim được vinh danh trong Top 2 Nơi làm việc tốt nhất ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam. Bảng xếp hạng do Viet Research phối hợp Báo Tài chính Đầu tư thực hiện, nhằm ghi nhận những doanh nghiệp có môi trường làm việc hấp dẫn, chính sách nhân sự cạnh tranh và chiến lược phát triển nguồn nhân lực bền vững.

TOP 2 DOANH NGHIỆP SÁNG TẠO KINH DOANH HIỆU QUẢ NĂM 2025

Tôn Nam Kim được vinh danh Top 2 Doanh nghiệp sáng tạo – kinh doanh hiệu quả năm 2025 trong ngành vật liệu xây dựng. Bảng xếp hạng do Viet Research phối hợp Báo Tài chính Đầu tư thực hiện nhằm ghi nhận các doanh nghiệp có chiến lược đổi mới sáng tạo nổi bật, hiệu quả kinh doanh bền vững và đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành.

TOP 4 DOANH NGHIỆP TẠO GIÁ TRỊ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM 2025

Viet Research phối hợp với Báo Tài chính Đầu tư (Bộ Tài chính) công bố Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2025 - Ngành Xây dựng. Đây là những doanh nghiệp tiên phong trong việc tạo dựng giá trị cho nền kinh tế và xã hội, thể hiện qua: quy mô và tốc độ tăng trưởng; lợi nhuận và đóng góp cho ngân sách; môi trường, chính sách và phúc lợi lao động; cam kết về ESG và đổi mới sáng tạo.

TOP 10 DOANH NGHIỆP ESG VIỆT NAM XANH 2025

Năm 2025, Tôn Nam Kim được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh, bảng xếp hạng do Viet Research phối hợp Báo Tài chính Đầu tư công bố. Danh hiệu nhằm ghi nhận những doanh nghiệp tiên phong trong thực hành ESG (Environmental – Social – Governance), thúc đẩy phát triển bền vững, quản trị minh bạch và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

TOP 10 CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG UY TÍN 2025

Ngày 28/03/2025, Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) chính thức công bố Top 10 Công ty Vật liệu xây dựng uy tín năm 2025, trong đó có Tôn Nam Kim. Bảng xếp hạng được xây dựng dựa trên các tiêu chí như năng lực tài chính, uy tín truyền thông và khảo sát chuyên gia trong ngành, nhằm tôn vinh những doanh nghiệp trụ cột đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng.

TOP 36 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM 2025

Tôn Nam Kim tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu ngành thép khi vươn lên hạng 36 trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2025. Kết quả này ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, tài chính và cam kết phát triển bền vững, hướng tới sản xuất xanh và vươn tầm quốc tế.

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025

Ngày 23/06/2025, Forbes Việt Nam công bố Top 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2025. Tôn Nam Kim lần thứ ba được vinh danh sau các lần đạt danh hiệu này vào năm 2018 và 2022. Thành tích này đánh dấu sự trở lại đầy ấn tượng của Tôn Nam Kim, thể hiện năng lực phục hồi và phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp.

TOP 73 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM 2025

Tôn Nam Kim tiếp tục góp mặt trong Top 100 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2025 - công bố bởi Brand Finance – tổ chức định giá thương hiệu hàng đầu thế giới có trụ sở tại Anh. Bảng xếp hạng này được xây dựng dựa trên các tiêu chí then chốt như giá trị tài chính, sức mạnh thương hiệu, hiệu quả kinh doanh, mức độ gắn kết khách hàng và cam kết phát triển bền vững.

TOP 500 NHÀ TUYỂN DỤNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM 2025

Đồng hành cùng doanh nghiệp trong hành trình nâng tầm môi trường làm việc, Chương trình Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2025 (VBE500) do Viet Research và Báo Tài chính Đầu tư (Bộ Tài chính) phối hợp triển khai đã ghi dấu ấn mạnh mẽ, Tôn Nam Kim được ghi nhận với danh hiệu Top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2025

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2025

Ngày 12/11/2025, Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietNamNet công bố Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025, trong đó có Tôn Nam Kim. Bảng xếp hạng được đánh giá chủ yếu dựa trên quy mô doanh thu và hiệu quả hoạt động, nhằm tôn vinh những doanh nghiệp có đóng góp lớn cho nền kinh tế Việt Nam.

THÀNH TỰU & GIẢI THƯỞNG

2025

TOP 36 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM

- Thương hiệu Quốc gia 2020–2026
- Top 2 nơi làm việc tốt nhất ngành VLXD năm 2025
- Top 10 công ty vật liệu xây dựng uy tín 2025
- Top 10 doanh nghiệp ESG Việt Nam xanh năm 2025
- Top 2 doanh nghiệp sáng tạo kinh doanh hiệu quả năm 2025
- Top 4 doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2025
- Top 36 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2025
- Top 73 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2025
- Top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2025
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025
- Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2025

2024

TOP 41 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM

- Thương hiệu Quốc gia 2024 do Bộ Công Thương trao tặng.
- Top 50 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR50 năm 2024 (hạng 41).
- Top 2 Doanh nghiệp Sáng tạo – Kinh doanh hiệu quả năm 2024.
- Tôn ZINMAG® đạt giải "Product of the Year" 2024.
- Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024.
- Top 10 Nơi làm việc tốt nhất ngành vật liệu xây dựng năm 2024.

2023

ZINMAG®
PRODUCT OF THE YEAR 2023

- Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product of the Year" 2023.
- VBE500 – Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023.
- Top 4 Nhà tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Thép – Kim Khí – Kim Loại.

2022

- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 từ 2010 đến 2022.
- Thương hiệu Quốc gia 2022 do Bộ Công Thương trao tặng.
- Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2021

- Top 2 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.
- Đạt Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm, với mã số VILAS 1417.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 từ 2010 đến 2021.

2020

- Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.
- Top 3 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.

2019

Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương trao tặng.

2018

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2017

TOP 50 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM

- Danh hiệu Top 100 Doanh nhân tiêu biểu Tỉnh Bình Dương năm 2017 do UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng.
- Bằng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt việc kê khai và nộp thuế năm 2016 do Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương trao tặng.
- Giải thưởng Doanh nghiệp tạo điều kiện tốt cho Công Đoàn hoạt động do Liên đoàn Lao động Thị xã Thuận An trao tặng.
- Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhịp cầu đầu tư trao tặng.
- Danh hiệu Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính tốt nhất năm 2017 do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp - Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Báo Diễn đàn doanh nghiệp trao tặng.
- Bằng khen đã tham gia tài trợ, góp phần vào sự thành công của Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II – Bình Dương năm 2017 do Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng.
- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc năm 2017, Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017, Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017 (hạng 317), Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (hạng 110).

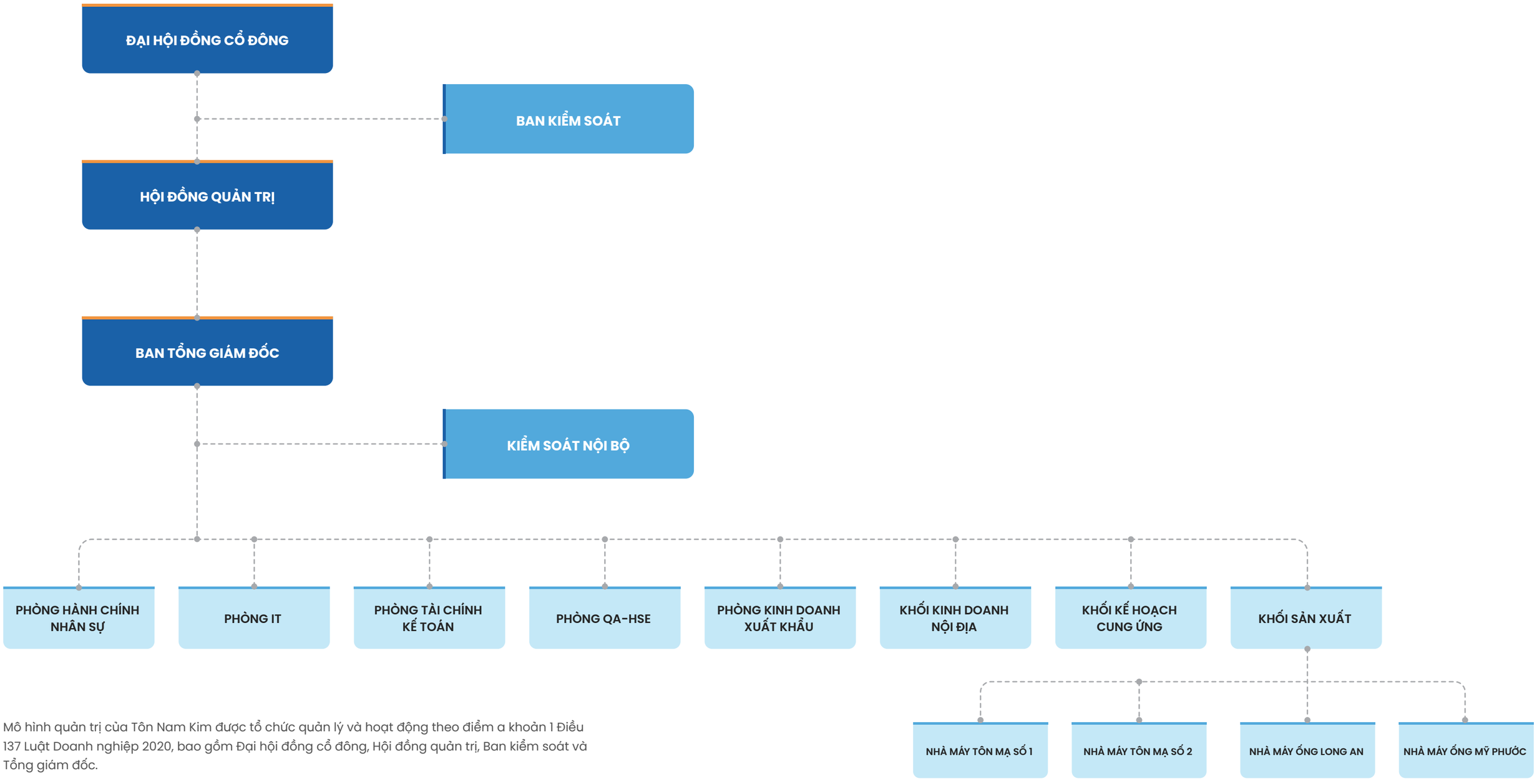
2016

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

- UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật Lao động (2013 - 2015) và Đề án phát triển lao động giai đoạn (2014 - 2015).
- UBND Tỉnh Bình Dương tri ân Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã có nhiều hoạt động bảo trợ trẻ em khó khăn năm 2016.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 năm 2016 (hạng 169), Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn Việt Nam VNR500 năm 2016 (hạng 61), Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2016.
- UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt chăm lo đời sống người lao động năm 2016.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



Mô hình quản trị của Tôn Nam Kim được tổ chức quản lý và hoạt động theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tôn Nam Kim được mô tả theo sơ đồ trên đây.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HỒ MINH QUANG

Chủ tịch HĐQT

Trên cương vị Chủ tịch HĐQT, Ông Hồ Minh Quang đã lãnh đạo và dẫn dắt Tôn Nam Kim trở thành doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam.

Trình độ chuyên môn:

- Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH NIHO CORPORATION.
- Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.



Ông VÕ HOÀNG VŨ

Thành viên HĐQT điều hành

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành và lãnh đạo công ty đại chúng.

Trình độ chuyên môn:

- Quản trị kinh doanh Ngoại thương.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Tổng giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát.



Ông NGUYỄN VINH AN

Thành viên HĐQT điều hành

Gắn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp.

Chức vụ tại tổ chức khác:

Không.



Ông NGUYỄN TRUNG TÍN

Thành viên độc lập HĐQT

Hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng.

Trình độ chuyên môn:

- Công nghệ thông tin.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Lộc Khang;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TT Capital.



Ông VÕ THỜI

Thành viên độc lập HĐQT

Nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, lãnh đạo doanh nghiệp.

Trình độ chuyên môn:

- Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Nam Hàn.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông VÕ HOÀNG VŨ
Tổng giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành và lãnh đạo công ty đại chúng.

Trình độ chuyên môn:
Quản trị kinh doanh Ngoại thương.

Chức vụ tại tổ chức khác:
- Tổng giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát.



Ông NGUYỄN VINH AN
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Ông QUẢNG TRỌNG LĂNG
Phó Tổng giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành, lãnh đạo sản xuất.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Cơ khí.

Chức vụ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim;
- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai.



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, am hiểu thị trường và thông lệ quốc tế trong ngành thép.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Ngoại ngữ.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Bà TRẦN NGỌC DIỆU
Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính

Hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành, lãnh đạo trong ngành thép phụ trách lĩnh vực kiểm soát và tài chính Công ty.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Ông LÊ MINH HẢI
Phó Tổng giám đốc

Hơn 14 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực sản xuất – kỹ thuật – bảo trì – R&D trong ngành thép.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Thiết kế máy.

Chức vụ tại tổ chức khác:
- Giám đốc Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.



Ông NGUYỄN HỮU HẠNH
Phó Tổng giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực sản xuất - kỹ thuật - quản trị nhân sự trong ngành thép.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Điện.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Ông NGUYỄN QUỐC PHONG
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ngành thép.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Bà VŨ THỊ HUYỀN
Kế toán trưởng

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.

BAN KIỂM SOÁT



Ông ĐẶNG VĂN HÒA
Trưởng BKS

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Ông LÊ NHẬT TÂN
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Bà TRẦN THỊ TUYẾT MAI
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn:
Chuyên ngành Kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.

HỆ THỐNG NHÀ MÁY



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Diện tích: 10 ha.

Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu, tôn ZINMAG®.

Địa chỉ: Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Diện tích: 6,5 ha.

Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm.

Địa chỉ: Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.



NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP NAM KIM

Diện tích: 4,4 ha.

Sản phẩm: Ống thép.

Địa chỉ: Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh.



NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

CÔNG TY TNHH
DAE MYUNG PAPER VIỆT NAM

Diện tích: 5 ha.

Sản phẩm: Ống thép.

Địa chỉ: Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỆ THỐNG NHÀ MÁY



DỰ ÁN NHÀ MÁY
TÔN NAM KIM PHÚ MỸ
CÔNG TY TNHH TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

Diện tích: 32,2 ha.

Sản phẩm: PO, CRC, tôn mạ lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu, tôn ZINMAG®.

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.



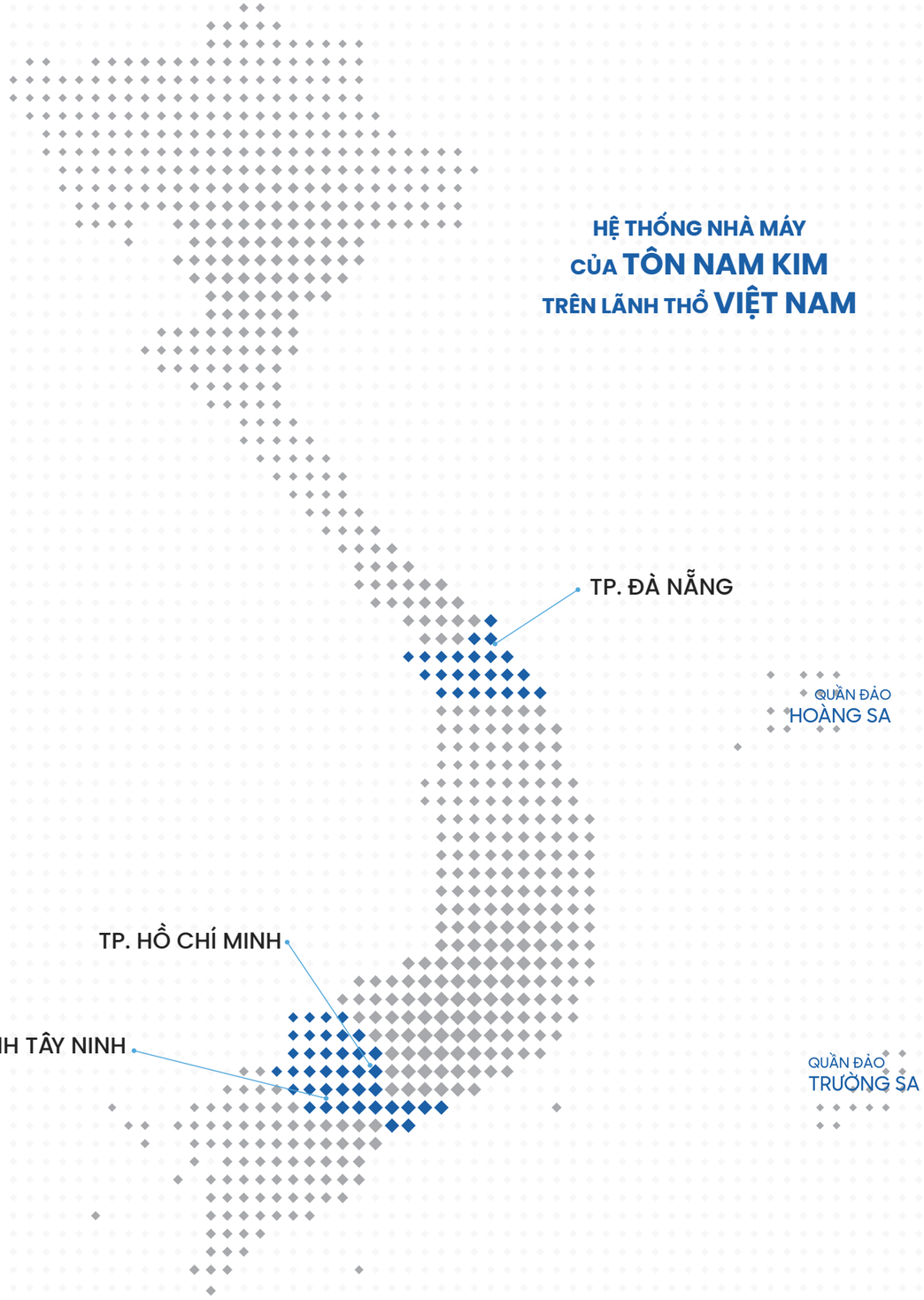
DỰ ÁN NHÀ MÁY
ỐNG CHU LAI
CÔNG TY TNHH MTV
ỐNG THÉP NAM KIM CHU LAI

Diện tích: 3,9 ha.

Sản phẩm: Ống thép.

Địa chỉ: Đường số 01, Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng.

(Chi tiết tại Chương 3: Tình hình hoạt động năm 2025 – mục: Tôn Nam Kim 2025 trang 92)



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN TẨY GỈ

CÔNG SUẤT TẨY GỈ

1.000.000 tấn/năm

Độ dày thép nguyên liệu:	1,5 mm – 5,0 mm
Khổ rộng:	750 mm – 1.300 mm

Thép nguyên liệu được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay.

Với quy trình sản xuất khép kín, Tôn Nam Kim luôn chú trọng thời gian trong việc phân bổ kế hoạch sản lượng của nhà máy, cân nhắc nguồn nguyên vật liệu sản xuất tẩy gỉ. Với công nghệ FLUIDIZED BED, cho hiệu quả sắt vụn đạt tinh khiết cao, là nguyên liệu tái sử dụng cho các nhà máy luyện thép, từ đó góp phần bảo vệ môi trường.





DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI

CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI

1.000.000 tấn/năm

Độ dày đầu ra của thép:	0,15 mm – 3,0 mm
Tốc độ cán:	1.400 mét/phút

Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên của Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất.

Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng băng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao. Lực kéo khí lớn hơn, cán được những mác thép khác có độ cứng cao hơn, cho ra dãy sản phẩm rộng hơn để phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH, MẠ KẼM HOẶC MẠ ZINMAG®

CÔNG SUẤT MẠ

1.200.000 tấn/năm

Độ dày tôn mạ:	0,18 mm – 3,5 mm
Lớp mạ hợp kim:	AZ200 (Tôn Lạnh) (GL), Z600 (Tôn Kẽm) (GI)

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật), có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt bằng long inductors của Ajax (Mỹ); đặc biệt, dây chuyền mạ số 1 của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều ở 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.





DÂY CHUYỀN MẠ MÀU

CÔNG SUẤT MẠ MÀU

180.000 tấn/năm

Độ dày tôn mạ:	0,2 mm – 1,2 mm
Khổ rộng:	860 mm – 1.250 mm
Độ dày sơn:	lên đến 100 µm/2 mặt

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX, với hệ thống điều khiển thông minh nhằm bảo đảm chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo được chất lượng tốt nhất.





01-02

Sản phẩm được kiểm tra độ bền kéo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại, hợp kim.

03

Kiểm tra độ bám dính giữa lớp mạ và thép nền.

04

Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ màu.

05

Mô phỏng sự tác động của tia cực tím và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

06

Kiểm tra khả năng chống ố, mốc, phản ứng ăn mòn, kháng gỉ của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh trong điều kiện tiêu chuẩn và điều kiện môi trường khắc nghiệt khác nhau.







SẢN PHẨM

Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối đa dạng các sản phẩm thép như thép cán nguội (CR), tôn mạ kẽm (GI), tôn lạnh (GL), tôn mạ màu và các dòng thép công nghiệp khác. Với chất lượng ổn định, độ bền cao và tính thẩm mỹ vượt trội, sản phẩm Tôn Nam Kim được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như dân dụng, công nghiệp, hàng điện tử gia dụng, linh kiện ô tô và các ngành công nghiệp phụ trợ.

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI:

- Tiêu chuẩn Nhật Bản (JIS)
- Tiêu chuẩn Hoa Kỳ (ASTM)
- Tiêu chuẩn Châu Âu (EN)
- Tiêu chuẩn Úc (AS)

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC

ISO 9001 · ISO 14001 · BUREAU VERITAS · SIRIM · QUATEST 3 · SNI · JIS · ilac-MRA · VILAS 1417

1. THÉP CÁN NÓNG TẨY GỈ PHỦ DẦU



2. THÉP CUỘN CÁN NGUỘI

Full hard
Ủ mềm (CAL)



3. TÔN MẠ KẼM

GI Z80 - Z600



4. TÔN LẠNH

GL AZ70 - AZ200



BẢO HÀNH TRÊN 50 NĂM

Over 50-year warranty

5. TÔN LẠNH MÀU

PPGL AZ50 - AZ100
PE 17/8

PPGL AZ150
- PE 25/10
- SPE 25/10
- SMP 25/10
- PVDF 25/10

PPGL AZ200
- PE 25/10
- PE 25/12
- SPE 25/12
- SMP 25/12
- PVDF 25/12



6. ZINMAG® TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE

ZM60-ZM450



7. ZINMAG® COLOR

ZM90
PE EASY CLEANING 25/10

ZM150
SPE 25/10

ZM180
PVDF 25/12



8. ỐNG THÉP



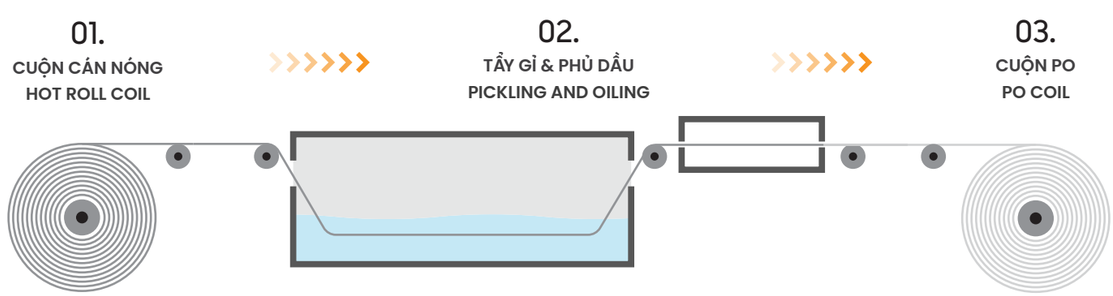
THÉP CÁN NÓNG TẨY GỈ PHỦ DẦU (PO)



MÔ TẢ

Thép cán nóng tẩy gỉ phủ dầu (PO) của Tôn Nam Kim được sản xuất từ thép cán nóng trên dây chuyền hiện đại, sau đó xử lý tẩy gỉ và phủ dầu nhằm cải thiện chất lượng bề mặt và khả năng bảo quản. Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như JIS G3131, JIS G3101, JIS G3113, EN 10025-2, EN 10149-2, ASTM A1011/A1011M và GB/T 700. Với bề mặt sạch, độ chính xác ổn định và cơ tính đồng đều, thép PO Nam Kim phù hợp cho các ứng dụng gia công, tạo hình và kết cấu. Hệ thống quản lý chất lượng được kiểm soát theo các tiêu chuẩn ISO, đảm bảo tính đồng nhất và độ tin cậy trong quá trình sử dụng.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT PO



TIÊU CHUẨN

JIS G3131	SPHC, SPHD, SPHE, SPHF
JIS G3101	SS300, SS400, SS490, SS540
JIS G 3113	SAPH310, SAPH370, SAPH400, SAPH440
EN 10025-2	S235JR, S255JR, S275JR
EN 10149-2	S315MC, S355MC, S420MC, S460MC, S500MC, S550MC, S600MC, S650MC, S700MC, S900MC, S960MC
ASTM A1011/A1011M	CS Type A, B, C, D / DS Type A, B
AS/NZS 3678	200, 250, 300, 350, 400, 450
SAE J403	1004-1006, 1010-1012, 1017-1022
GB/T 700	Q195, Q215, Q235

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày (mm)	1.2 mm - 5.0 mm
Khổ rộng (mm)	700 - 1350 mm
Độ nhám	0.7 μm≤Ra≤1.5 μm (Skinpassed) - Áp dụng cho độ dày (1.2–2.5)mm, khổ rộng (700–1350)mm
Xử lý bề mặt	Phủ dầu 100 – 1500 mg/m2/ 1 mặt

ỨNG DỤNG



Công nghiệp ô tô



Sản xuất đồ gia dụng

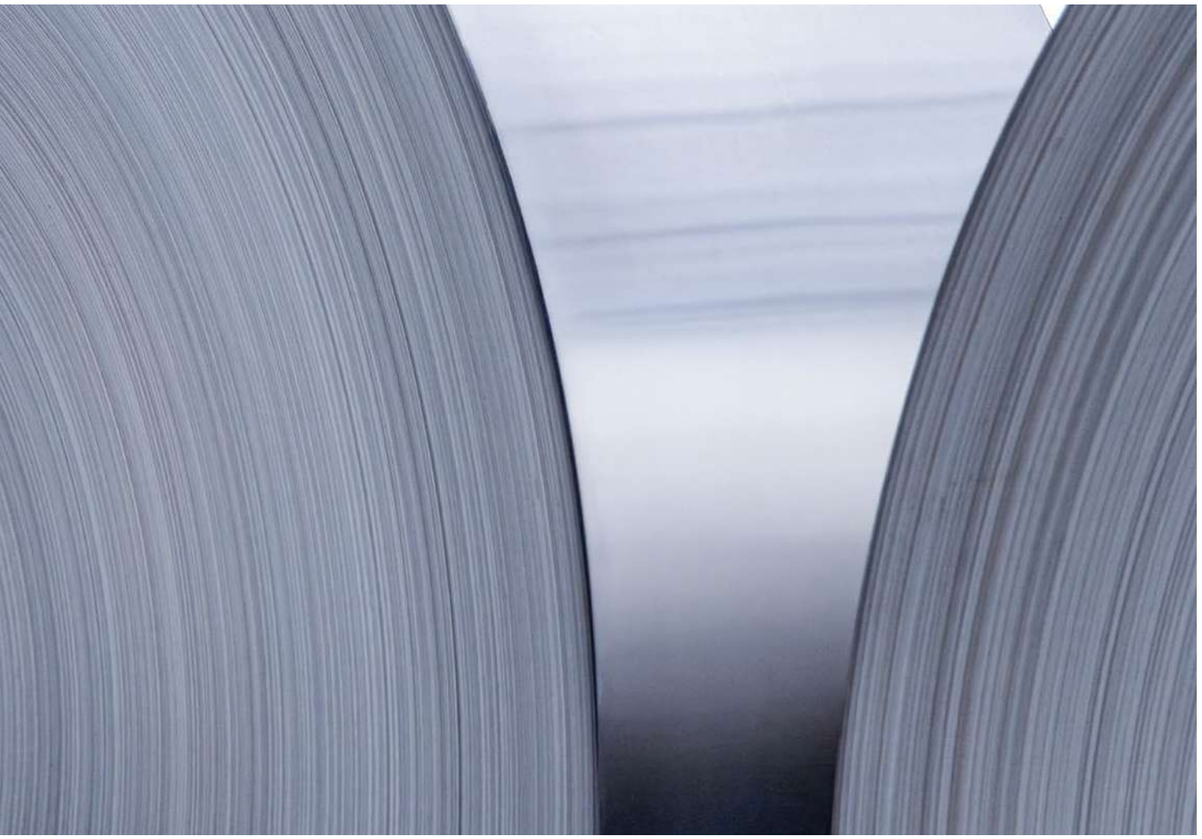


Ngành cơ khí – chế tạo



Ngành điện – điện tử

THÉP CUỘN CÁN NGUỘI (CRC)



MÔ TẢ

Thép cuộn cán nguội (CRC) của Tôn Nam Kim được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, đáp ứng đồng thời nhiều tiêu chuẩn quốc tế như JIS G3141, JIS G3135, BS EN 10130, ASTM A1008/A1008M, AS/N2S 1595 và ISO 3574. Sản phẩm có độ chính xác cao về kích thước, bề mặt phẳng mịn, cơ tính ổn định, phù hợp cho các ứng dụng tạo hình, kết cấu và gia công công nghiệp. Hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận theo ISO 9001, ISO 14001 và các tiêu chuẩn liên quan, đảm bảo tính đồng nhất và độ tin cậy trong suốt quá trình sử dụng.

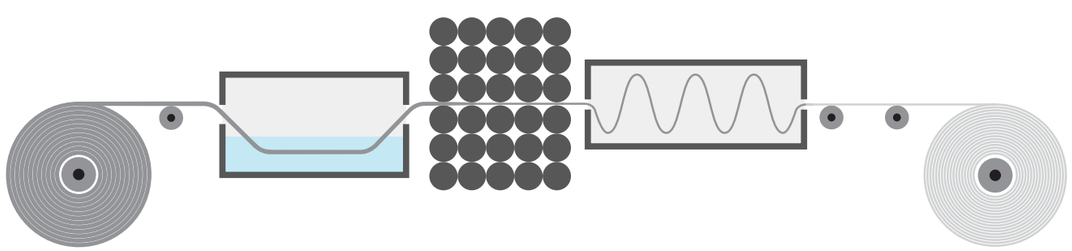
QUY TRÌNH SẢN XUẤT CRC

01. CUỘN CÁN NÓNG
HOT ROLLED STEEL COIL

02. TẨY GỈ & CÁN NGUỘI
PICKLING AND COLD ROLLING

03. DÂY CHUYỀN Ủ LIÊN TỤC
CONTINUOUS ANNEALING LINE

04. THÉP CUỘN CÁN NGUỘI
COLD ROLLED STEEL COIL



TIÊU CHUẨN

JIS G3141	SPCC-1, SPCC-2, SGCC (A/S), SPCD (A/S), SPCE (A/S), SPCF (A/S)
JIS G3135	SPFC340, SPFC370
EN10130 GB/T 5213	DC01, DC03, DC04, DC05
ASTM A1008/A1008M	CS loại A, B, C, DS loại A, DS loại B
AS/NZS 1595	CA1, CA2, CA3, CA4
ISO 3574	CR1, CR2, CR3, CR4

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày (mm)	0.35 ~ 2.50 | 0.20 ~ 4.00 (SPCC-1, SPCC-2)
Khổ rộng (mm)	700 ~ 1300
Độ nhám	(0.40≤Ra<1.5) µm
Xử lý bề mặt	Phủ dầu (100-1500) mg/m2/ 1 mặt

ỨNG DỤNG



Công nghiệp cơ khí – chế tạo



Xây dựng & nội thất



Nguyên liệu mạ & sơn



Ngành ô tô – xe máy



Thiết bị điện – điện tử & gia dụng



Ngành bao bì kim loại

TÔN MẠ KẼM
(GI Z80-Z600)

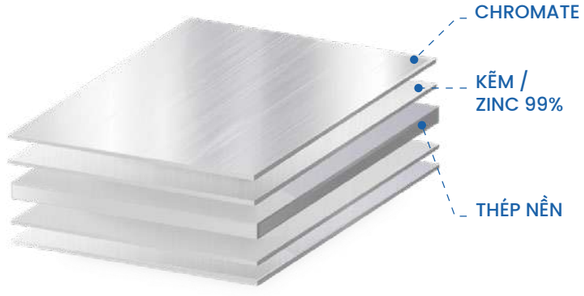


MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Nhà thép tiền chế, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.



TIÊU CHUẨN

JIS G3302	SGCC, SGCD1, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D, S450GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,25 mm – 3,75 mm
Khổ rộng	860 mm – 1,250 mm
Khối lượng lớp mạ	80 - 600 g/m²/2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin-pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

EN 10346

MÁC THÉP	YS [N/mm²] (Max)	TS [N/mm²] (Min)	E [%] (Min) L_0 =80mm
DX51D	–	270 – 500	22
DX52D	140 – 300	270 – 420	26
DX53D	140 – 260	270 – 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	–

ASTM A653/A653M

MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =50mm
CS Type A	170/380		20
CS Type B	205/380		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] - class 1	340	450	12
SS 50 [340] - class 2	340	...	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] - class 1	550	570	...

AS 1397

MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =50mm
G250	250	320	25
G300	300	340	20
G350	350	420	15
G450	450	480	10
G500	500	520	8
G550	550	550	2

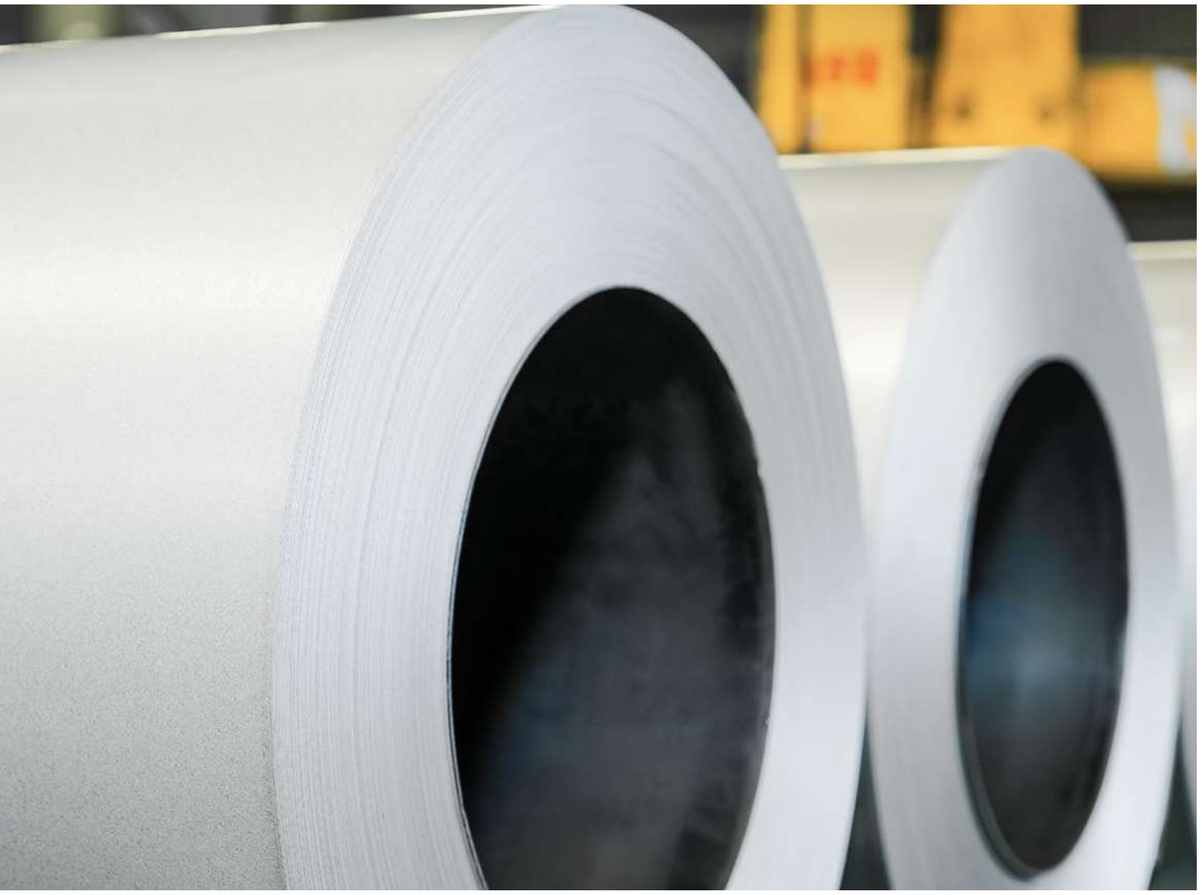
JIS G 3302

MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =50mm
SGCC	–	–	–
SGCD1	–	270	34 ÷ 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	–

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thùng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM
(GL AZ70 – AZ200)

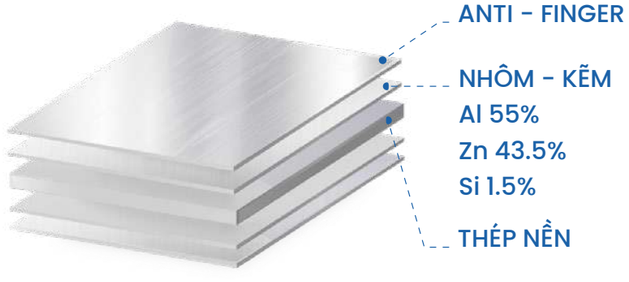


MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43.5% Kẽm, 1.5% Silic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Khung kèo nhẹ, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, tôn vách, tấm lợp, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.



TIÊU CHUẨN

JIS G3321	SGCC, SGCD1, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D, S450GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,18 mm – 2,00 mm
Khổ rộng	860 mm – 1,250 mm
Khối lượng lớp mạ	70 – 200g/m²/2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin-pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

EN 10346

MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =80mm
DX51D	–	270 – 500	22
DX52D	140 – 300	270 – 420	26
DX53D	140 – 260	270 – 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	–

ASTM A792/A792M

MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =50mm
CS Type A	205 – 410		20
CS Type B	245 – 410		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] - class 1	340	450	12
SS 50 [340] - class 2	340	...	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] - class 1	550	570	...

AS 1397

MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =50mm
G250	250	320	25
G300	300	340	20
G350	350	420	15
G450	450	480	10
G500	500	520	8
G550	550	550	2

JIS G 3321

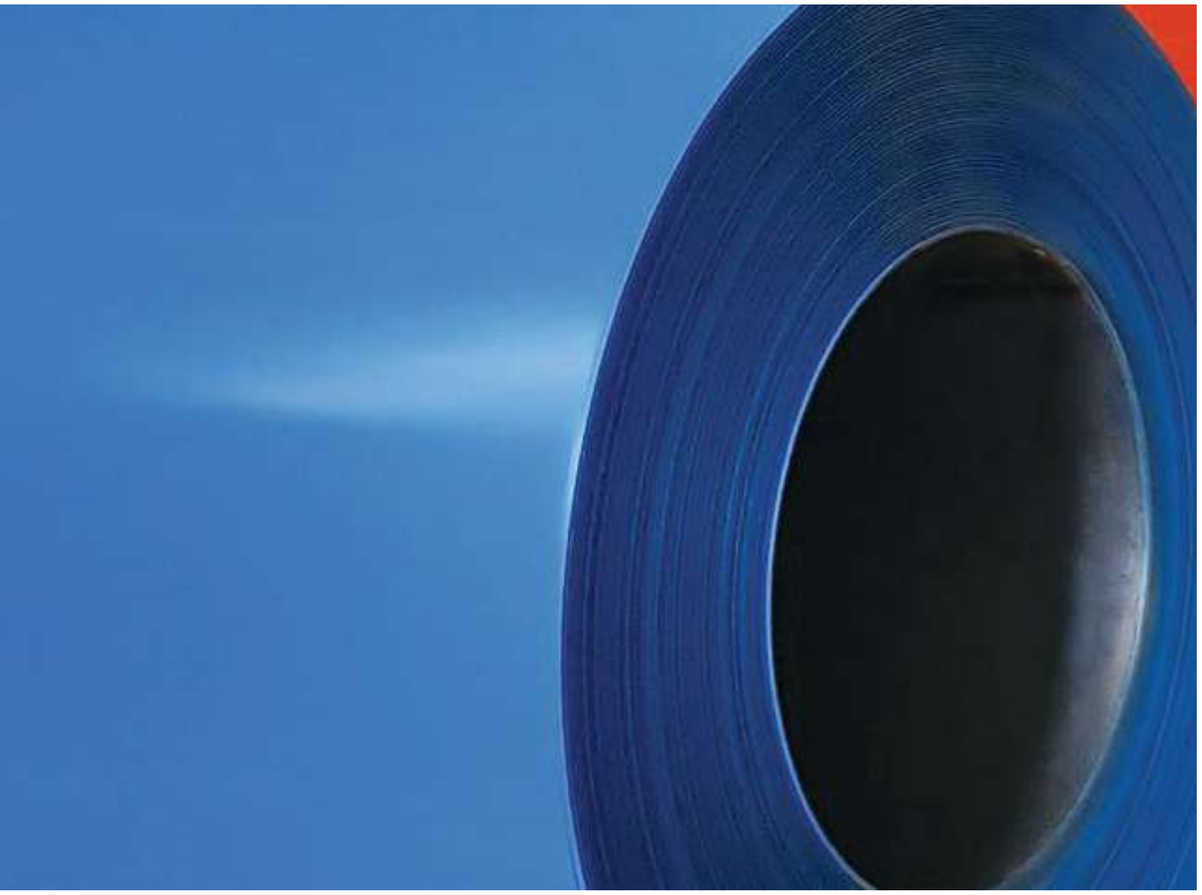
MÁC THÉP	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L_0 =50mm
SGLCC	205	270	20 ÷ 25
SGLCD	–	270	27 ÷ 33
SGLC 400	295	400	16 ÷ 18
SGLC 440	335	440	14 ÷ 18
SGLC 490	365	490	12 ÷ 16
SGLC 570	560	570	–

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thùng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.

TÔN LẠNH MÀU

(**PPGL AZ50 - AZ100** | PE 17/8)

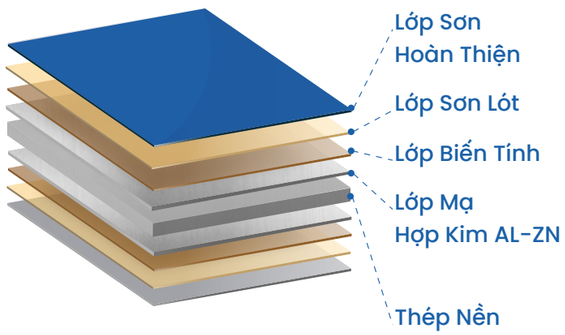


MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn PE tiên tiến, đảm bảo màu sắc duy trì lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường ôn hòa.



TIÊU CHUẨN

JIS G3322
AS 2728
ASTM A755
EN 10169

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,20mm - 1,20mm
Khổ rộng	Max 1,250mm
Khối lượng lớp mạ *(Al-Zn)*	50 - 100g/ m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng	17/8 µm
Xử lý bề mặt	Skin-pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	*Polyester*	12µm
Lớp sơn lót	*Polyester*	5µm
Lớp biến tính	*Chemical*	20 - 40mg/m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	*Chemical*	20 - 40mg/m²
Lớp sơn lót	*Polyester*	4 µm
Lớp sơn hoàn thiện	*Polyester*	4 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 50 - 100g/m²/2 mặt.

BẢO HÀNH

	AZ50	AZ100
Bảo hành chống thủng	12 năm	12 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn		8 năm
Bảo hành phai màu sơn	5 năm	5 năm

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

TÔN LẠNH MÀU

(**PPGL AZ150** | PE 25/10, SPE 25/10, SMP 25/10, PVDF 25/10)



TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTM A755
AS 2728
EN 10169

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,20mm - 1,20mm
Khổ rộng	Max 1,250mm
Khối lượng lớp mạ	150g/ m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng	25/10µm
Xử lý bề mặt	Skin-pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

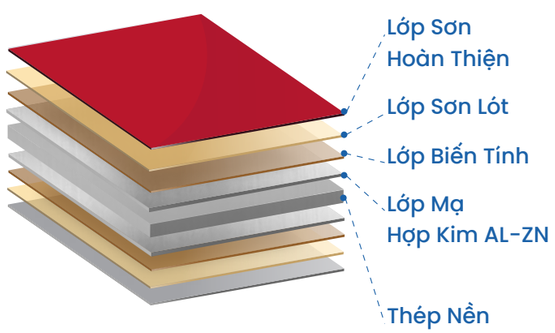
Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	*Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF*	20µm
Lớp sơn lót	*Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF*	5µm
Lớp biến tính	*Chemical*	20 - 40mg/m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	*Chemical*	20 - 40mg/m²
Lớp sơn lót	*Polyester*	5 µm
Lớp sơn hoàn thiện	*Polyester*	5 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m²/2 mặt.

MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa các dòng sơn cao cấp khác nhau với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm mang lại tính chống ăn mòn vượt trội và khả năng chống bụi, chống phai màu, góp phần duy trì tính thẩm mỹ và hiệu quả cho công trình.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.



ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt.

BẢO HÀNH

	Sơn PE	Sơn SPE	Sơn SMP	Sơn PVDF
Bảo hành chống thủng	25 năm	30 năm	30 năm	36 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn	10 năm	15 năm	15 năm	20 năm
Bảo hành phai màu sơn	8 năm	10 năm	10 năm	20 năm
Bảo hành kháng bám bụi	–	1 năm	–	2 năm

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

TÔN LẠNH MÀU

(**PPGL AZ200** | PE 25/10, PE 25/12, SPE 25/12, SMP 25/12, PVDF 25/12)



TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTM A755
AS 2728
EN 10169

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,20mm - 1,20mm
Khổ rộng	Max 1,250mm
Khối lượng lớp mạ *(Al-Zn)*	200g/ m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng	25/12µm / 25/12µm
Xử lý bề mặt	Skin-pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

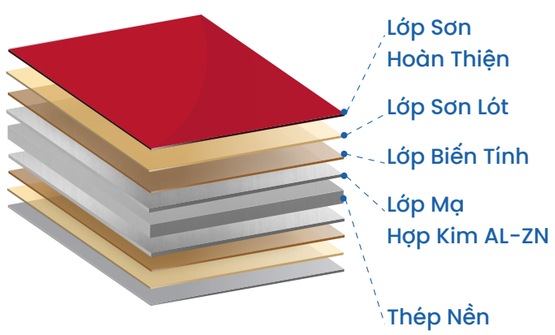
Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	*Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF*	20µm
Lớp sơn lót	*Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF*	5µm
Lớp biến tính	*Chemical*	20 - 40mg/m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	*Chemical*	20 - 40mg/m²
Lớp sơn lót	*Polyester*	5 µm
Lớp sơn hoàn thiện	*Polyester*	5-7 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 200g/m²/2 mặt.

MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE và PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.



ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt nhất.

BẢO HÀNH

	Sơn PE	Sơn SPE	Sơn SMP	Sơn PVDF
Bảo hành chống thủng	25 năm	30 năm	30 năm	36 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn	10 năm	15 năm	15 năm	20 năm
Bảo hành phai màu sơn	8 năm	10 năm	10 năm	20 năm
Bảo hành kháng bám bụi	–	1 năm	–	2 năm

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

ZINMAG® - TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE
(ZM60-ZM450)



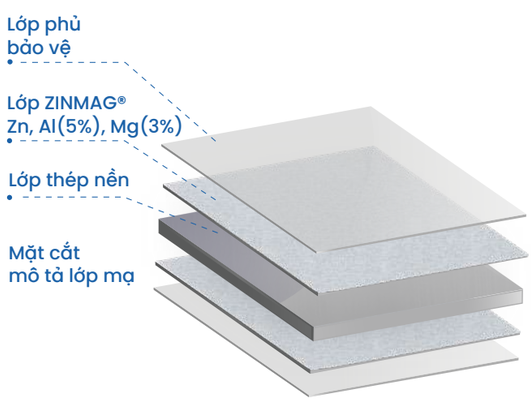
MÔ TẢ

ZINMAG® là loại thép mạ hợp kim Magie được phát triển bởi Tôn Nam Kim với sự hợp tác của đối tác MGK và Van Der Laan International Consultancy B.V.

Tôn ZINMAG® với lớp mạ độc đáo Zn-Al5%-Mg3% cung cấp một giải pháp đột phá trong việc bảo vệ chống ăn mòn bề mặt và bảo vệ mép cắt kim loại, có thể sử dụng ngay cả trong các môi trường khắc nghiệt nhất (C5) như môi trường chăn nuôi, hóa chất, vận chuyển biển,...

ỨNG DỤNG

Ứng dụng làm các công trình gần biển, vật liệu dùng để sản xuất silo, công trình chăn nuôi, thiết bị đồ gia dụng, khung đỡ pin năng lượng mặt trời, HVAC, xà gồ, sàn deck, máng xối, thanh hộ lan cao tốc,...



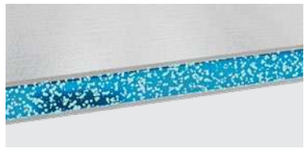
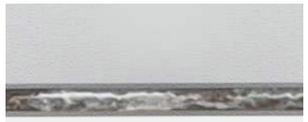
TIÊU CHUẨN

AS 1397	G300, G350, G450,...
ASTM A1046/A1046M	SS 340 Class 1/2/4,...
BS EN 10346	S350GD, S450GD,...
JIS G 3323	SGMC340, SGMC570,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày thép nền	0,4 – 3,2mm
Khổ rộng	900 – 1.260mm
Khối lượng lớp mạ	ZM60 – ZM450

CƠ CHẾ CHỐNG ĂN MÒN

	SAU VÀI TUẦN	SAU VÀI TUẦN ĐẾN 1 NĂM	SAU 1 NĂM
HÌNH ẢNH MINH HỌA			
HÌNH ẢNH THỰC TẾ			
	Gỉ xuất hiện	Màng Simonkolleite hình thành và trám dần vết gỉ	Qua thời gian SKT trám hoàn toàn

ỨNG DỤNG


Sàn deck


Thanh hộ lan cao tốc


Thang máng cáp


Xà gồ


HVAC


Chuồng trại


Tủ điện


Máng xối


Silo Chứa


Khung đỡ pin
năng lượng mặt trời

ZINMAG® COLOR – TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE MÀU

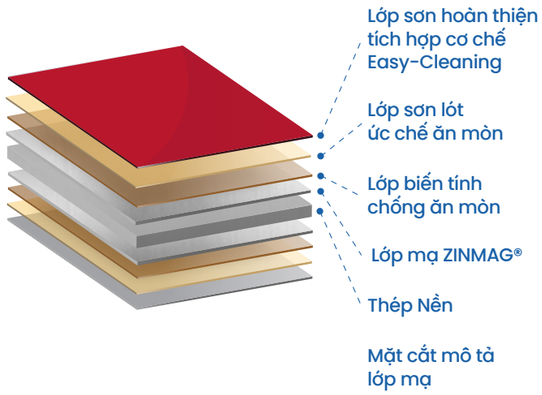
(**ZM90** | PE EASY CLEANING 25/10)



MÔ TẢ

Tôn màu ZINMAG® COLOR được sản xuất bởi Tôn Nam Kim trên dây chuyền công nghệ hiện đại giúp giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường, là sự kết hợp giữa lớp tôn nền được mạ hợp kim 3% Magie với các dòng sơn PE Easy-Cleaning, SPE, SMP và PVDF cao cấp. Mỗi lớp dòng mạ có vai trò quan trọng trong việc tạo ra chất lượng của sản phẩm, bảo hủy các đặc tính nổi bật như chống ăn mòn thùng, kháng bám bụi, chống phai màu, mang lại tuổi thọ lâu dài và giảm đáng kể chi phí bảo trì cho công trình.

Bề mặt lớp mạ ZINMAG® hoàn toàn không có bông vân, đây là yếu tố cực kỳ quan trọng hoàn toàn vượt trội so với với hàng lạnh thường (AZ) và lạnh Magie (AM) giúp lớp sơn đồng đều trên bề mặt, gia tăng liên kết bám dính với màng sơn và tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm.



TIÊU CHUẨN

AS/NZS 2728	G300, G550,...
ASTM A755/A755M	SS 340 Class 1/2/3,...
BS EN 10169	S350GD,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày thép nền	0,35 mm – 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim	92% Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie
Khối lượng lớp mạ hợp kim	90 g/m² / 2 mặt

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

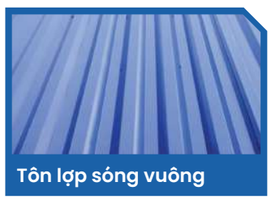
Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế Easy-Cleaning	Polyester	DFT* ≥ 20µm
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 – 40mg/m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 – 40mg/m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	DFT* ≥ 5µm

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng	25 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn	8 năm
Bảo hành phai màu sơn	8 năm

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

ỨNG DỤNG


Tôn lợp sóng vuông


Tôn lợp sóng tròn


Tôn lợp seamlock


Tôn lợp Kliplock


Máng xối


Cửa cuốn



Bảng hiệu

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

ZINMAG® COLOR ZM150

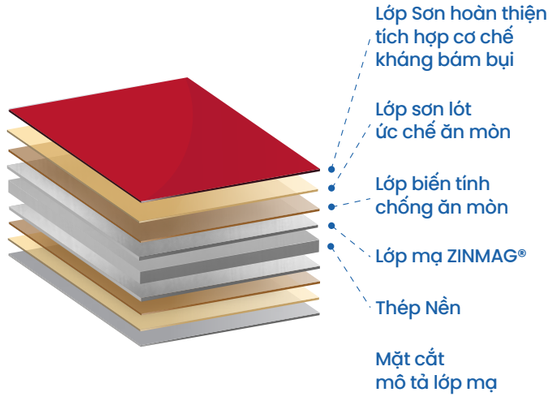
(**ZM150** | SPE 25/10)



MÔ TẢ

ZINMAG® COLOR ZM150 là sự kết hợp giữ lớp thép nền hợp kim 3% Magie với hệ sơn SPE kháng bám bụi cao cấp mang lại hiệu quả kháng bám bụi, duy trì màu sắc lâu dài và chống ăn mòn vượt trội.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM150 kết hợp cùng hệ sơn SPE kháng bám bụi cao cấp phù hợp với công trình chất lượng cao.



TIÊU CHUẨN

AS/NZS 2728	G300, G350, G450, G550
ASTM A755/A755M	SS40, SS50, SS70, SS80
BS EN 10169	S250GD, S350GD, S450GD, S550GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày thép nền	0,35 mm – 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim	92% Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie
Khối lượng lớp mạ hợp kim	150 g/m² / 2 mặt

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

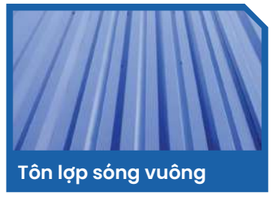
Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế Easy-Cleaning	Supper Polyester	DFT* ≥ 20µm
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Supper Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 – 40mg/m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 – 40mg/m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	DFT* ≥ 5µm

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng	35 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn	15 năm
Bảo hành phai màu sơn	10 năm
Bảo hành kháng bám bụi	1 năm

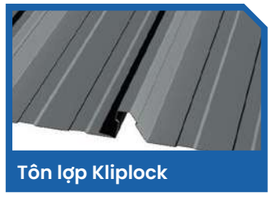
Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

ỨNG DỤNG


Tôn lợp sóng vuông


Tôn lợp sóng tròn


Tôn lợp seamlock


Tôn lợp Kliplock


Máng xối


Cửa cuốn


Bảng hiệu

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

ZINMAG® COLOR ZM180

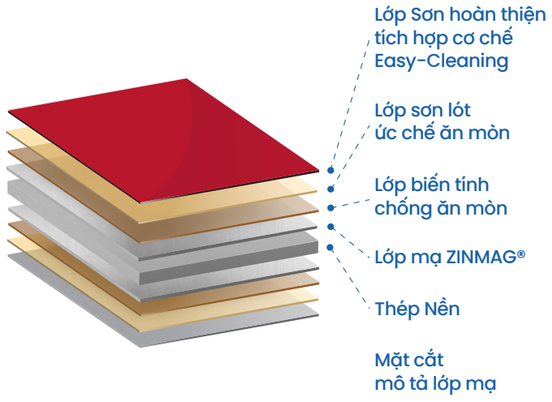
(**ZM180** | PVDF 25/12)



MÔ TẢ

ZINMAG® COLOR ZM180 là sự kết hợp giữ lớp thép nền hợp kim 3% Magie với hệ sơn PVDF kháng bám bụi cao cấp mang lại hiệu quả kháng bám bụi, duy trì màu sắc lâu dài và chống ăn mòn vượt trội.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM180 kết hợp cùng hệ sơn PVDF kháng bám bụi cao cấp phù hợp với công trình chất lượng cao.



TIÊU CHUẨN

AS 2728	G300, G350, G450, G550
ASTM A753 A753M	SS40, SS50, SS70, SS80
BS EN 10169	S250GD, S350GD, S450GD, S550GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày thép nền	0,35 mm – 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim	92% Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie
Khối lượng lớp mạ hợp kim	180 g/m² / 2 mặt

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

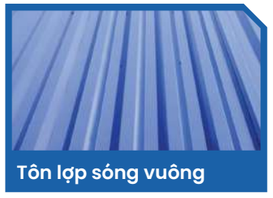
Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế Easy-Cleaning	PVDF	DFT* ≥ 20µm
Lớp sơn lót chống ăn mòn	PVDF	DFT* ≥ 5µm
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 – 40mg/m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 – 40mg/m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	DFT* ≥ 7µm

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng	40 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn	20 năm
Bảo hành phai màu sơn	10 năm
Bảo hành kháng bám bụi	2 năm

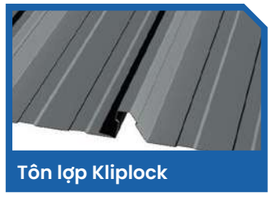
Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

ỨNG DỤNG


Tôn lợp sóng vuông


Tôn lợp sóng tròn


Tôn lợp seamlock


Tôn lợp Kliplock


Máng xối


Cửa cuốn


Bảng hiệu

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

ỐNG THÉP MẠ KẼM

ASTM A500/A500M | COATING Z80 - Z275



THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI QUỐC TẾ

XUẤT KHẨU TRÊN 65 QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ





Hiện nay, Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Mỹ, Châu Âu, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông và Châu Phi.

THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI NỘI ĐỊA





03. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2025

68 Vĩ mô 2025
76 Ngành thép 2025
90 Tôn Nam Kim 2025
100 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Tối ưu hóa giá trị sử dụng trên nền tảng công nghệ

VĨ MÔ

I. TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ THẾ GIỚI 2025

Nhìn lại năm 2025, nền kinh tế toàn cầu đã thể hiện một sự kiên cường đáng kinh ngạc (surprising resilience), vượt xa các dự báo thận trọng đầu năm. Mặc dù phải đối mặt với hàng loạt cú sốc địa chính trị cực đoan, sự đứt gãy nghiêm trọng của các hành lang vận tải huyết mạch và làn sóng bảo hộ thương mại dâng cao, GDP toàn cầu vẫn duy trì được đà tăng trưởng ổn định trên bề mặt. Tuy nhiên, dưới góc độ chiến lược vĩ mô, sự ổn định này mang tính chất "phân kỳ" sâu sắc (divergent forces). Một trạng thái "ổn định giả tạo" đang được duy trì nhờ sự bùng nổ của đầu tư công nghệ và các gói kích thích tài khóa tại một số cường quốc, trong khi các rủi ro hệ thống về nợ công và phân mảnh địa kinh tế đang tích tụ mạnh mẽ bên dưới lớp vỏ bọc tăng trưởng.

Động lực tăng trưởng chính đang chuyển dịch mạnh mẽ sang làn sóng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI), đóng góp khoảng 0,4% - 0,5% vào năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) toàn cầu, đi kèm những lo lắng về bong bóng dot-com thứ 2. Mặc dù lạm phát đang hạ nhiệt, áp lực giá vẫn duy trì sự dai dẳng tại các nền kinh tế lớn do tác động trễ của chính sách bảo hộ và chi phí dịch vụ cao. Điều kiện tài chính nhìn chung đã nới lỏng hơn khi các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu lộ trình cắt giảm lãi suất.

Nguồn: IMF và WB

Tuy nhiên, triển vọng này đối mặt với các rủi ro địa chính trị và rào cản thương mại cực hạn. Thuế suất hiệu dụng của Mỹ duy trì ở mức cao lịch sử (khoảng 19%), gây ra sự phân mảnh thương mại và buộc các doanh nghiệp phải tái cấu trúc chuỗi cung ứng với chi phí cao hơn. Đặc biệt, xung đột tại Trung Đông đe dọa gây ra tình trạng "gián đoạn tối đa" tại eo biển Hormuz, có thể đẩy giá dầu thô vọt lên 108 USD/thùng và cộng thêm 40 điểm cơ bản vào lạm phát thế giới. Thực tế, nợ toàn cầu vẫn ở mức cao kỷ lục (trên 235% GDP), làm thu hẹp không gian tài khóa để ứng phó với các cú sốc tương lai.

Ở chiều ngược lại, các yếu tố tích cực có thể thúc đẩy tăng trưởng vượt dự báo nếu các khoản đầu tư vào AI thực sự chuyển hóa thành những cải thiện rõ rệt về năng suất và tạo ra một động lực kinh doanh mới mẻ, bền vững. Sự hạ nhiệt trong các tranh chấp thương mại cũng sẽ là một cú hích quan trọng cho hoạt động kinh tế. Để thúc đẩy sự ổn định và nâng cao triển vọng tăng trưởng trong trung hạn, các nhà điều hành chính sách cần tập trung ưu tiên vào việc tái thiết lập các vùng đệm tài khóa, bảo vệ sự ổn định giá cả và hệ thống tài chính, giảm thiểu các yếu tố gây mất niềm tin và quyết liệt thực hiện các cải cách cơ cấu không chậm trễ.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TOÀN CẦU

Theo dữ liệu cập nhật IMF (tháng 1/2026), GDP toàn cầu năm 2026 dự kiến duy trì ở mức 3,3%, cho thấy sự bền bỉ của nền kinh tế nhưng vẫn thấp hơn mức tiềm năng trước đại dịch. Sự phân hóa về triển vọng tăng trưởng giữa các khu vực ngày càng sâu sắc: các nền kinh tế phát triển đối mặt với rủi ro đình trệ do hàng rào thương mại, trong khi các nước mới nổi tại Châu Á tiếp tục là động lực tăng trưởng chính nhờ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI (%)

	2024	2025	2026 Dự báo	2027 Dự báo
Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)				
Toàn cầu	3,3	3,3	3,3	3,2
Các nền kinh tế phát triển	1,8	1,7	1,8	1,7
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	4,3	4,4	4,2	4,1
Ngân hàng Thế giới (WB)				
Toàn cầu	2,8	2,7	2,6	2,7
Các nước phát triển	1,6	1,7	1,6	1,6
Các nước mới nổi và đang phát triển	4,3	4,2	4,0	4,1
Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)				
Toàn cầu	3,3	3,2	2,9	3,1
Khối OECD	1,7	1,7	1,7	1,8
G20	3,4	3,2	2,9	3,1

Nguồn: IMF, WB, OECD.

LẠM PHÁT TOÀN CẦU

Lạm phát toàn cầu giai đoạn 2025 - 2026 đang hạ nhiệt dần về mức mục tiêu của các ngân hàng trung ương. Dự báo tỷ lệ lạm phát tiêu đề giảm từ mức 4,1% năm 2025 xuống còn 3,8% năm 2026 nhờ thị trường lao động nới lỏng, nhu cầu hàng hóa suy yếu và giá năng lượng đi xuống.

Tuy nhiên, sự phân hóa giữa các nền kinh tế vẫn rất rõ rệt. Tại Mỹ, lạm phát dai dẳng hơn và dự kiến chỉ về mức 2% vào năm 2027 do tác động trễ từ việc chuyển chi phí thuế quan sang giá tiêu dùng. Ngược lại, khu vực đồng Euro duy trì ổn định quanh mức 2%, trong khi Trung Quốc bắt đầu thoát khỏi áp lực giảm phát.

Rủi ro lạm phát tăng trở lại vẫn thường trực từ các cú sốc địa chính trị. Xung đột tại Iran gây gián đoạn eo biển Hormuz có thể đẩy giá dầu vọt lên 108 USD/thùng, cộng thêm 40 điểm cơ bản vào lạm phát thế giới. Ngoài ra, chính sách bảo hộ và thời tiết cực đoan tiếp tục đe dọa chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nguồn: IMF, The Guardian và GSO

TÌNH HÌNH KINH TẾ CÁC KHU VỰC

Mỹ: Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng 2,1%, giảm 0,7% so với 2025 và cao nhì trong nhóm nước đang phát triển chỉ đứng sau Tây Ban Nha với 2,9%, dù thế vẫn là con số ấn tượng khi xét về quy mô của nền kinh tế khổng lồ của Mỹ. Động lực chủ chốt đến từ làn sóng đầu tư bùng nổ vào thiết bị và tài sản trí tuệ liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI), cùng tác động tích cực từ gói kích cầu tài khóa thông qua Đạo luật One Big Beautiful Bill Act (OBBBA). Tuy nhiên, rào cản thuế quan hiệu dụng cao (18,5% - 19%) cùng thị trường lao động hạ nhiệt do sụt giảm dòng người nhập cư đang gây áp lực lên lạm phát và niềm tin tiêu dùng. Về triển vọng tăng trưởng, GDP có thể bứt phá lên mức 2,4% trong năm 2026 nếu việc ứng dụng AI nhanh chóng chuyển hóa thành năng suất thực tế và các căng thẳng thương mại được tháo gỡ. Ngược lại, nền kinh tế đối mặt rủi ro sụt giảm nếu xảy ra sự điều chỉnh giá tài sản công nghệ đột ngột hoặc các xung đột địa chính trị gây sốc giá năng lượng và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nguồn: IMF và WB

Khu vực Eurozone: Tăng trưởng GDP khiêm tốn dự báo đạt khoảng 1,2%. Động lực chính thúc đẩy sự xoay chuyển này đến từ việc lạm phát hạ nhiệt về mức mục tiêu, giúp củng cố sức mua của hộ gia đình thông qua lương thực tế tăng và các gói kích cầu tài khóa, tiêu biểu là tại Đức. Tuy nhiên, khu vực vẫn chịu áp lực nặng nề từ các rào cản thương mại của Mỹ và sự suy yếu mang tính cấu trúc của ngành công nghiệp sản xuất. Về viễn cảnh phát triển, GDP có thể bứt phá lên trên mức 1,4% trong năm 2027 nếu các thỏa thuận thương mại mới giúp giảm thuế quan hoặc việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thúc đẩy năng suất đột phá. Ngược lại, tăng trưởng có nguy cơ sụt giảm khoảng 0,2% nếu căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông gây ra cú sốc giá năng lượng mới, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và buộc các ngân hàng trung ương phải duy trì lãi suất cao.

Nguồn: IMF và GSO

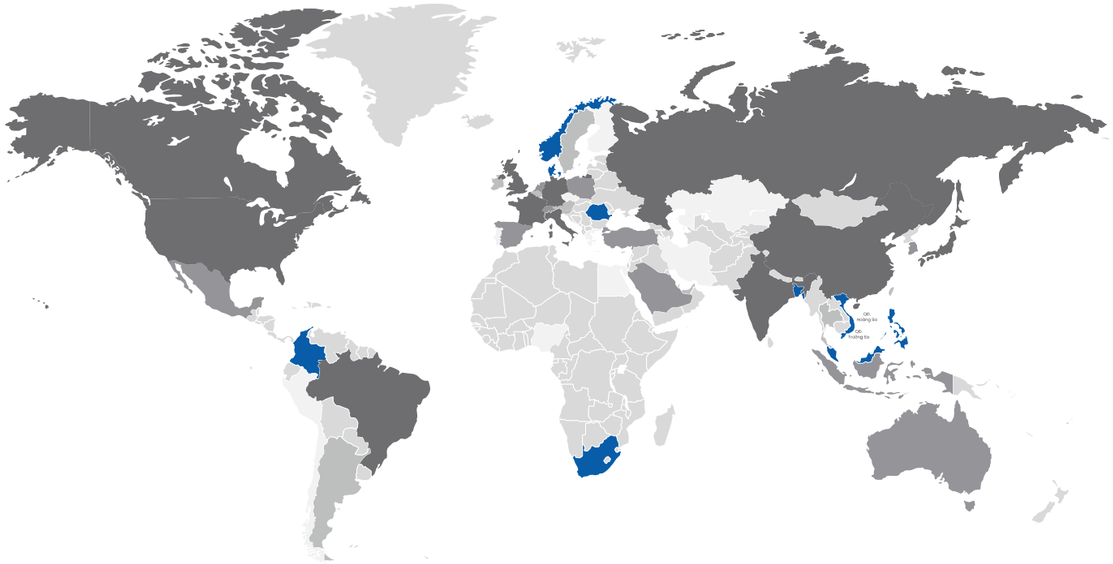
Trung Quốc: Theo IMF, dù duy trì mức tăng trưởng dự báo quanh ngưỡng 4,8 – 5,0%, sự kiên cường này chủ yếu được chống đỡ bởi các gói kích cầu tài khóa và sự chuyển dịch linh hoạt của dòng chảy xuất khẩu sang các thị trường ngoài Mỹ. Tuy vậy, "gót chân Achilles" từ cuộc khủng hoảng bất động sản kéo dài và niềm tin tiêu dùng suy yếu vẫn là rào cản ngăn chặn một sự phục hồi toàn diện. Về viễn cảnh tương lai, GDP có thể bứt phá lên trên 5,0% nếu làn sóng đầu tư vào AI và công nghệ bán dẫn tạo ra cú hích năng suất đột phá và các thỏa thuận thương mại mới giúp giảm bớt căng thẳng. Trái lại, tăng trưởng có rủi ro sụt giảm xuống dưới mức 4,0% nếu thị trường nhà đất tiếp tục suy thoái trầm trọng, kết hợp với áp lực nợ công địa phương và các rào cản thuế quan mới siết chặt chuỗi cung ứng công nghệ chiến lược.

Nguồn: IMF và WB

Các nước ASEAN: Năm 2025, các quốc gia ASEAN tựa như những thực thể kiên cường đang nỗ lực rẽ sóng giữa tâm bão bảo hộ thương mại toàn cầu. Trong khi Thái Lan ghi nhận sự chững lại do đầu tư công thu hẹp, thì Việt Nam, Malaysia và Philippines lại bứt tốc mạnh mẽ nhờ tận dụng "cánh buồm" AI để thúc đẩy xuất khẩu linh kiện điện tử và bán dẫn. Indonesia tiếp tục duy trì vị thế ổn định quanh ngưỡng 5% nhờ trụ cột tiêu dùng nội địa vững chắc, giúp tăng trưởng chung của nhóm ASEAN-5 đạt khoảng 4,2%. GDP khu vực có thể bứt phá mạnh mẽ nếu làn sóng đầu tư công nghệ số tạo ra cú hích năng suất đột phá và sự linh hoạt của khối tư nhân giúp hóa giải hiệu quả các rào cản thuế quan mới. Nếu căng thẳng thương mại Mỹ - Trung leo thang cực hạn hoặc nhu cầu từ thị trường Trung Quốc suy thoái kéo dài, sẽ gây áp lực nặng nề lên chuỗi cung ứng xuất khẩu của khu vực.

Nguồn: WB và GSO

XẾP HẠNG GPD CÁC NƯỚC NĂM 2025



Xếp hạng 1-10 *Xếp hạng 11-20* *Xếp hạng 21-30* *Xếp hạng 31-40* *Xếp hạng 41-50*

Nguồn: IMF (MAR, 2026)

CHỦ NGHĨA BẢO HỘ TRỞ THÀNH XU HƯỚNG TOÀN CẦU

Theo IMF, chủ nghĩa bảo hộ đang trở thành xu hướng chủ đạo khi các quốc gia gia tăng rào cản thương mại, dẫn dắt bởi chính sách của Mỹ với mức thuế suất hiệu dụng trung bình vọt lên khoảng 17% - 18,5%, ngưỡng cao nhất kể từ thập niên 1930. Trong năm 2025, xu hướng này ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế thế giới thông qua hiện tượng tích trữ hàng hóa, tạo ra xung lực tăng trưởng thương mại tạm thời đạt khoảng 3,6% - 4,1%.

Tuy nhiên, đà tăng này chỉ là tạm thời. Các chuyên gia cảnh báo rằng khi việc tích hàng kết thúc và các rào cản thuế bắt đầu phát huy tác dụng đầy đủ, tăng trưởng thương mại năm 2026 sẽ bị kéo lùi xuống còn khoảng 2,2% - 2,6%. Việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng dưới áp lực bảo hộ không chỉ đẩy chi phí vận hành tăng cao mà còn biến sự bất ổn chính sách thành lực cản thường trực đối với tăng trưởng toàn cầu dài hạn.



II. TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2026

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2026 được định hình bởi trạng thái "bình ổn trong phân hóa", nơi những động lực tăng trưởng từ công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nỗ lực cân bằng với các cú sốc địa chính trị cực hạn và sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ thương mại toàn cầu.

CÚ SỐC ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ TRẠNG THÁI "GIÁN ĐOẠN TỐI ĐA"

Bức tranh an ninh toàn cầu bước vào năm 2026 với những biến động cực hạn, đặc biệt là cuộc xung đột tại Trung Đông sau các cuộc tấn công hiệp đồng của Mỹ và Israel vào Iran cuối tháng 2/2026. Tình trạng này đã dẫn đến kịch bản "gián đoạn tối đa" tại eo biển Hormuz – tuyến đường huyết mạch lưu thông 20% lượng dầu mỏ và LNG toàn cầu. Chỉ tính từ ngày 01/03/2026, đã có ít nhất 16 tàu bị tấn công, khiến các khu vực neo đậu trở nên cực kỳ nguy hiểm và hơn 150 tàu bị mắc kẹt. Hệ quả trực tiếp là phí bảo hiểm hàng hải tăng vọt từ 50% đến hơn 100%, buộc các hãng vận tải phải chuyển hướng qua Mũi Hảo Vọng, kéo dài lộ trình thêm 3.500 - 4.000 dặm và tăng thời gian di chuyển từ 10 đến 14 ngày. Các chuyên gia cảnh báo nếu eo biển này bị đóng cửa trong vài tháng, giá dầu thô có thể tăng 80% lên mức 108 USD/thùng, đe dọa trực tiếp đến giá thép tại Châu Âu và làm chệch hướng lộ trình phục hồi kinh tế toàn cầu. Song song đó, cuộc chiến tại Ukraine vẫn tiếp diễn gây áp lực lên cơ sở hạ tầng năng lượng và tăng trưởng khu vực, trong khi các lệnh trừng phạt mới đối với Iran đang làm sụt giảm sản lượng dầu mỏ của quốc gia này.

Nguồn: WB, The Guardian, Automotive Logistic và BSSA.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU: SỰ KIÊN CƯỜNG TRƯỚC SÓNG GIÓ

Bất chấp các cú sốc địa chính trị, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 dự báo sẽ duy trì sự bền bỉ nhưng có sự điều chỉnh nhẹ giữa các tổ chức tài chính. IMF lạc quan dự báo mức 3,3%, trong khi WB thận trọng hơn ở mức 2,6% và OECD dự kiến đạt 2,9%. Theo WB, động lực tăng trưởng chủ chốt đang chuyển dịch mạnh mẽ sang làn sóng đầu tư vào AI, với kỳ vọng thúc đẩy năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) toàn cầu thêm khoảng 0,5% mỗi năm, tạo ra mức tăng tích lũy 2,7% sản lượng kinh tế sau 5 năm. Theo IMF, tăng trưởng thương mại hàng hóa thế giới dự báo sẽ chậm lại rõ rệt, giảm từ mức 3,4% - 4,1% năm 2025 xuống còn khoảng 2,2% - 2,6% năm 2026 khi hiện tượng "nhập khẩu trước" (front-loading) chấm dứt và các rào cản thuế quan bắt đầu phát huy tác dụng đầy đủ. Lạm phát toàn cầu được kỳ vọng sẽ tiếp tục hạ nhiệt về mức 3,8% (nhóm G20 có thể về 2,8%), nhưng nợ công toàn cầu vẫn là rủi ro tiềm tàng khi duy trì ở ngưỡng trên 235% GDP, làm thu hẹp không gian tài khóa của các nền kinh tế đang phát triển.

SỰ PHÂN HÓA TẠI CÁC NỀN KINH TẾ ĐẦU TÀU

Theo IMF, tại các quốc gia lớn, bức tranh tăng trưởng ghi nhận những chiều hướng trái ngược nhau do tác động từ chính sách nội tại. Mỹ dự báo tăng trưởng từ 2,2% đến 2,4%, được hỗ trợ bởi các ưu đãi thuế từ Đạo luật OBBBA 2025 và làn sóng đầu tư AI, dù phải đối mặt với mức thuế suất hiệu dụng cao lịch sử 18,5% và thị trường lao động đang hạ nhiệt. Trung Quốc tiếp tục đối mặt với sự chậm lại mang tính cấu trúc, dự báo tăng trưởng chỉ đạt 4,4% - 4,5% do cuộc khủng hoảng bất động sản kéo dài và niềm tin tiêu dùng yếu, bất chấp các nỗ lực kích cầu tài khóa. Khu vực đồng Euro ghi nhận mức phục hồi khiêm tốn khoảng 0,9% - 1,3% khi chi phí năng lượng vẫn ở mức cao và sự suy yếu của ngành chế biến chế tạo tại Đức vẫn chưa được giải quyết triệt để. Nhật Bản dự kiến chỉ đạt mức tăng trưởng 0,7% - 0,8% khi hiệu ứng xuất khẩu sớm giảm dần và chính sách tiền tệ bắt đầu thắt chặt. Ngược lại, các nền kinh tế mới nổi như Ấn Độ (6,4%) và khu vực ASEAN vẫn duy trì được xung lực nhờ chuyển dịch chuỗi cung ứng công nghệ. Sự thích nghi của khu vực tư nhân và năng lực sẵn sàng ứng dụng AI sẽ là yếu tố quyết định vị thế của các quốc gia trong năm 2026.

III. BÁO CÁO VĨ MÔ VIỆT NAM 2025

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

Năm 2025, bức tranh kinh tế Việt Nam chứng minh được sức bật và độ bền bỉ ấn tượng. Bất chấp những thách thức từ môi trường quốc tế, các chỉ số vĩ mô cốt lõi đều được duy trì ở mức ổn định. Nền kinh tế không chỉ kiểm soát tốt lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn mà còn duy trì tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm dẫn đầu. Quy mô nền kinh tế được mở rộng đã củng cố nền tảng nội tại vững chắc, biến Việt Nam thành điểm đến hấp dẫn và là điểm sáng tăng trưởng đáng chú ý trên bản đồ kinh tế thế giới.

TĂNG TRƯỞNG GDP

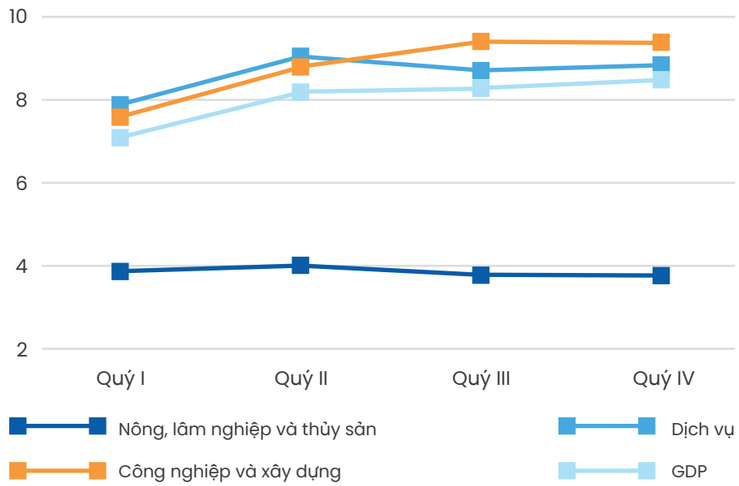
Khép lại năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều biến số phức tạp từ lạm phát neo cao tại các nền kinh tế lớn, xung đột địa chính trị và sự đứt gãy chuỗi cung ứng, kinh tế Việt Nam vẫn khẳng định được sức chống chịu kiên cường. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 8,02%, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu khu vực Đông Nam Á. Gia tốc phục hồi được thể hiện rõ nét qua từng quý (quý I tăng 7,05%; quý II: 8,16%; quý III: 8,25%; quý IV: 8,46%), minh chứng cho sự bứt phá toàn diện của các ngành sản xuất, thương mại và dịch vụ. Quy mô nền kinh tế không ngừng mở rộng, ước đạt 514 tỷ USD, tạo nền tảng vững chắc cho chu kỳ phát triển mới.

Điểm sáng đầu tư và khởi sắc sản xuất công nghiệp

Với vai trò là cỗ máy dẫn dắt tăng trưởng, khu vực công nghiệp và xây dựng ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2025 ước tăng 9,73%, đóng góp trọng yếu vào đà tăng trưởng chung, đặc biệt bứt phá tại các lĩnh vực cốt lõi như chế biến chế tạo, xây dựng và năng lượng.

Cộng hưởng cùng đà bứt phá đó, khu vực dịch vụ cũng tăng tốc ấn tượng với mức tăng 8,82% trong quý IV (trở thành động lực tăng trưởng lớn thứ hai, chỉ đứng sau công nghiệp và xây dựng). Con số này phản ánh rõ nét sự nhộn nhịp trở lại của sức mua nội địa, vận tải và các hoạt động giao thương. Ở góc độ vĩ mô, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ vững chắc (tăng 3,7%) nhờ việc ứng dụng sâu rộng các mô hình công nghệ cao, mang lại hiệu quả kinh tế vượt trội.

TĂNG TRƯỞNG GDP PHÂN LOẠI THEO KHU VỰC KINH TẾ CÁC QUÝ NĂM 2025 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

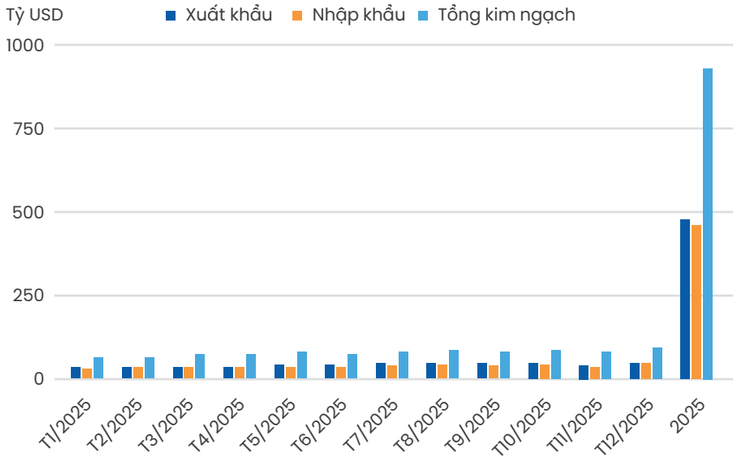
Sự khởi sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đến bức tranh đầu tư toàn xã hội với tổng vốn đầu tư thực hiện tăng khoảng 12,1%. Đáng chú ý, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giải ngân đạt 27,62 tỷ USD – thiết lập mức đỉnh mới trong vòng 5 năm qua, khẳng định niềm tin mãnh liệt của cộng đồng quốc tế vào môi trường kinh doanh tại Việt Nam.



Xuất nhập khẩu: Động lực bứt phá trước thách thức rào cản thương mại

Hoạt động xuất, nhập khẩu tiếp tục là điểm sáng rực rỡ với tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16% và nhập khẩu tăng 19,4%, duy trì vững chắc vị thế thặng dư thương mại. Điều này đã hỗ trợ đắc lực cho việc ổn định tỷ giá và củng cố dự trữ ngoại hối. Đáng chú ý, dù đối mặt với thách thức trực diện từ các chính sách thuế quan bổ sung của thị trường Mỹ lên nhóm ngành kim loại (sắt thép, nhôm), bức tranh xuất khẩu nội địa vẫn được bảo vệ thành công. Sự linh hoạt trong việc khai thác các thị trường thay thế, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và đẩy mạnh các dòng sản phẩm không bị áp thuế đã giúp ngành thép và toàn nền kinh tế duy trì nhịp độ tăng trưởng tích cực.

TỔNG TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU (TỶ USD)



Ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và an sinh xã hội

Sự phối hợp nhịp nhàng, linh hoạt giữa chính sách tiền tệ và tài khóa của Chính phủ đã phát huy hiệu quả tối đa. Ngân hàng Nhà nước duy trì mặt bằng lãi suất ổn định, đảm bảo thanh khoản hệ thống hợp lý. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 được kiểm soát thành công ở mức 3,31%, hoàn thành xuất sắc mục tiêu lạm phát của Quốc hội. Môi trường vĩ mô ổn định đã giúp cộng đồng doanh nghiệp và người dân hoàn toàn yên tâm hoạch định kế hoạch sản xuất, tiêu dùng.

Song hành cùng tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân và tỷ lệ việc làm không ngừng được cải thiện. Các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác hỗ trợ đồng bào vùng khó khăn, chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ được triển khai kịp thời, thiết thực, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA KINH TẾ VIỆT NAM 2026

CƠ HỘI

Động lực từ nền tảng vững chắc và chu kỳ chiến lược mới

Bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp nhận đà phục hồi mạnh mẽ từ mức tăng trưởng 8,02% của năm 2025 cùng hệ thống các cân đối vĩ mô được duy trì vững chắc. Đáng chú ý, 2026 là năm bản lề mở ra Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2026–2030), hứa hẹn mang lại những lực đẩy mạnh mẽ từ các chính sách cải cách thể chế và kích cầu toàn diện.

Những động lực tăng trưởng mũi nhọn đã được xác lập rõ nét

- Lực kéo từ đầu tư và hạ tầng: Việc Chính phủ quyết liệt đẩy mạnh giải ngân đầu tư công vào các siêu dự án hạ tầng chiến lược, kết hợp cùng dòng vốn FDI duy trì ở mức cao sẽ trực tiếp tạo ra không gian thị trường rộng lớn cho các ngành công nghiệp phụ trợ và vật liệu cơ bản.

- Sức bật nội tại: Niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp được củng cố, thị trường lao động phục hồi song hành cùng sự ổn định của tiêu dùng nội địa tạo ra bệ phóng vững chắc, giảm bớt sự phụ thuộc vào các biến số bên ngoài.

THÁCH THỨC

Bên cạnh những gam màu sáng, nền kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều "cơn gió ngược" từ môi trường vĩ mô toàn cầu và nội tại nền kinh tế:

- Cú sốc địa chính trị và điểm nóng Trung Đông: Điểm rủi ro lớn nhất trong năm 2026 đến từ sự bùng phát và leo thang căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là xung đột trực diện giữa Mỹ và Iran. Biến cố này tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn nghiêm trọng các tuyến hàng hải huyết mạch toàn cầu. Hệ lụy kéo theo là cước vận tải biển tăng vọt và chuỗi cung ứng bị đứt gãy cục bộ, đặt ra áp lực lớn lên biên lợi nhuận của các hoạt động xuất nhập khẩu.

- Áp lực chi phí năng lượng và lạm phát: Cùng với xung đột địa chính trị, biến động khó lường của giá năng lượng (dầu mỏ, khí đốt) trên toàn cầu đang manh nha thổi bùng lại nguy cơ lạm phát dai dẳng. Điều này kéo theo sự bất ổn của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi đó, dư địa điều hành chính sách tiền tệ và tài khóa trong nước đang hẹp dần sau nhiều chu kỳ kích thích kinh tế, đi kèm với những rủi ro tiềm ẩn về thanh khoản và nợ xấu trong hệ thống tài chính.

- Sức ép chuyển đổi xanh và rào cản thương mại: Xu hướng phân mảnh thương mại, gia tăng rào cản bảo hộ từ các thị trường lớn ngày càng rõ rệt. Đồng thời, yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về phát triển bền vững và giảm phát thải carbon không còn là câu chuyện tương lai, mà đã trở thành áp lực tuân thủ ngay trong ngắn hạn để duy trì năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh đan xen giữa thời cơ và thách thức, chìa khóa cho bài toán tăng trưởng bền vững năm 2026 nằm ở sự linh hoạt và năng lực quản trị rủi ro. Việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thiết lập kịch bản dự phòng cho chuỗi cung ứng logistics trước biến động từ Trung Đông, tối ưu hóa chi phí năng lượng, và đặc biệt là năng lực khai thác triệt để sức mua từ thị trường nội địa sẽ là những trụ cột mang tính quyết định để bứt phá trong giai đoạn mới.



NGÀNH THÉP 2025

NGÀNH THÉP THẾ GIỚI 2025

A. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI 2025

Ngành thép thế giới đang đứng trước một cuộc đại tu mang tính lịch sử: Chuyển dịch từ sản lượng sang "Thép Xanh" và dịch chuyển trọng tâm tiêu thụ từ Trung Quốc sang Ấn Độ/ASEAN.

SẢN LƯỢNG VÀ TIÊU THỤ

Theo Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), Thị trường thép năm 2025 tựa như một thực thể đang nỗ lực tìm điểm cân bằng giữa các dòng chảy ngược chiều của kinh tế vĩ mô. Năm 2025: sản lượng đạt 1.849,4 triệu tấn (giảm 2%), trong đó;

- Trung Quốc: hơn 960 triệu tấn (51,93% tổng sản lượng toàn cầu)
- Ấn Độ: gần 165 triệu tấn (8,91%)
- Mỹ: gần 82 triệu tấn (4,42%)
- Nhật Bản: hơn 80 triệu tấn (4,36%)
- Nga: gần 68 triệu tấn (3,67%)

Nguồn: World Steel Association Anual production steel data, Febuary 2026.

Thứ hạng	Quốc gia	2024	2025	%2025/2024
1	Trung Quốc	1.005.091	960.810	-4,4%
2	Ấn độ	149.421	164.894	10,4%
3	Hoa Kỳ	79.457	81.937	3,1%
4	Nhật Bản	84.009	80.671	-4,0%
5	Nga	71.007	67.901	-4,4%
6	Hàn Quốc	63.611	62.233	-2,2%
7	Thổ Nhĩ Kỳ	36.893	38.118	3,3%
8	Đức	37.310	34.090	-8,6%
9	Brazil	33.880	33.347	-1,6%
10	Iran	31.357	31.998	2,0%
11	Việt Nam	21.974	24.661	12,2%
12	Ý	20.007	20.737	3,7%
13	Indonesia	18.642	19.000	1,90%
14	Đài Loan (Trung Quốc)	19.195	17.221	-10,3%
15	Mexico	14.325	13.509	-5,7%
16	Tây Ban Nha	11.873	11.799	-0,6%
17	Canada	12.287	11.465	-6,7%

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG THEN CHỐT

Ngành thép đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng dư thừa năng lực sản xuất toàn cầu, ước tính vượt mức 600 triệu tấn vào năm 2025, gây áp lực nặng nề lên giá bán và biên lợi nhuận. Chi phí sản xuất vẫn duy trì ở mức cao do biến động giá năng lượng và các rào cản thương mại mới như cơ chế CBAM của EU khiến việc xuất khẩu trở nên tốn kém hơn. Dù thế, làn sóng chuyển đổi xanh mở ra thị trường thép phát thải thấp đầy hứa hẹn, dự kiến đạt quy mô 60,91 tỷ USD vào năm 2025. Bên cạnh đó, các dự án hạ tầng lớn tại khu vực ASEAN, MENA và nhu cầu từ các ngành công nghệ mới (xe điện, năng lượng tái tạo) tiếp tục là những điểm sáng thúc đẩy sự phục hồi bền vững cho các nhà sản xuất biết tận dụng công nghệ và chuyển đổi số.

Bước sang năm 2026, ngành thép toàn cầu chính thức bước vào giai đoạn thực thi các cam kết về môi trường với những cột mốc pháp lý mang tính bắt buộc, thay vì dừng lại ở mức khuyến khích như giai đoạn trước.

ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Các công ty trong ngành đang đẩy mạnh việc đầu tư, nghiên cứu về công nghệ sản xuất như phương pháp điện hóa mới sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất sắt ở nhiệt độ thấp hơn, giúp giảm đáng kể lượng khí thải hay sử dụng hydro xanh được sản xuất bằng điện tái tạo, có khả năng giảm 95% lượng khí thải carbon so với các phương pháp truyền thống.

CÁC BIỆN PHÁP LIÊN QUAN CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH

- Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU chính thức bước vào giai đoạn định chế từ ngày 01/01/2026, yêu cầu nhà nhập khẩu mua chứng chỉ carbon dựa trên giá đấu thầu ETS. Với chi phí bổ sung dự kiến từ 72 đến 83 USD mỗi tấn thép vào năm 2030, chính sách này thúc đẩy các nhà sản xuất chuyển đổi từ lò cao truyền thống phát thải 1,8 - 2,2 tấn CO2 sang công nghệ lò điện (EAF) chỉ phát thải 0,6 tấn CO2.

- Sứ mệnh Thép Xanh và thuế tự vệ của Ấn Độ đang triển khai hệ thống xếp hạng sao để đánh giá cường độ carbon, tạo khung pháp lý cho chiến lược Thép Xanh quốc gia. Để bảo vệ thị trường nội địa với nhu cầu dự báo tăng trưởng 9,0%, chính phủ áp dụng mức thuế tự vệ 11 - 12% nhằm ngăn chặn thép nhập khẩu giá rẻ. Ngoài ra, việc giảm thuế GST xi măng từ 28% xuống 18% đã tạo xung lực gián tiếp, thúc đẩy tiêu thụ thép mạnh mẽ trong các dự án hạ tầng đô thị.

- Đạo luật OBBBA và chính sách bảo hộ của Mỹ năm 2025 cung cấp gói đầu tư 12 tỷ USD cho hạ tầng giao thông và 10 tỷ USD cho công nghệ không gian, giúp nhu cầu thép nội địa tăng 1,8%. Đồng thời, Mỹ siết chặt bảo hộ khi tăng thuế suất hiệu dụng lên mức 25% - 50% đối với thép nhập khẩu nhằm củng cố năng lực sản xuất trong nước. Đặc biệt, vào tháng 03/2026, USTR chính thức khởi xướng điều tra Mục 301 về tình trạng dư thừa năng lực sản xuất tại 16 nền kinh tế lớn để bảo vệ nền tảng công nghiệp nội địa.

- Giấy phép xuất khẩu và thị trường carbon tại Trung Quốc đã triển khai toàn diện hệ thống cấp phép xuất khẩu thép vào đầu năm 2026 nhằm kiểm soát khối lượng và ưu tiên các dòng thép mạ cao cấp. Việc hoàn thiện phân bổ hạn ngạch phát thải trong hệ thống ETS quốc gia cho phép các nhà máy giao dịch tín chỉ carbon, tạo nguồn tài chính để nâng cấp công nghệ hydro, giúp giảm 30 - 40% lượng phát thải so với quy trình lò cao truyền thống.

Nguồn: European Commission, Fast Market, Worldsteel, Steel-Technology, USTR 2025

CÁC ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH

DỰ ÁN THÉP XANH (GREEN STEEL) & HYDRO

- Dự án HYBRIT (SSAB, LKAB, Vattenfall)
- Thụy Điển: Tiếp tục phát triển công nghệ sử dụng hydro thay thế than cốc trong quá trìxnh luyện sắt. Mục tiêu là sản xuất thép không hóa thạch trên quy mô thương mại với các cột mốc quan trọng được kỳ vọng trong giai đoạn 2025 - 2026.

- Dự án SAIL & Primetals - Ấn Độ: Cuối năm 2025, Steel Authority of India (SAIL) đã hợp tác với Primetals Technologies để tích hợp công nghệ phun khí hydro vào lò cao (BF) tại Bokaro nhằm giảm dấu chân carbon.

CÔNG NGHỆ THU HỒI CARBON (CCUS) & NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

- Lộ trình CCUS quốc gia của Ấn Độ: Ra mắt vào tháng 12/2025 với ngân sách hơn 11 tỷ USD cho R&D, tập trung vào việc thu hồi và lưu trữ carbon trong sản xuất thép.

- ArcelorMittal - Ấn Độ: Công bố 3 dự án năng lượng tái tạo mới với tổng công suất 1 GW để cung cấp điện sạch cho các nhà máy thép (liên doanh AM/NS India), hướng tới mục tiêu sử dụng 35% điện sạch vào năm 2028.

LÒ HỒ QUANG ĐIỆN (EAF) & KINH TẾ TUẦN HOÀN

Năm 2025 ghi nhận làn sóng chuyển đổi từ lò cao truyền thống (BF-BOF) sang lò hồ quang điện (EAF) để tận dụng thép phế liệu và năng lượng sạch

- Liberty Steel - Cộng hòa Séc: Đầu tư 351 triệu USD lắp đặt hai lò hồ quang điện (EAF) hiện đại tại Ostrava. Với công suất 3,5 triệu tấn/năm, công nghệ này cắt giảm 80% phát thải trực tiếp nhờ thay thế than bằng thép phế liệu và điện sạch.

- Salzgitter - Đức: Giai đoạn 1 của SALCOS trị giá 732 triệu USD lắp đặt lò EAF công suất 1,9 triệu tấn. Kết hợp hydro xanh và điện tái tạo, dự án đặt mục tiêu cắt giảm 95% CO2 phát thải, hướng tới trung hòa carbon năm 2033.

- OMK - Nga: Tổ hợp tại Vyksa trị giá 2 tỷ USD sử dụng công nghệ Energiron DRI-EAF công suất 1,8 triệu tấn/năm. Hệ thống giúp giảm 70% khí thải CO2 bằng cách nạp sắt xốp nóng trực tiếp, sẵn sàng vận hành toàn diện trong năm 2025.

CÔNG NGHỆ SỐ & IN 3D

- Smart Steel & AI: Ứng dụng AI vào khoa học vật liệu để tối ưu hóa đặc tính của thép và quy trình sản xuất đang trở thành xu hướng chủ đạo trong năm 2025.

- In 3D bằng thép: Công nghệ này bắt đầu được ứng dụng rộng rãi hơn để tạo ra các bộ phận thép tùy chỉnh phức tạp, giảm thiểu lãng phí nguyên liệu.

Nguồn: Steel-Technology (2026)



B. GIÁ NGUYÊN LIỆU BIẾN ĐỘNG

Năm 2025, giá quặng sắt giảm về mức 100 USD/tấn. Áp lực đến từ nhu cầu Trung Quốc yếu (-2,0%) và cung dồi dào. Tuy nhiên, phí vận tải tăng do địa chính trị đã ngăn giá giảm sâu.

QUẶNG SẮT

Năm 2025, sản lượng quặng sắt thế giới tăng nhẹ khoảng 2%. Rio Tinto (Pilbara) dẫn đầu với mục tiêu 323 – 338 triệu tấn nhờ dự án Gudai-Darri. BHP ổn định mức 255 – 265 triệu tấn, trong khi Vale phục hồi mạnh đạt 336,1 triệu tấn, lần đầu vượt đối thủ Rio Tinto về sản lượng. Fortescue (FMG) tăng trưởng nhờ Iron Bridge với đạt sát biên cao của dự báo 190 - 200 triệu tấn, thực tế FY2025 đạt 198,4 triệu tấn. Đáng lưu ý, Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ và nhập khẩu nhiều quặng nhất thế giới, tăng trưởng nhẹ 0,6% về nhập khẩu quặng sắt lên 1,245 triệu tấn trong năm 2025. Một số yếu tố thúc đẩy mức tăng:

LƯỢNG QUẶNG SẮT XUẤT VÀ NHẬP KHẨU

	Nghìn tấn				Phần trăm thay đổi hàng năm		
	2024	2025[e]	2026[f]	2027[f]	2025[e]	2026[f]	2027[f]
World trade	1.713	1.735	1.765	1.792	1,3	1,7	1,5
Iron Ore Imports							
China	1.238	1.245	1.194	1.188	0,6	-4,1	-0,5
Japan	96	94	90	88	-2,7	-4,2	-2,3
European Union	102	102	103	106	0,3	0,9	2,4
Republic of Korea	69	62	60	59	-10,3	-4,6	-0,5
Rest of Asia[a]	64	66	67	72	2,6	1,5	7,6
India	5	16	20	30	208,4	23,8	52,8
Iron Ore Exports							
Australia	902	915	923	934	1,5	0,8	1,1
Brazil	389	398	414	427	2,3	4	3,1
South Africa	61	60	56	55	-1,6	-6,6	-1,8
Other Africa[b]	31	34	59	89	9,8	74,5	51,2
Canada	61	63	67	68	3,3	6,4	1,5
India	36	33	29	27	-8,4	-12,2	-6,9

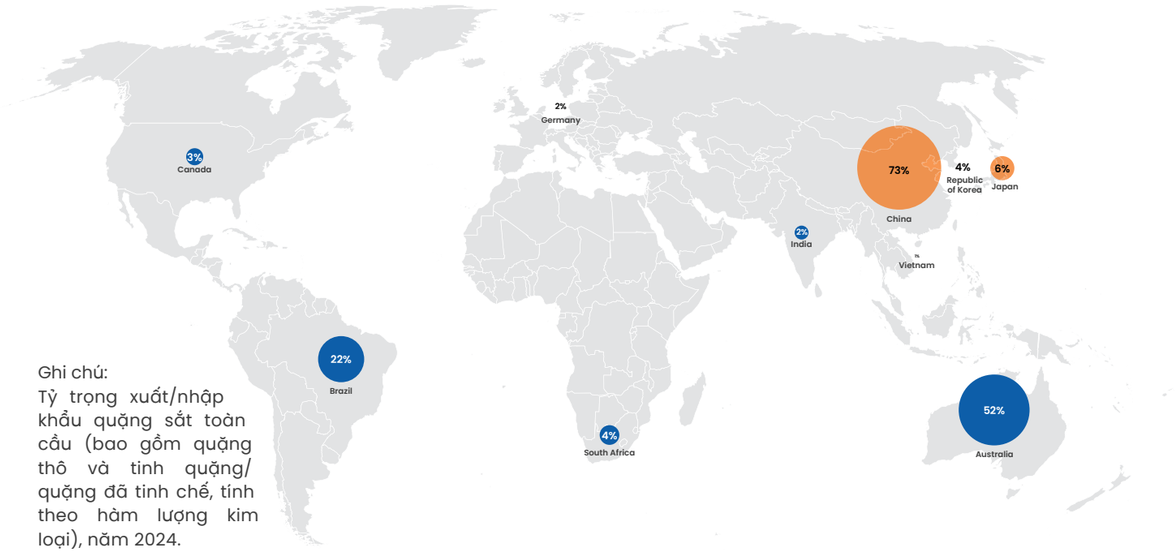
[a]: Asia (trừ China, India, Japan, Korea, Taiwan); [b]: Bao gồm Guinea, Mauritania, Sierra Leone, Liberia, Algeria, Kenya, Morocco; [e]: estimate (ước tính); [f]: forecast (dự báo)

Nguồn: Department of Industry, Science and Resources (2025); World Steel Association (2025), Wood Mackenzie (2025)

- Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc duy trì sức bền ổn định chủ yếu nhờ vào động lực từ hạ tầng và sản xuất xanh. Theo báo cáo từ tập đoàn BHP, nhu cầu nguyên liệu tại đây được củng cố bởi các khoản đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng năng lượng tái tạo và dây chuyền sản xuất xe điện. Theo IMF, những lĩnh vực công nghệ cao này đóng vai trò then chốt, giúp bù đắp hiệu quả lượng cầu thiếu hụt từ thị trường bất động sản truyền thống vốn vẫn đang trong giai đoạn suy thoái và điều chỉnh cơ cấu kéo dài.

- Hoạt động xuất khẩu thép bùng nổ của Trung Quốc ra thị trường toàn cầu. Dữ liệu từ Rio Tinto cho thấy tỷ suất xuất khẩu ròng của Trung Quốc duy trì vững chắc ở mức trên 120 triệu tấn mỗi năm. Theo BHP, để đáp ứng các đơn hàng quốc tế khổng lồ và duy trì công suất, các nhà máy buộc phải nhập khẩu quặng sắt liên tục để vận hành dây chuyền, bất chấp các rào cản thuế quan bảo hộ nghiêm ngặt và rủi ro địa chính trị gia tăng từ phía Mỹ hay Liên minh Châu Âu,...

TOP 10 QUỐC GIA XUẤT KHẨU QUẶNG 2025



Ghi chú:
Tỷ trọng xuất/nhập khẩu quặng sắt toàn cầu (bao gồm quặng thô và tinh quặng/ quặng đã tinh chế, tính theo hàm lượng kim loại), năm 2024.

Top 5 quốc gia xuất khẩu lớn nhất Top 5 quốc gia nhập khẩu lớn nhất

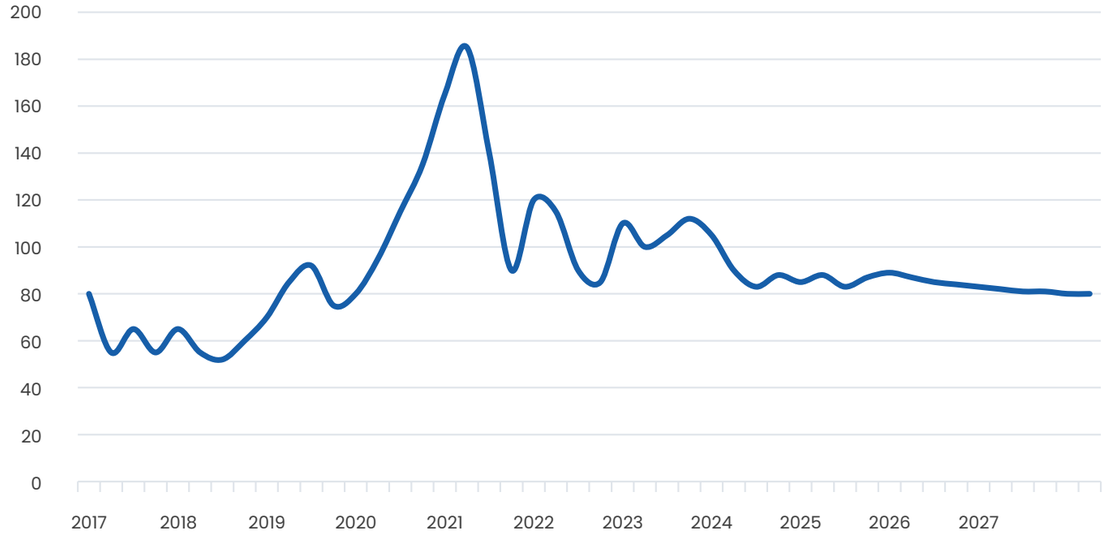
Nguồn: World Steel, S&P Global

Các biến số địa chính trị và chính sách bảo hộ đang tái định hình dòng chảy thương mại quặng sắt thế giới một cách mạnh mẽ. Cuộc xung đột tại Trung Đông đầu năm 2026 đã gây gián đoạn nghiêm trọng tại eo biển Hormuz – tuyến đường lưu thông 20% lượng dầu mỏ toàn cầu và là huyết mạch quan trọng cho hàng rời. Hệ quả trực tiếp là phí bảo hiểm hàng hải tăng vọt từ 50% đến hơn 100%, buộc các tàu vận tải phải chuyển hướng qua Mũi Hảo Vọng, kéo dài lộ trình thêm 10 - 14 ngày. Song song đó, chính sách thuế quan của Mỹ với thuế suất hiệu dụng duy trì ở mức cao kỷ lục 18,5% và việc EU chính thức thực thi cơ chế CBAM từ ngày 01/01/2026 đã buộc chuỗi cung ứng quặng sắt và thép phải tái cấu trúc theo hướng bảo hộ và xanh hóa triệt để.

Nguồn: EUROMETAL

Triển vọng năm 2026 dự báo thị trường quặng sắt sẽ bước vào giai đoạn ổn định trong sự phân hóa, với mức giá dự kiến giảm nhẹ 7% nhưng vẫn duy trì quanh ngưỡng tâm lý 100 USD/tấn (CFR Trung Quốc). Động lực phục hồi chủ yếu đến từ nhu cầu thép toàn cầu dự báo tăng 1,3%, đạt khoảng 1.773 triệu tấn, nhờ đà suy giảm tại Trung Quốc chậm lại còn 1,0% và Ấn Độ duy trì mức tăng trưởng ấn tượng 9%. Dẫu vậy, các rủi ro địa chính trị tại eo biển Hormuz vào đầu năm 2026 có thể đẩy chi phí vận tải biển và bảo hiểm tăng vọt, tạo áp lực lên biên lợi nhuận của các nhà sản xuất bất chấp nguồn cung dồi dào từ các tập đoàn lớn như Rio Tinto với mục tiêu cung ứng từ 323 đến 338 triệu tấn.

Giá quặng sắt (US$/tấn)



Ghi chú: Giá quặng sắt nhập khẩu của Trung Quốc 62% Fe giao ngay (FOB) giá danh nghĩa.

Nguồn: Bloomberg (2025); DISR (2025)



THAN CỐC

Theo số liệu hải quan, tổng khối lượng nhập khẩu than cốc của Trung Quốc năm 2025 là 113 - 115 triệu tấn, tăng giảm 6 - 9 triệu tấn so với cùng kỳ năm trước. Dịch chuyển về định hướng sử dụng than cốc nội địa. Đến quý 3/2025 với các quy định nghiêm ngặt về phát thải buộc nhiều nhà máy than cốc truyền thống phải cắt giảm, tạo khoảng cách về giá thúc đẩy nhập khẩu Mông Cổ và Nga lần lượt chiếm 50% và 28% tổng than cốc nhập khẩu. Dù năng suất bị giới hạn, nhu cầu từ ngành nhôm và thép hạ nguồn vẫn duy trì ổn định, tạo lực đỡ cho giá bán vào quý 4 của năm 2025.

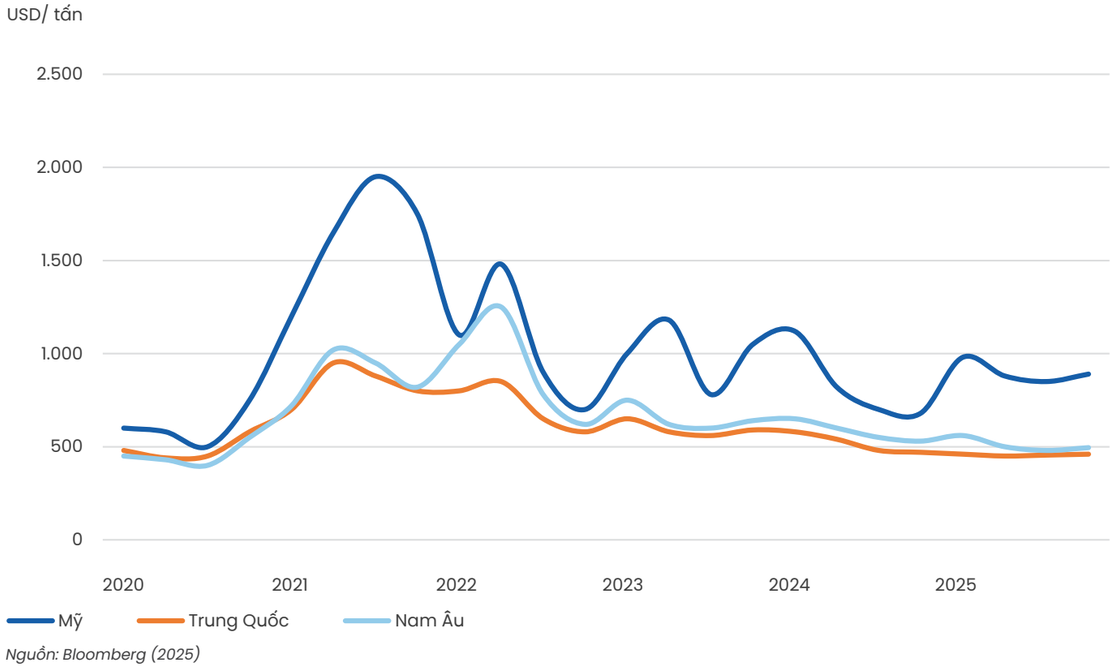
Dự báo thị trường 2026: Ngành thép đang đối mặt với chu kỳ đi xuống, với xu hướng phòng vệ toàn cầu, nhu cầu bất động sản không cải thiện, tăng trưởng sản xuất chậm lại, dẫn đến nhu cầu chung của thị trường thép giảm. Do nhu cầu thép chậm dẫn đến các nhà máy thép cũng thận trọng trong việc sản xuất do vậy nhu cầu than cốc cũng giảm theo. Thị trường than cốc dự kiến sẽ phải đối mặt với tình trạng cung vượt cầu, sản lượng dự kiến khoảng 326 triệu tấn, trong khi mức tiêu thụ khó có thể vượt qua mốc 290 triệu tấn. Sản lượng tăng chủ yếu do sự phục hồi công suất khai thác của các mỏ quặng. Ngược lại, nhu cầu đang phải đối mặt với áp lực kép là tình trạng dư thừa công suất trong ngành than cốc và nhu cầu chậm chạp trên thị trường thép

	Nghìn tấn				Phần trăm thay đổi hàng năm		
World	2024	2025[e]	2026[f]	2027[f]	2025[e]	2026[f]	2027[f]
World trade	342	326	337	340	-4,6	3,4	0,8
Metallurgical coal imports							
China	122	115	109	103	-5,7	-5,7	-5,7
India	75	78	81	85	4,2	4,2	4,2
Japan	38	35	35	35	-7,6	0,0	0,0
European Union 28	31	30	30	29	-1,6	-1,6	-1,6
Other Asia[a]	29	31	33	35	7,0	7,0	7,0
Metallurgical coal exports							
Australia	153	146	157	160	-4,6	7,4	2,2
United States	52	44	44	44	-14,7	0,0	0,0
Canada	29	29	29	29	0,0	0,0	0,0
Russia	37	37	37	37	0,0	0,0	0,0
Mongolia	48	46	48	48	-4,8	4,3	0,0

HRC

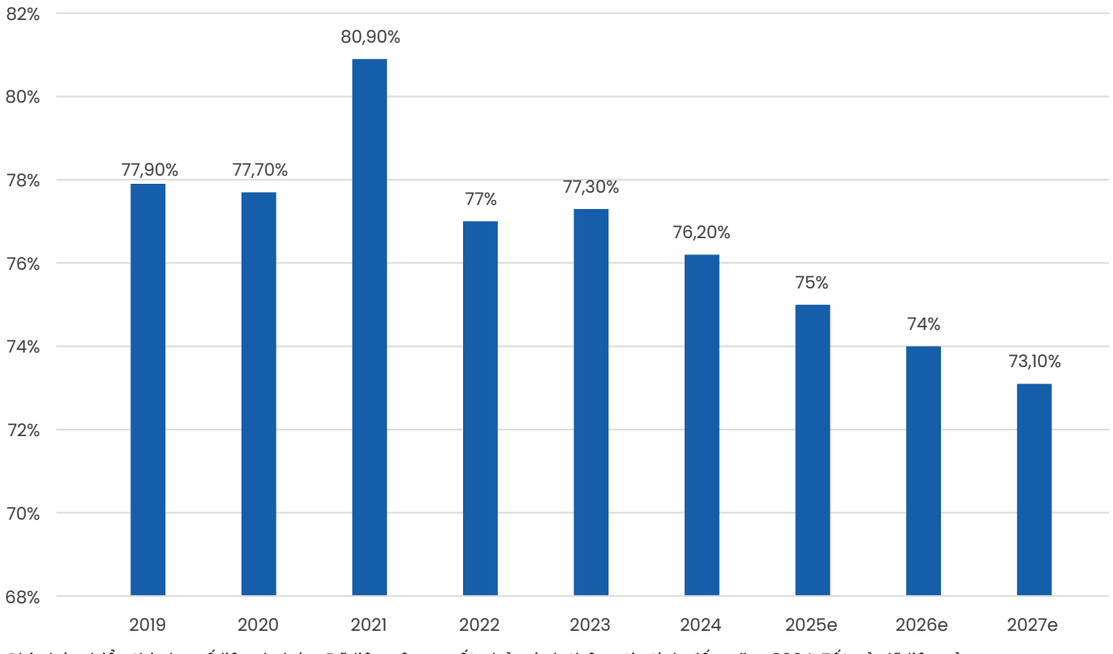
Xuất khẩu thép của Trung Quốc đạt 119 triệu tấn vào năm 2025, do nhu cầu nội địa từ ngành bất động sản vẫn suy thoái và chưa có tín hiệu phục hồi rõ rệt. Tình trạng cung vượt cầu dai dẳng khiến tỷ lệ sử dụng công suất thép toàn cầu sụt giảm xuống dưới mức 75% ngay từ đầu năm, tạo áp lực lớn lên biên lợi nhuận của các nhà sản xuất. Thách thức về thanh khoản buộc các tập đoàn thép lớn tại Trung Quốc phải đẩy mạnh chuyển hướng sang thị trường ngoại để giải phóng hàng tồn kho.

Tại Châu Âu, nhu cầu cơ bản vẫn yếu, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng và ô tô. Mỹ tiếp tục thông báo về việc áp thuế đối kháng 130% đối với tất cả thép xây dựng vào Mỹ. Điểm mới là không chỉ Mỹ hay EU mà rất nhiều quốc gia đang phát triển cũng dựng lên các "hàng rào" thuế quan và hạn ngạch để ngăn chặn thép giá rẻ (chủ yếu từ Trung Quốc) tràn vào. Vì vậy, giá thép có khả năng khó phục hồi trong giai đoạn đầu năm 2025.



Nguồn: Bloomberg (2025)





Ghi chú: ᵉ biểu thị cho số liệu dự báo. Dữ liệu công suất phản ánh thông tin tính đến năm 2024. Tất cả dữ liệu sản xuất được lấy từ Hiệp hội Thép Thế giới (World Steel Association).

Nguồn: OECD for crude steelmaking capacity and World Steel Association for crude steel production

Xung đột Trung Đông (Mỹ - Isreal – Iran - Hamas, Hezbollah, Houthi): Đã đẩy chi phí năng lượng và logistics lên mức kỷ lục. Việc vận chuyển quặng phải thay đổi lộ trình để tránh các vùng chiến sự, làm tăng cước bảo hiểm lên 50% - 100%, nếu di chuyển qua khu vực hoặc chọn tuyến đường khác. Tương ứng làm tăng quảng đường vận chuyển đường biển 3,500 - 4,000 miles và 10 - 14 ngày vận chuyển. Áp lực lớn chi phí vận chuyển và vận chuyển năng lượng, nguyên liệu thế giới.

Nguồn: BSSA (2026)

Cuộc xung đột Nga - Ukraine: Kéo dài gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, đẩy giá năng lượng và lạm phát phi mã, làm suy yếu đà phục hồi kinh tế khu vực Châu Âu. Với ngành thép, việc thiếu hụt nguồn cung phôi thép (slab) và than luyện từ hai quốc gia này khiến chi phí sản xuất tăng vọt. Các lệnh trừng phạt buộc dòng chảy thương mại phải tái định hình, tạo ra sự biến động giá cực đoan và thúc đẩy các quốc gia thắt chặt phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất nội địa.

Nguồn: ING (2026)

Các cuộc chiến ở Đông Nam Á (Nội chiến Myanmar và xung đột Thái Lan – Campuchia): Các dự án hạ tầng trọng điểm trong hành lang kinh tế Đông - Tây bị đình trệ. Nhu cầu thép xây dựng tại khu vực này giảm 15% so với dự báo đầu năm 2025 do bất ổn chính trị.

Nguồn: GSO Vietnam (Jan 2026)

Khủng hoảng năng lượng và giá nguyên liệu thô: Khủng hoảng năng lượng đang diễn ra ở Châu Âu và Châu Á đã gây ra sự gián đoạn trong việc cung cấp các nguyên liệu thô, hoá chất chính cho sản xuất thép, chẳng hạn như than cốc, dầu tẩy, sơn và quặng sắt. Khi giá năng lượng tăng đột biến do hạn chế về nguồn cung và bất ổn địa chính trị, các nhà sản xuất thép phải đối mặt với chi phí đầu vào cao hơn, dẫn đến biến động giá. Mặc dù điều này có thể đẩy giá lên cao trong ngắn hạn, nhưng sự suy thoái kinh tế đã làm giảm nhu cầu chung.

Căng thẳng Syria và Triều Tiên: Bất ổn chính trị và xung đột ở Syria và Bán đảo Triều Tiên càng làm trầm trọng thêm các vấn đề về chuỗi cung ứng toàn cầu. Các khu vực này rất quan trọng đối với quá cảnh nguyên liệu thô và tài nguyên năng lượng, và sự gián đoạn ở đây đã dẫn đến chi phí cao hơn cho các nhà sản xuất thép trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Châu Á.

C. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH THÉP

TÍCH HỢP TỰ ĐỘNG HÓA VÀ AI

- Smart Steel & AI: Năm 2025, trí tuệ nhân tạo trở thành hạt nhân giúp đột phá trong khoa học vật liệu. AI phân tích các dữ liệu cấu trúc vi mô để tối ưu hóa đặc tính cơ lý, đồng thời điều chỉnh quy trình luyện kim theo thời gian thực. Điều này giúp giảm sai sót, tiết kiệm năng lượng và nâng cao chất lượng thép thành phẩm vượt trội.

- In 3D bằng thép: Công nghệ sản xuất bồi đắp (In 3D) đang cách mạng hóa chế tạo linh kiện thép nhờ khả năng tạo ra các cấu trúc phức tạp mà phương pháp đúc truyền thống không thể thực hiện. Giải pháp này giúp giảm thiểu tối đa lãng phí nguyên liệu, rút ngắn chuỗi cung ứng và đáp ứng hoàn hảo nhu cầu tùy chỉnh theo từng dự án đặc thù.

- Trí tuệ nhân tạo (AI): Các nhà sản xuất thép ngày càng áp dụng các thuật toán AI và Machine learning để tối ưu hóa quy trình sản xuất. AI được sử dụng để bảo trì dự đoán, kiểm soát chất lượng và cải thiện hiệu quả năng lượng. Bằng cách phân tích dữ liệu thời gian thực, các hệ thống AI đã giúp phát hiện các lỗi thiết bị tiềm ẩn trước khi chúng xảy ra, giảm thời gian chết và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Nguồn: WTO (2025)

- Tự động hóa: Công nghệ robot và tự động hóa đã trở thành một phần không thể thiếu trong sản xuất thép, từ xử lý vật liệu đến quy trình hoàn thiện. Các hệ thống tự động trong lò cao và nhà máy cán đã cải thiện độ chính xác, tốc độ và độ an toàn, giảm chi phí lao động và lỗi của con người.

- Cảm biến IoT: Cảm biến IoT được triển khai rộng rãi trong các nhà máy thép để giám sát và kiểm soát sản xuất theo thời gian thực. Các cảm biến này cung cấp dữ liệu có giá trị về nhiệt độ, áp suất và dòng vật liệu, cho phép các nhà sản xuất tối ưu hóa các thông số sản xuất và giảm thiểu chất thải.

- Nhà máy thông minh: Khái niệm về nhà máy thông minh tiếp tục phát triển, nơi các thiết bị và hệ thống được kết nối với nhau giao tiếp liền mạch để cải thiện hiệu quả hoạt động. Dữ liệu thu thập được từ cảm biến IoT cho phép đưa ra quyết định năng động, tăng khả năng phản ứng của các nhà máy thép đối với nhu cầu của thị trường và sản xuất.

D. DỰ BÁO TRONG NĂM 2026

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê (GSO), Việt Nam kết thúc năm 2025 với tăng trưởng GDP đạt mức ấn tượng 8,02%. Đây là kết quả của việc giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu suất cao và sự phục hồi mạnh mẽ của tổng cầu thế giới đối với hàng xuất khẩu.

Sản xuất Thép Xanh: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành thép tăng 12,5%. Việt Nam dần khẳng định vị thế là trung tâm sản xuất thép của ASEAN, các nhà sản xuất thép sẽ tiếp tục đầu tư vào các công nghệ giảm phát thải carbon, chẳng hạn như sản xuất thép dựa trên hydro hoặc sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất. Điều này được thúc đẩy bởi các quy định về môi trường ngày càng nghiêm ngặt và nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm bền vững.

Nguồn: GSO Vietnam (Jan 2026); Fortune Business Insight (Feb 2026)

Tự động hóa và công nghệ số gia tăng: Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT) sẽ tiếp tục được áp dụng để tối ưu hóa sản xuất, tăng cường quản lý hàng tồn kho và dự báo chính xác hơn nhu cầu thị trường.

Cơ hội trong nghịch cảnh: Dù đầy rẫy khó khăn, nhưng biến động cũng mở ra những cánh cửa mới.

- Thép cho Công nghiệp Quốc phòng: Chi tiêu quân sự toàn cầu tăng vọt lên mức cao nhất mọi thời đại (2.500 tỷ USD). Nhu cầu thép đặc chủng, thép cường độ cao phục vụ đóng tàu chiến, xe bọc thép và vũ khí đang tăng trưởng với tốc độ 25%/năm.

Nguồn: IMF và SIPRI 2026

"Bình Thường mới" của ngành thép: Các doanh nghiệp thép Việt Nam đang phải chạy đua với thời gian để nâng cấp công nghệ nhằm đáp ứng tiêu chuẩn CBAM của EU để giữ vững thị phần xuất khẩu chiếm khoảng 20 - 25% tổng sản lượng. Sự dịch chuyển sang sản xuất thép cuộn cán nóng (HRC) chất lượng cao và Thép Xanh là lộ trình bắt buộc để các doanh nghiệp nội địa duy trì năng lực cạnh tranh quốc tế.

Nguồn: GSO Vietnam (Jan 2026), Worldsteel và European Commission

- Sự trỗi dậy của các trung tâm sản xuất thay thế: Khi thép Trung Quốc bị chặn bởi thuế quan Mỹ, các nước như Việt Nam, Ấn Độ và Mexico có cơ hội lấp đầy khoảng trống thị trường Mỹ nếu chứng minh được nguồn gốc xuất xứ không từ Trung Quốc.

Nguồn: Worldsteel và USTR 2025

- Đẩy nhanh tiến độ Thép Xanh: Việc giá nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí) tăng cao do chiến tranh đã vô tình rút ngắn thời gian hoàn vốn cho các dự án thép sử dụng năng lượng tái tạo và Hydro xanh.

Nguồn: Worldsteel và European Commission

NGÀNH THÉP VIỆT NAM 2025

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn phục hồi rõ rệt của ngành thép Việt Nam sau chu kỳ suy giảm 2022–2023. Ngành bước vào pha tăng trưởng mới với sự hỗ trợ từ đầu tư công, xây dựng dân dụng và mở rộng công suất nội địa, cũng như hàng loạt các Nghị quyết mới cùng với các đòn bẩy tài chính như chính sách tiền tệ, tín dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, v.v. cùng với việc áp dụng một số biện pháp phòng vệ thương mại tạo điều kiện môi trường kinh doanh thép nội địa cạnh tranh công bằng giúp các doanh nghiệp trong nước giữ vững thị phần, tối ưu hóa công suất vận hành.

- Sản lượng thép thô đạt khoảng 24,66 triệu tấn, tăng ~12,2%, trong khi thép thành phẩm đạt 32,2 triệu tấn tăng 9,6% so với năm 2024.

Nguồn: Báo cáo VSA tháng 1/2026

- Bán hàng thép thành phẩm các loại năm 2025 tại thị trường nội địa đạt mức tăng trưởng tốt trên 20% so với cùng kỳ 2024.

Nguồn: Báo cáo VSA tháng 1/2026

- Tiêu thụ nội địa tăng ổn định, trong khi xuất khẩu gặp nhiều khó khăn về các hàng rào thuế quan, kỹ thuật cùng các biện pháp phòng vệ thương mại, các hình thức thuế mới, xung đột chính trị khu vực, hàng loạt các chính sách mới và diễn biến không ổn định của thị trường thép toàn cầu, sản lượng xuất khẩu giảm 20,2% so với năm 2024.

SẢN XUẤT THÉP 2025

THÉP THÔ
24,66 TRIỆU TẤN
▲ 12,2%

THÉP THÀNH PHẨM
32,2 TRIỆU TẤN
▲ 9,6%

XUẤT NHẬP KHẨU THÉP THÀNH PHẨM 2025

XUẤT KHẨU
10 TRIỆU TẤN
▼ 20,2%

NHẬP KHẨU
16 TRIỆU TẤN
▼ 9,2%



Nguồn: Báo cáo VSA

A. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

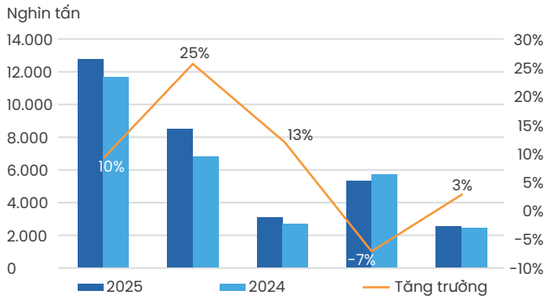
SẢN LƯỢNG NGÀNH THÉP 2025

Sản xuất thép thô đạt hơn 24,66 triệu tấn, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2024. Sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 32,26 triệu tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2024 (ghi nhận mức tăng ở tất cả các sản phẩm trừ tôn mạ kim loại & SPM giảm 7,1%).

Bán hàng thép thành phẩm đạt 31,62 triệu tấn, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm ngoái (ghi nhận mức tăng ở tất cả các mặt hàng trừ tôn mạ KL&SPM giảm 12,5%; và thép cán nguội CRC giảm 7,9%); trong đó xuất khẩu thép thành phẩm các loại đạt gần 5 triệu tấn, giảm 37,9% so với cùng kỳ 2024 (chủ yếu do giảm mạnh lượng xuất khẩu HRC giảm 60,7%, tôn mạ kim loại & SPM giảm 47,5% và thép xây dựng giảm 21%).

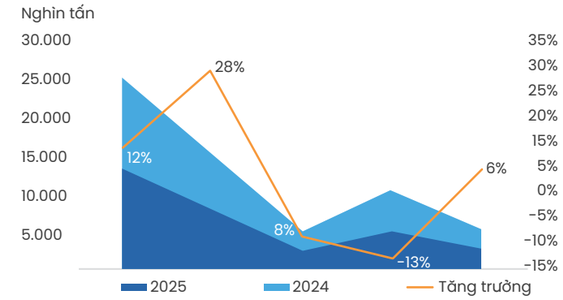
	SẢN XUẤT	BÁN HÀNG
Thép XD	▲ 10%	▲ 12%
HRC	▲ 25%	▲ 28%
CRC	▲ 13%	▼ 8%
Tôn mạ KL & SP	▼ 7%	▼ 13%
Ống thép	▲ 3%	▲ 6%

SẢN XUẤT THÉP THÀNH PHẨM NĂM 2025



Nguồn: VSA tháng 1/2026

BÁN HÀNG THÉP THÀNH PHẨM NĂM 2025



Nguồn: VSA tháng 1/2026

ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Năm 2025 ghi nhận mức vốn đầu tư công cao kỷ lục. Theo số liệu tổng hợp đến hết ngày 31/12/2025, đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, tổng số vốn giải ngân đạt 755.141,6 tỷ đồng, bằng 82,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn 2,4% về tỷ lệ và trên 206.564 tỷ đồng về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2024. Nếu không tính khoản 11.140,7 tỷ đồng vốn ngân sách Trung ương đang trình điều chỉnh giảm để bổ sung dự phòng, tỷ lệ giải ngân cả năm đạt khoảng 83,7% kế hoạch được giao.

Vốn ngân sách địa phương đạt tỷ lệ giải ngân gần như tuyệt đối, lên tới 99,9%, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2024. Nhiều điểm sáng về giải ngân vốn đầu tư công như Hà Nội với hàng loạt dự án giao thông chậm trễ nhiều năm được giải phóng mặt bằng trong thời gian ngắn cuối năm 2025, hay các tỉnh Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hải Phòng... với tỷ lệ giải ngân đạt hoặc vượt kế hoạch được giao. Nhưng giải ngân vốn ngân sách trung ương chỉ đạt 63,9%, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là điểm nghẽn lớn nhất trong bức tranh giải ngân đầu tư công năm 2025, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ nhiều dự án quy mô lớn, có tính lan tỏa cao.

So sánh các năm cho thấy, dự toán chi đầu tư công năm 2025 cao hơn 16,7% năm 2024 và tính đến hết tháng 12/2025 thực hiện giải ngân đầu tư công cao hơn 37,6% so với năm 2024. Đây cũng là con số tăng cao nhất trong 5 năm gần đây. Việc tăng chi đầu tư đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế năm 2025

Nguồn: theo số liệu của Bộ Tài chính

Các điểm nhấn đầu tư công và hạ tầng 2025:

- Quy mô vốn kỷ lục: Chính phủ dự kiến bố trí gần 800 ngàn tỷ đồng đầu tư công năm 2025, tập trung cao độ vào các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, bao gồm cả các dự án PPP (đối tác công tư) để huy động thêm nguồn lực.

- Tập trung dự án trọng điểm: Tập trung hoàn thành hoặc đẩy nhanh tiến độ 564 công trình lớn, bao gồm cao tốc Bắc-Nam, các đường vành đai (Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP.HCM), sân bay Long Thành và các tuyến metro.

- Giải ngân là mệnh lệnh: Chính phủ chỉ đạo quyết liệt việc giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm tạo đà tăng trưởng, với mục tiêu đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy nhanh tiến độ địa phương: Các địa phương lớn như TP.HCM tăng tốc giải ngân để thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị, cải thiện môi trường và hạ tầng giao thông kết nối.

-Tác động thị trường: Dù đầu tư công tăng kỷ lục, các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng vẫn gặp khó khăn về lợi nhuận, kỳ vọng bức tranh kinh doanh sẽ cải thiện hơn vào năm 2026.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN TĂNG TRƯỞNG RÕ NÉT

Dữ liệu nghiên cứu của Viện Nghiên cứu đánh giá thị trường bất động sản Việt Nam (VARS IRE) cho thấy, nguồn cung mới năm 2025 (sơ bộ) tăng 50% so với năm 2024.

Theo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội trong năm 2025 của Bộ Xây dựng, phục vụ phiên họp thứ tư - Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản ngày 17/12/2025, trên cả nước có 3.297 dự án với quy mô khoảng 5,9 triệu căn, tổng mức đầu tư lên tới 7,42 triệu tỷ đồng. Trong đó, nhà ở thương mại và khu đô thị đóng vai trò chủ đạo với 2.358 dự án, tương đương 5,2 triệu căn, tổng vốn đầu tư 6,74 triệu tỷ đồng.

Nguồn cung tăng mạnh nhưng các dự án nhà ở vẫn được hấp thụ tốt. Tỷ lệ hấp thụ của các dự án mới đạt trên 60%, thậm chí nhiều dự án "cháy hàng" trong thời gian ngắn. Nhờ nhu cầu ở thực và nhu cầu đầu tư trung, dài hạn vẫn duy trì ở mức cao.

Song song với sự phục hồi của giao dịch, mặt bằng giá bất động sản cũng tiếp tục xu hướng tăng. Trong đó, căn hộ chung cư tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt thị trường, và ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong 3 năm trở lại đây. Tại thời điểm thống kê vào cuối quý III/2025, so với năm 2019, giá bán bình quân các dự án trong tập mẫu được viện nghiên cứu lựa chọn để tính chỉ số giá tăng lần lượt: Hà Nội 96,2%, Đà Nẵng 72,6% và Thành phố Hồ Chí Minh 56,9%. Cá biệt trong một số giai đoạn ngắn tại Hà Nội, giá bán tăng từ vài trăm triệu đồng tới cả tỷ đồng chỉ trong vòng một tháng. Các phân khúc nhà ở khác như đất nền, biệt thự, liền kề, nhà ở riêng lẻ... cũng ghi nhận mức giá tăng cao, tới 30% trong năm.

Từ cuối quý IV/2025, giá bất động sản có dấu hiệu chững lại và đi ngang tại một số thị trường nhưng thực tế chưa ghi nhận dấu hiệu giảm.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU THÉP VIỆT NAM GIẢM SÂU

Sự sụt giảm mạnh của xuất khẩu thép trong năm 2025 phản ánh rõ các lực cản lớn của thị trường toàn cầu, bao gồm: nhu cầu xây dựng – công nghiệp tại nhiều quốc gia phục hồi chậm; gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại và rào cản kỹ thuật; đồng thời sức ép cạnh tranh từ thép Trung Quốc và một số khu vực khác ngày càng gia tăng cả về giá lẫn sản lượng.

Thị trường xuất khẩu thép Việt Nam sụt giảm sâu trong năm 2025 là do hàng loạt tác nhân ngoại lực và nội lực kết hợp, khiến cả khối lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu đều đi xuống so với năm trước. Xuất khẩu thép Việt Nam giảm sâu trong năm 2025 không chỉ vì yếu tố thị trường ngoại lực như nhu cầu sụt giảm, cạnh tranh quốc tế và hàng rào thuế quan, mà còn do giá thép toàn cầu giảm và sự chuyển dịch chiến lược hướng về thị trường nội địa. Những yếu tố này kết hợp khiến kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh hơn cả lượng sản phẩm, đặt ra thách thức mới cho các doanh nghiệp thép trong việc đa dạng hóa thị trường và sản phẩm để phục hồi xuất khẩu trong các năm tới.

Về bản chất, năm 2025 là giai đoạn "thanh lọc" của xuất khẩu thép Việt Nam, buộc ngành phải điều chỉnh chiến lược từ tăng trưởng dựa vào sản lượng sang chú trọng chất lượng, hiệu quả và phân khúc thị trường. Đây được xem là bước chuẩn bị cần thiết cho một chu kỳ phục hồi thận trọng và chọn lọc hơn trong giai đoạn 2026-2027, trong bối cảnh thị trường quốc tế chưa xuất hiện cú hích đủ mạnh.

KHÓ KHĂN THÁCH THỨC CỦA NGÀNH THÉP CŨNG NHƯ TRIỂN VỌNG 2026

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), năm 2026, nhờ các chính sách thúc đẩy đầu tư công và sự phục hồi của bất động sản dân dụng, ngành thép dự báo đạt tăng trưởng 8-10%, nhu cầu tiêu thụ thép trong nước ước đạt 26 triệu tấn, với đầu tư công được đẩy mạnh, thị trường bất động sản dần ấm và các biện pháp phòng vệ thương mại phát huy tác dụng.

Sức cầu nội địa nâng đỡ

Bước sang năm 2026, nhiều chuyên gia đồng thuận rằng thị trường nội địa sẽ tiếp tục giữ vai trò then chốt đối với ngành thép. Theo Chứng khoán Dầu khí (PSI), việc đẩy mạnh tiêu thụ trong nước đang dần trở thành chiến lược trọng tâm của các doanh nghiệp nhằm tận dụng sự phục hồi của thị trường bất động sản và làn sóng đầu tư công. Đáng chú ý, việc sản lượng sản xuất và sản lượng bán hàng vận động cùng chiều cho thấy khả năng hấp thụ của thị trường đang cải thiện, phản ánh sự gia tăng của nhu cầu thực.

Dự án đầu tư hạ tầng trọng điểm như Mạng lưới cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2 và tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng sẽ tiếp tục đóng vai trò đầu kéo đối với tiêu thụ thép xây dựng, qua đó có thể thúc đẩy tiêu thụ thép xây dựng nội địa tăng khoảng 5% - 8% trong năm 2026.

Bên cạnh đó, thị trường bất động sản dân dụng đang bước vào giai đoạn đầu của chu kỳ phục hồi. Thị trường ghi nhận nhiều dự án bất động sản, vốn được tháo gỡ vướng mắc pháp lý theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 của Quốc hội, đã bắt đầu triển khai xây dựng. Các dự án có pháp lý "sạch" cũng bắt đầu khởi công mạnh và số lượng dự án mới được cấp phép tăng nhanh từ nửa cuối năm 2025, dự kiến tiếp tục tăng trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, điểm rơi nhu cầu tiêu thụ thép phục vụ bất động sản dân dụng được dự báo sẽ tăng rõ nét từ giữa năm 2026, qua đó bổ sung thêm động lực tăng trưởng cho ngành thép trong trung và dài hạn.

Dự báo giá thép dần phục hồi, ngành thép bước vào giai đoạn phân hóa

So với thép xây dựng và HRC, triển vọng giá của sản phẩm tôn mạ có thể sẽ khó khăn hơn khi loạt nhà máy mở rộng công suất kể từ năm nay, khiến nguồn cung trong nước tăng nhanh. Lợi thế ngày càng nghiêng về các doanh nghiệp có quy mô lớn, năng lực sản xuất thượng nguồn và sở hữu các khu liên hợp luyện kim hiện đại, khép kín từ thượng nguồn đến hạ nguồn; trong khi nhóm doanh nghiệp hạ nguồn vẫn chịu áp lực đáng kể từ cạnh tranh và các rào cản xuất khẩu.

Công nghiệp chế biến phát triển: FDI tăng mạnh, xu hướng "China+1" là cơ hội lớn để phát triển công nghiệp & ngành thép và xuất khẩu, nhưng cần nâng cấp năng lực để tận dụng tốt.

Khó khăn & thách thức

- Bảo hộ thương mại gia tăng: Các thị trường lớn (Mỹ, EU, Ấn Độ...) tăng:
  + Thuế chống bán phá giá.
  + Hàng rào kỹ thuật.
  + Đặc biệt cơ chế CBAM (thuế carbon) của EU.

- Thép dư cung từ Trung Quốc tràn vào khu vực dẫn đến cạnh tranh giá bán, biên lợi nhuận thấp.

- Áp lực chuyển đổi "Thép Xanh": với cam kết Net Zero 2050, yêu cầu giảm phát thải CO2 buộc các doanh nghiệp phải đầu tư công nghệ mới, tăng chi phí trong ngắn hạn.

- Xuất khẩu suy yếu: nhu cầu thép toàn cầu phục hồi chậm, thị trường lớn chưa ổn định. Ngành thép Việt Nam khó duy trì tăng trưởng nhờ xuất khẩu.

- Nội tại ngành còn hạn chế: Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, công nghệ chưa đồng đều, thiếu sản phẩm thép chất lượng cao.



TÔN NAM KIM 2025



A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khép lại năm 2025, kinh tế thế giới vẫn giữ nhịp đi lên nhưng động lực tăng trưởng kém, khi phải đối mặt với nhiều rủi ro từ yếu tố địa chính trị và bảo hộ thương mại. Trong đó, ngành thép Việt Nam phục hồi tích cực nhờ nhu cầu nội địa thuận lợi, bất chấp việc thị trường thép toàn cầu vẫn trầm lắng. Theo VSA, tình hình sản xuất và bán hàng các sản phẩm thép các loại trong nước đều tăng trưởng, nổi bật như thép xây dựng và HRC, nhưng xuất khẩu thép thành phẩm các loại ghi nhận mức giảm đáng kể. Riêng phân khúc tôn mạ có mức thu hẹp mạnh trước áp lực từ các biến động bất lợi của thị trường xuất khẩu toàn cầu.

Với chiến lược kinh doanh linh hoạt, thích ứng với những biến động của thị trường và phát huy toàn diện năng lực nội tại, Tôn Nam Kim đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong năm tài chính 2025, thể hiện sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung của toàn Công ty. Tổng sản lượng bán hàng của Công ty đạt 781.506 tấn, giảm 23,5% so với cùng kỳ và hoàn thành 74,4% kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu đạt 14.899 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ và hoàn thành 64,7% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 240 tỷ đồng, giảm 56,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 54,7% kế hoạch đề ra.

Tổng kết năm 2025, kết quả kinh doanh của Tôn Nam Kim chưa đạt như kỳ vọng trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều thách thức. Các hàng rào thuế quan, kỹ thuật và các biện pháp phòng vệ thương mại tại nhiều thị trường, cùng với căng thẳng địa chính trị và biến động khó lường của giá nguyên vật liệu, đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động xuất khẩu. Tại thị trường trong nước, dù xuất hiện những tín hiệu tích cực từ việc đẩy mạnh đầu tư công, thị trường bất động sản từng bước được khơi thông và chính sách tiền tệ theo hướng hỗ trợ tăng trưởng, nhưng các doanh nghiệp tôn mạ vẫn phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt.

Tôn Nam Kim tiếp tục ghi nhận những điểm sáng đáng khích lệ trong hoạt động điều hành và kinh doanh như sau:

- Hệ thống quản trị vận hành tích hợp trên nền tảng ERP – SAP S/4 HANA tiếp tục được tối ưu hóa, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, giảm hao phí và nâng cao năng suất lao động.
- Công tác quản trị hàng tồn kho được thực hiện hiệu quả, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kiểm soát chặt chẽ, qua đó góp phần cải thiện lợi nhuận và giữ bảng cân đối kế toán lành mạnh.
- Lợi thế thị trường và hệ thống phân phối được phát huy cùng với phương án kinh doanh linh hoạt, chính sách tiếp thị phù hợp và danh mục sản phẩm đa dạng, mang đến cho khách hàng các giải pháp toàn diện và chất lượng cao.
- Cơ cấu thị trường được khai thác hiệu quả, tận dụng cơ hội từ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu tại các khu vực tiềm năng. Công ty tiếp tục nằm trong nhóm ba doanh nghiệp dẫn đầu thị phần tôn mạ trên toàn quốc.

Năm 2026, Tôn Nam Kim định hướng các mục tiêu sản xuất kinh doanh phù hợp với bối cảnh thị trường, chú trọng tăng cường quản trị rủi ro, mở rộng và phát triển thị trường gắn với định hướng tăng trưởng bền vững. Đồng thời, Công ty tiếp tục tập trung triển khai Dự án trọng điểm – Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, đảm bảo hoàn thành theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Với tầm nhìn đến năm 2027, Tôn Nam Kim hướng đến sản xuất các dòng sản phẩm chất lượng cao, phục vụ làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp, ô tô và sản xuất đồ gia dụng.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Thực hiện 2025/ Kế hoạch 2025 (%)	Tăng/giảm 2025/2024 (%)
Tổng sản lượng	Tấn	1.050.000	1.022.794	781.506	74,4%	-23,5%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	23.000	20.707	14.899	64,7%	-28,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	440	558	240	54,7%	-56,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	453	197	-	-56,4%

B. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

1.575

CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Tôn Nam Kim có tổng số lượng người lao động đang làm việc là 1.575 cán bộ công nhân viên. Do đặc tính ngành nghề, số lượng nam giới chiếm đa số trên tổng số lượng người lao động. Tôn Nam Kim nhận thức được rằng nguồn nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền lợi ích an sinh cho người lao động, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội.

Tóm tắt chính sách và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động trong năm 2025:

- Thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại các nguồn lực, luân chuyển của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty.
- Công tác tuyển dụng lao động tiếp tục được đầu tư hợp lý và minh bạch khách quan với các điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, cách thức tổ chức phù hợp đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo lựa chọn được đội ngũ lao động chất lượng, phù hợp với yêu cầu công tác.
- Thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và duy trì các hoạt động đào tạo về sản phẩm, về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ cho người lao động theo từng giai đoạn. Đặc biệt, chú trọng việc đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đúng các nguyên tắc phòng cháy chữa cháy, đặc biệt là người lao động trực tiếp sản xuất.
- Nghiên cứu các chế độ chi trả tiền lương, thu nhập và thực hiện các chính sách đãi ngộ về lương, thưởng tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động.
- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.



C. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

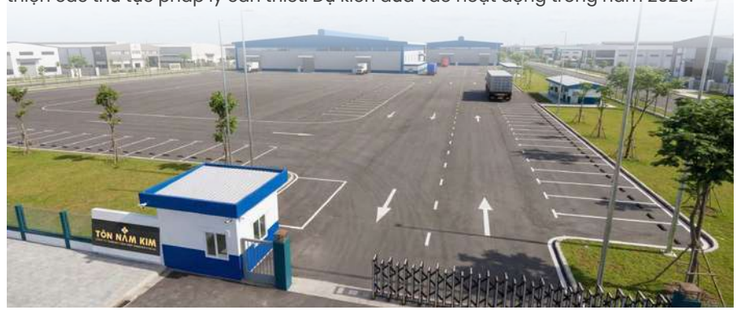
DỰ ÁN NHÀ MÁY ỐNG THÉP NAM KIM CHU LAI

Diện tích: 3,9 ha.

Sản phẩm: Ống thép

Địa điểm: Đường số 01, Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng.

Dự án Nhà máy Ống thép Nam Kim Chu Lai (gọi tắt là **"Dự án Nhà máy Ống Chu Lai"**) do Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai làm chủ đầu tư dự án. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai. Tổng vốn đầu tư dự án là 150 tỷ đồng được thiết kế với công suất ống thép là 150.000 tấn/năm. Tại thời điểm báo cáo, dự án đang từng bước hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết. Dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2026.



DỰ ÁN NHÀ MÁY THÉP TẤM LỢP NAM KIM PHÚ MỸ

Diện tích: 32,2 ha.

Sản phẩm: PO, CRC, tôn mạ lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu, tôn ZINMAG®.

Địa điểm: Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ (gọi tắt là "**Dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ**") do Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ làm chủ đầu tư dự án. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Tổng vốn đầu tư dự án là 6.200 tỷ đồng được thiết kế với công suất là 1.300.000 tấn/năm, bao gồm 02 giai đoạn, thực hiện đến năm 2027.

Mục tiêu dự án tập trung phân phối, tiêu thụ các sản phẩm phân khúc tôn mạ cao cấp hiện còn đang bỏ trống bởi các nhà sản xuất trong nước do hạn chế về công nghệ, chi phí đầu tư lớn và nguồn cung cấp chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu, được ứng dụng trong các sản phẩm điện tử gia dụng, linh phụ kiện cho ngành công nghiệp ô tô, công nghiệp điện tử, bao bì thực phẩm và các ngành cơ khí phụ trợ khác, mở rộng phân khúc cao hơn cho thị trường xây dựng, cũng như phát triển đa phân khúc cho các sản phẩm bán thành phẩm cho các ngành dịch chuyển từ các nước phát triển sang Việt Nam. Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ định hướng tỷ trọng xuất khẩu chiếm tỷ lệ 60% khi đi vào vận hành và nâng dần tỷ trọng xuất khẩu lên 80% sau thời gian 5 năm đi vào hoạt động. Đến thời điểm hiện tại, dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan và đang trong quá trình triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị. Theo kế hoạch, giai đoạn 1 của dự án dự kiến sẽ đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý 2 năm 2026, giai đoạn 2 của dự án dự kiến vận hành trong năm 2027.

LỢI THẾ

Công nghệ tiến tiến, đáp ứng những phân khúc cao cấp đang phụ thuộc nguồn hàng nhập khẩu hoặc hạn chế nguồn trong nước.

Đội ngũ nhân viên kinh nghiệm lâu năm trong ngành mạ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong thời gian ngắn, trước các đối thủ cùng ngành.

Đã định hình và xây dựng hệ thống khách hàng chiến lược để bắt đầu cung ứng khi Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ đi vào hoạt động.

Gần cảng biển, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa, giảm thiểu chi phí logistic, nâng cao vị thế cạnh tranh.

CƠ HỘI

Chuyển mình sang phân khúc chất lượng cao, định hình và nâng cao vị thế thương hiệu trong nước, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu với mức giá cao.

Tham gia đúng thời điểm khi Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển ngành ô tô nội địa và chuỗi cung ứng linh kiện.

Các khu vực như Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Mỹ Latinh đang trải qua quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh chóng, dẫn đến chi tiêu của người tiêu dùng cho các thiết bị gia dụng, công nghiệp ô tô tăng lên.

Chiến tranh thương mại hỗ trợ dịch chuyển ngành hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam.

THÁCH THỨC

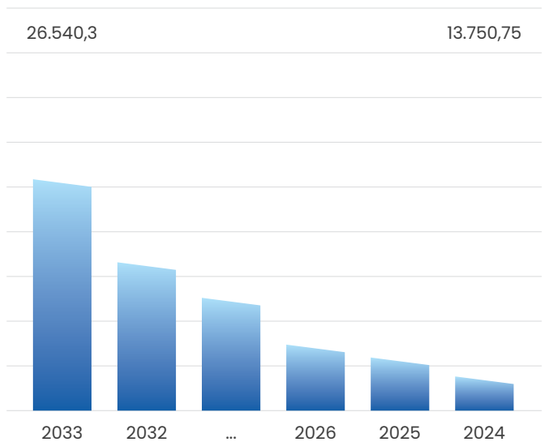
Tham gia vào ngành hàng mới nên có độ trễ khi mở rộng thị trường.



DỰ ÁN NHÀ MÁY THÉP TẤM LỢP NAM KIM PHÚ MỸ

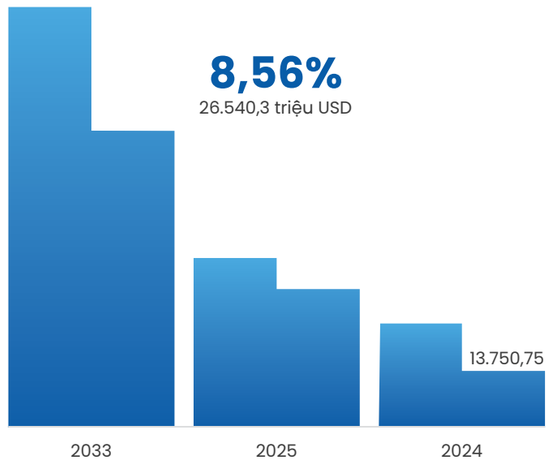
DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THÉP ÔTÔ

Đơn Vị: Triệu USD



TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG KÉP HÀNG NĂM (CAGR)

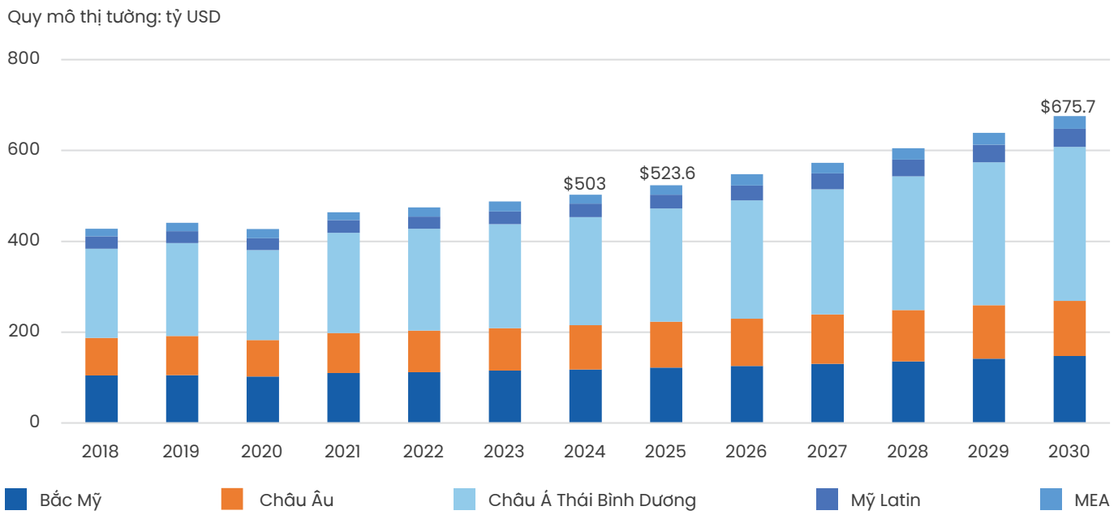
từ 2025-2033



Nguồn: Futuremarket report

THỊ TRƯỜNG THIẾT BỊ GIA DỤNG TOÀN CẦU

Quy mô, vùng, 2018-2030



CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim

Địa chỉ:	Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp:	79.000.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim:	100% (Tại ngày 31/12/2025)
	Năm 2025, Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.136 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh cải thiện rõ rệt khi lợi nhuận sau thuế đạt 26 tỷ đồng, tương ứng tăng gấp 6,5 lần so với cùng kỳ. Tình hình tài chính luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai

Địa chỉ:	Đường số 01, Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp:	37.550.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim:	100% (Tại ngày 31/12/2025)
	Đến ngày 31/12/2025, Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu. Đồng thời, chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam

Địa chỉ:	Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm; tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.
Vốn điều lệ thực góp:	138.420.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim:	100% (Tại ngày 31/12/2025)
	Đến ngày 31/12/2025, Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu. Đồng thời, chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ

Địa chỉ:	Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp:	2.700.000.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim:	100% (Tại ngày 31/12/2025)
	Đến ngày 31/12/2025, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát

Địa chỉ:	Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
Vốn điều lệ thực góp:	45.000.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim:	75% (Tại ngày 31/12/2025)
	Ngày 28/04/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã thông qua Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát với số vốn góp là 45 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 75% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát ghi nhận tổng doanh thu đạt 7 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh chưa ghi nhận lợi nhuận sau thuế do chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh đáng kể trong giai đoạn đầu hoạt động.

D. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

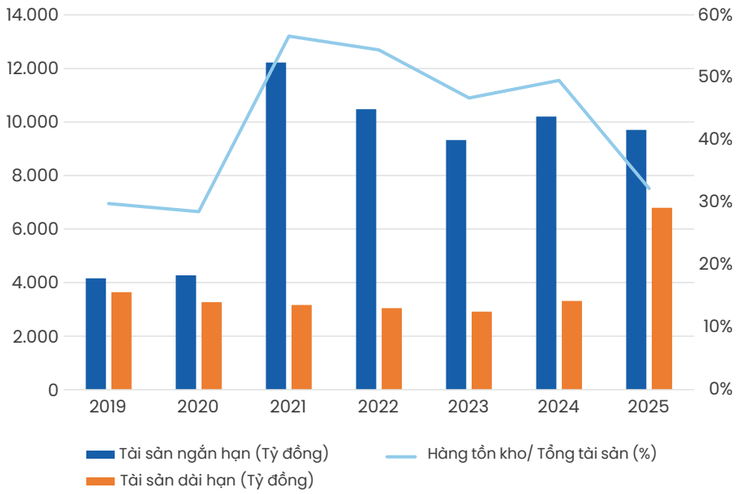
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2025, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Tôn Nam Kim tiếp tục được duy trì ở mức an toàn và được quản lý chặt chẽ, khi hệ số thanh toán ngắn hạn luôn duy trì ổn định trên mức trên 1 (một) lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2025 lần lượt là 1,48 lần và 0,67 lần. Bên cạnh đó, tỷ lệ hàng tồn kho trên tổng tài sản giảm về mức 32,1% trong năm 2025, so với mức 49,5% của năm 2024, phản ánh việc doanh nghiệp tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Đáng chú ý, nhằm đảm bảo nguồn vốn cho dự án đầu tư Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Tôn Nam Kim đã gia tăng vay nợ dài hạn để hỗ trợ triển khai dự án.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu tài chính của Tôn Nam Kim vẫn duy trì ổn định, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và lợi ích cho cổ đông. Năm 2025, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,54 lần và 1,16 lần, có mức biến động chưa đáng kể so với cùng kỳ. Đồng thời, vốn góp của chủ sở hữu đạt 4.475 tỷ đồng, sau khi hoàn tất đợt huy động vốn bằng hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Nhờ đó, vốn chủ sở hữu năm 2025 đạt 7.635 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên mức 2.318 tỷ đồng, chiếm 30,3% vốn chủ sở hữu, giúp nền tảng tài chính ngày càng được củng cố.

TƯƠNG QUAN GIỮA TÀI SẢN NGẮN HẠN, TÀI SẢN DÀI HẠN VÀ HÀNG TỒN KHO



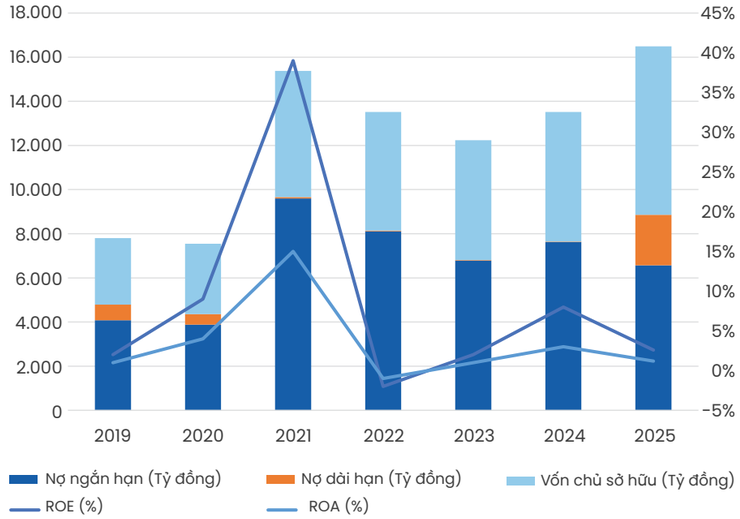
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Tôn Nam Kim được theo dõi và điều chỉnh hợp lý, để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Năm 2025, vòng quay hàng tồn kho giảm về mức 2,34 lần, tương ứng tăng 36 ngày so với số ngày quay vòng hàng tồn kho cùng kỳ, do tốc độ tiêu thụ chậm lại và phù hợp với đặc thù ngành thép phải duy trì mức dự trữ nhất định. Các khoản phải thu vẫn duy trì thanh khoản hợp lý dự trên chiến lược ưu đãi cho các đại lý có tốc độ thanh toán tốt. Tốc độ quay vòng tổng tài sản giảm từ mức 1,60 lần năm 2024 xuống mức 0,99 lần năm 2025, chủ yếu do tổng tài sản tăng nhanh hơn doanh thu, đặc biệt là sự gia tăng của khoản tài sản xây dựng dở dang khi Công ty tập trung đầu tư dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Do ảnh hưởng từ biến động của thị trường và áp lực cạnh tranh, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tôn Nam Kim trong năm 2025 ghi nhận xu hướng giảm so với năm trước. Cụ thể, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm còn 0,85% so với mức 2,27% của năm 2024. Tương tự, tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần giảm còn 1,33% so với 2,20% cùng kỳ. Đồng thời, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) lần lượt đạt 2,58% và 1,19%, thấp hơn so với mức 7,71% và 3,35% của năm 2024, chủ yếu do tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu và tổng tài sản cao hơn so với mức tăng của lợi nhuận. Nhưng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đã quay về mức dương 1.326 tỷ đồng, so với mức âm 559 tỷ đồng của năm 2024, qua đó góp phần củng cố nền tảng tài chính và tăng cường sức mạnh của bảng cân đối kế toán.

CƠ CẤU NỢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU, ROE VÀ ROA





Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	13.519.085	16.493.912	22,0%
Doanh thu thuần	20.609.022	14.808.145	-28,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	557.452	126.754	-77,2%
Lợi nhuận khác	717	114.088	15811,9%
Lợi nhuận trước thuế	558.169	240.843	-56,8%
Lợi nhuận sau thuế	453.008	197.096	-56,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Đơn vị: lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn [Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn]	1,34	1,48
Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	0,46	0,67
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (Đơn vị: lần)		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,57	0,54
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,30	1,16
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Đơn vị: vòng)		
Vòng quay hàng tồn kho [Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]	3,03	2,34
Vòng quay tổng tài sản [Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	1,60	0,99
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (Đơn vị: %)		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,20%	1,33%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	7,71%	2,58%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,35%	1,19%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,70%	0,85%

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh thị trường tôn thép năm 2025 còn nhiều thách thức, Ban Tổng giám đốc (BTGĐ) đã chủ động nhận diện rủi ro và đánh giá thận trọng diễn biến thị trường trên cơ sở định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị (HĐQT). Đồng thời, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt, phát huy nguồn lực nội tại nhằm thích ứng với những tác động bất lợi từ môi trường kinh doanh. Nhờ vậy, Tôn Nam Kim vẫn đảm bảo được sự thông suốt trong hoạt động và từng bước tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị gia tăng của ngành thép. Kết thúc năm 2025, Tôn Nam Kim đã gặt hái được thành quả quan trọng trên các khía cạnh như sau:

- Tối ưu hóa hoạt động sản xuất, điều chỉnh sản lượng phù hợp với diễn biến thị trường;
- Duy trì hoạt động kinh doanh theo định hướng bền vững và củng cố thị trường tiêu thụ;
- Cơ cấu tài chính lành mạnh, hiệu quả và tạo bước tiến vững chắc trong tương lai;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua hoạt động nghiên cứu và cải tiến;
- Đảm bảo phúc lợi cho người lao động gắn với thực hiện trách nhiệm xã hội;

Trước những tác động từ các hàng rào kỹ thuật và thuế quan tại thị trường xuất khẩu, căng thẳng địa chính trị cùng những biến động bất lợi của thị trường tôn thép toàn cầu, trong khi thị trường trong nước đối mặt với tình trạng dư thừa công suất và cạnh tranh ngày càng gay gắt, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên kết quả thực hiện trong năm chưa như kỳ vọng. Tuy nhiên, với sự quyết tâm và bản lĩnh trong công tác điều hành của BTGĐ cùng sự chỉ đạo thường xuyên của HĐQT, Công ty đã nỗ lực vượt lên những thách thức của thị trường, duy trì sản xuất kinh doanh vững chắc. Đặc biệt, dự án trọng điểm Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ đang được triển khai đúng tiến độ và tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời, Tôn Nam Kim tiếp tục ghi nhận thị phần tôn mạ được giữ vững trong nhóm ba doanh nghiệp dẫn đầu toàn quốc, ước đạt 16,5%.

Về kết quả sản xuất kinh doanh, tổng sản lượng bán hàng đạt 781.506 tấn, giảm 23,5% so với cùng kỳ và hoàn thành 74,4% kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu năm 2025 đạt 14.899 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ và hoàn thành 64,7% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 240 tỷ đồng, giảm 56,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 54,7% kế hoạch đề ra. Đứng trước khó khăn, Công ty đã tăng cường quản trị hàng tồn kho, đa dạng hóa chuỗi cung ứng và kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, theo đó lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 197 tỷ đồng, giảm 56,4% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Công ty đã tận dụng các cơ hội từ thị trường trong nước để đẩy mạnh tiêu thụ, kết quả doanh thu nội địa năm 2025 ghi nhận 8.739 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.707.517	14.899.234	-28,0%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.609.022	14.808.145	-28,1%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.831.773	785.173	-57,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	557.452	126.754	-77,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khấu hao	927.623	488.905	-47,2%
Lợi nhuận trước thuế	558.169	240.843	-56,8%
Lợi nhuận sau thuế	453.008	197.096	-56,4%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	315.931.978	447.570.881	41,6%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.348	452	

B. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

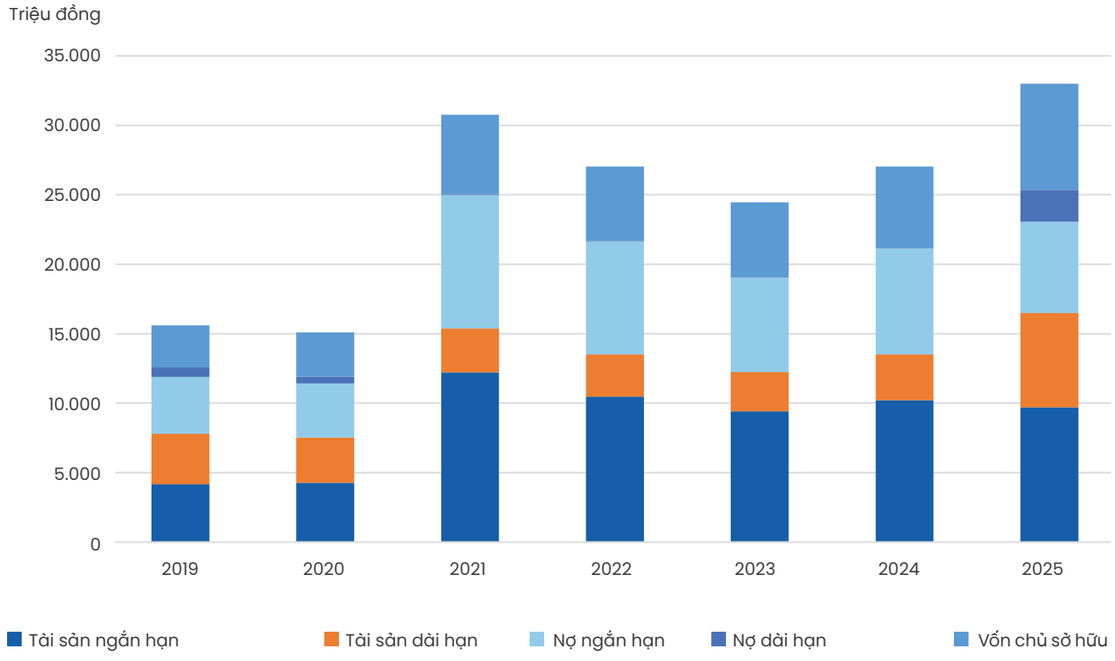
VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tôn Nam Kim ghi nhận tổng tài sản năm 2025 đạt 16.493 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 9.702 tỷ đồng, chiếm 58,8% tổng tài sản. Hàng tồn kho được điều chỉnh xuống mức 5.303 tỷ đồng, tương đương 32,1% tổng tài sản, phù hợp với diễn biến nhu cầu thị trường và đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, với chính sách công nợ hợp lý và nâng cao khả năng cạnh tranh, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng lên 1.259 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ. Hiệu quả sử dụng tài sản giảm nhẹ, chủ yếu do sự gia tăng của khoản tài sản xây dựng dở dang khi Công ty đẩy mạnh đầu tư xây dựng các dự án.

VỀ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ NỢ

Năm 2025, Tôn Nam Kim tiếp tục thực hiện cấu trúc tài chính theo định hướng an toàn và hiệu quả, khi giảm tỷ trọng nợ vay ngắn hạn và gia tăng nợ vay dài hạn. Trên định hướng này, nợ vay ngắn hạn của Công ty ở mức 4.600 tỷ đồng, tương đương 27,9% tổng tài sản, giảm 27,1% so với cùng kỳ, góp phần giảm áp lực thanh toán và cải thiện khả năng thanh khoản. Đồng thời, Công ty ghi nhận nợ vay dài hạn ở mức 2.266 tỷ đồng (năm 2024 không phát sinh), phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu vốn, nhằm phù hợp với nhu cầu hỗ trợ vốn cho các dự án đầu tư dài hạn và tạo dư địa tài chính ổn định hơn. Trong bối cảnh nhu cầu thị trường giảm, việc duy trì bảng cân đối kế toán lành mạnh và tiếp cận các nguồn vốn vay với lãi suất cạnh tranh đã hỗ trợ Công ty kiểm soát chi phí tài chính, trong đó chi phí lãi vay năm 2025 đạt 219 tỷ đồng, chỉ tăng 5,7% so với cùng kỳ. Vốn chủ sở hữu đạt 7.635 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chiếm 30,3%.

CƠ CẤU TÀI SẢN TÔN NAM KIM GIAI ĐOẠN 2019-2025



C. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Nhận thức rõ những khó khăn phải đối mặt và cơ hội cần nắm bắt trong hoàn cảnh mới, Tôn Nam Kim đã tiếp tục ghi nhận những cải tiến tích cực về cơ cấu tổ chức, chính sách và hoạt động quản lý, như sau:

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ, THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổ chức đánh giá lại đội ngũ nhân sự, hoàn thiện bộ máy tổ chức hoạt động, không ngừng chuyển đổi số theo hướng hiện đại hơn, phát huy tối đa năng lực sở trường, cải thiện năng suất của người lao động. Đánh giá cao vai trò đào tạo tại chỗ, gia tăng kiến thức chuyên ngành từ bộ phận quản lý đến các cấp nhân viên nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc. Tiếp tục xây dựng và cải tiến quy trình dựa trên sự thành công của hệ thống quản trị toàn diện ERP – SAP S/4 HANA. Hiện nay, toàn bộ hoạt động của Tôn Nam Kim được hệ thống hóa trên nền tảng dữ liệu thống nhất.

NỀN TẢNG TÀI CHÍNH VỮNG CHẮC CHO TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Sự tập trung vào định hướng chiến lược dài hạn và đa dạng hóa các nguồn huy động vốn nhằm củng cố nền tảng tài chính vững chắc, nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của môi trường kinh doanh. Trong năm 2025, Công ty đã huy động vốn thành công thông qua đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, qua đó tăng cường nguồn lực tài chính và hỗ trợ tái cấu trúc nguồn vốn đầu tư cho các dự án dài hạn. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hướng tới mục tiêu gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Đồng thời, việc củng cố nguồn lực tài chính cũng tạo nền tảng cho Công ty tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh.

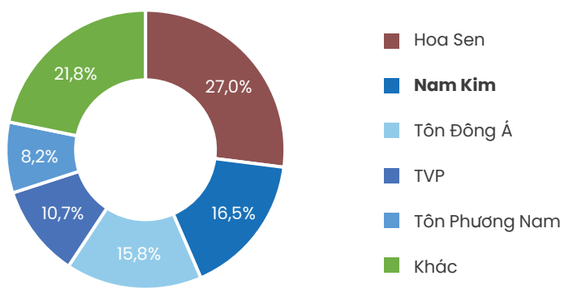
XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tôn Nam Kim chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết và đề cao tinh thần hợp tác trong toàn doanh nghiệp. Công ty không ngừng hoàn thiện chính sách phúc lợi, tạo động lực phát triển cho người lao động, đồng thời lan tỏa các giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Tôn Nam Kim khuyến khích đổi mới sáng tạo và cải tiến liên tục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh. Trên nền tảng đó, Công ty từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị gia tăng của ngành thép, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hài hòa lợi ích với cộng đồng, xã hội.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, ĐA DẠNG THỊ TRƯỜNG VÀ GIỮ VỮNG THỊ PHẦN

Lấy đòn bẩy từ thương hiệu Tôn Nam Kim có lịch sử hơn 20 năm, là thương hiệu quốc gia với chất lượng sản phẩm được khẳng định ở nhiều thị trường như Mỹ, Mexico, Úc, Châu Âu, Đông Nam Á..., Tôn Nam Kim tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu gia tăng chất lượng sản phẩm để tạo ra giá trị vượt trội cho khách hàng. Trong đó, các yếu tố cốt lõi tạo nên sự khác biệt của Tôn Nam Kim bao gồm (1) Cạnh tranh bằng sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm; (2) Cạnh tranh bằng sự hài lòng của khách hàng; (3) Cạnh tranh bằng mức giá hấp dẫn; (4) Chính sách chăm sóc khách hàng chu đáo, tận tâm. Bằng chứng là sản phẩm của Tôn Nam Kim đã hiện diện trong hàng loạt công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia như Sân bay Long Thành, Nhà ga Tân Sơn Nhất, Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, Cao tốc Nha Trang – Đắk Lắk, cùng nhiều khu công nghiệp và đô thị lớn trên cả nước.

THỊ PHẦN MẢNG TÔN MẠ 2025



Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)

D. KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2026

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Tiếp bước những thành quả đã xây dựng, BTGĐ hướng đến thực hiện kế hoạch kinh doanh được HĐQT giao phó với các chỉ tiêu sau:

Tổng sản lượng

1.100.000 tấn

Tổng doanh thu

22.000 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

400 tỷ đồng

(Cụ thể thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026)

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2026

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026, BTGĐ đề ra những giải pháp chiến lược như sau:

- Tối ưu hóa hiệu quả vận hành, khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, gia tăng năng suất, tiết giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Chủ động quản trị chuỗi cung ứng, xây dựng chính sách tồn kho linh hoạt, đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu và tăng cường kiểm soát rủi ro biến động giá.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm, tập trung vào các dòng tôn mạ cao cấp có giá trị gia tăng cao phục vụ các ngành công nghiệp, ô tô và đồ gia dụng.
- Củng cố thị trường tiêu thụ, mở rộng thị trường nội địa, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu tiềm năng, từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành thép.
- Triển khai đầu tư các dự án trọng điểm, đặc biệt là dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.
- Phát huy nền tảng tài chính lành mạnh, tăng cường nội lực doanh nghiệp, hướng đến tăng trưởng bền vững và nâng cao vị thế trên thị trường khu vực và quốc tế.



04. QUẢN TRỊ CÔNG TY

106 Báo cáo của Hội đồng quản trị
110 Hoạt động của Hội đồng quản trị
112 Báo cáo của Ban kiểm soát
116 Quản trị rủi ro
120 Cổ phiếu NKG

Gia tăng nội lực
phát triển vươn mình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2025 vận động theo xu hướng phục hồi và thích ứng trước các biến động của môi trường vĩ mô toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình phục hồi vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ lạm phát, biến động tỷ giá, căng thẳng địa chính trị và chính sách bảo hộ thương mại của một số quốc gia, làm gia tăng chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Tại Việt Nam, kinh tế - xã hội ghi nhận nhiều bước phát triển tích cực trên nhiều lĩnh vực, mặc dù vẫn tồn tại không ít khó khăn và thách thức. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2025 ước đạt 8,02% so với năm trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025, ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với năm trước.

Thị trường thép Việt Nam tiếp tục duy trì sự phục hồi và đạt kết quả tăng trưởng khích lệ trong năm 2025 với động lực chính đến từ sức cầu nội địa nâng đỡ. Đáng chú ý, bức tranh tăng trưởng này cho thấy sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm sản phẩm. Theo VSA, sản xuất thép thành phẩm các loại năm 2025 đạt 32,26 triệu tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ. Bán hàng thép thành phẩm năm 2025 đạt 31,62 triệu tấn, tăng 8,7% so với cùng kỳ. Riêng mảng tôn mạ có mức thu hẹp mạnh, chủ yếu do sức ép từ điều kiện thương mại quốc tế kém thuận lợi và nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu suy yếu. Khi sản lượng tiêu thụ tôn mạ năm 2025 đạt 4,7 triệu tấn, giảm 12,5% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu đạt 1,5 triệu tấn, giảm 47,5% so với cùng kỳ. Đồng thời, giá HRC trung bình năm 2025 đạt mức 491 USD/tấn, giảm 6,5% so với cùng kỳ, các doanh nghiệp có thể phải trích lập giảm giá hàng tồn kho.

Bước sang năm 2026, HĐQT nhận định ngành thép sẽ bước vào giai đoạn phục hồi rõ nét hơn khi sức cầu nội địa tiếp tục tăng trưởng và xuất khẩu phải chịu sức ép lớn từ các biện pháp bảo hộ thương mại, đặc biệt trong bối cảnh thương mại toàn cầu còn tồn tại nhiều rủi ro hiện hữu. Do đó, HĐQT đánh giá chiến lược sản xuất kinh doanh năm 2026 và các giai đoạn tiếp theo, cần tập trung vào sản phẩm thép có chất lượng cao phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, từng bước chuyển đổi sang sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường, tận dụng tối đa nguồn nhiên liệu, để đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu được xác định là yếu tố then chốt trong hoạch định tương lai phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2025, tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Tôn Nam Kim đạt 14.899 tỷ đồng và 240 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 64,7% và 54,7% so với kế hoạch đề ra. HĐQT đánh giá rất cao kết quả kinh doanh của BTGĐ và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tôn Nam Kim, thể hiện sự cố gắng và nỗ lực vượt qua các khó khăn trong năm 2025, khi đã hoàn thành việc quản lý hàng tồn kho, kiểm soát chi phí và tận dụng cơ hội trên thị trường giúp lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 197 tỷ đồng, giảm 56,4% so với cùng kỳ. Đây là kết quả kinh doanh rất đáng khích lệ trong tình hình kinh tế có nhiều bất lợi.

3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2025, tổng sản lượng tiêu thụ của Tôn Nam Kim đạt 781.506 tấn, hoàn thành 74,4% kế hoạch đề ra. Tôn Nam Kim không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Bằng chứng là sản phẩm của Tôn Nam Kim đã hiện diện trong hàng loạt công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia như Sân bay Long Thành, Nhà ga Tân Sơn Nhất, Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, Cao tốc Nha Trang – Đắk Lắk, cùng nhiều khu công nghiệp và đô thị lớn trên cả nước. Những dự án này là minh chứng cho vai trò của Tôn Nam Kim trong chuỗi cung ứng vật liệu chiến lược, góp phần kiến tạo diện mạo hạ tầng hiện đại và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam.

4. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Tôn Nam Kim đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch;
- Tăng cường xây dựng thương hiệu Tôn Nam Kim và mở rộng mạng lưới khách hàng mới tại cả thị trường trong nước và quốc tế;
- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới với chất lượng vượt trội và mẫu mã hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (tạo nên ưu thế cạnh tranh cho Công ty).

5. TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG,MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tôn Nam Kim trong năm 2025 đóng góp 876 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Tôn Nam Kim hiện đang tạo ra công ăn việc làm cho hơn 1.500 người lao động, góp phần ổn định đời sống an sinh xã hội cho địa phương và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ môi trường.

6. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGĐ

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT, các báo cáo bổ sung, các báo cáo tháng, các báo cáo bất thường về tình hình triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt. Trên cơ sở công tác giám sát, HĐQT đã có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ triển khai, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

7. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGĐ

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ đã xây dựng phương án kinh doanh thích ứng và điều chỉnh linh hoạt với diễn biến của thị trường; công tác quản trị được chú trọng, tiết giảm chi phí tài chính, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng; hoạt động xuất khẩu đã được tổ chức hiệu quả, đa dạng thị trường, giảm thiểu tối đa các rủi ro do chính sách phòng vệ thương mại, chống phá giá từ các thị trường xuất khẩu. Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản lý. HĐQT đánh giá BTGĐ đã vượt qua rất nhiều khó khăn, điều hành kịp thời và hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

8. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên HĐQT, Ban điều hành nhận tiền lương, thù lao, phụ cấp, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng năm 2025, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 và Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty.

9. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng năm 2025, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 và Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 của Công ty.

10. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Trong năm 2025, Ban kiểm toán nội bộ đã hoàn thành hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt. Ban kiểm toán nội ghi nhận kết quả trong việc kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ quy trình, quy định, chính sách nội bộ của các đơn vị và rà soát các thông tin tài chính của Công ty theo định kỳ. Qua đó, đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và ngăn ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động của Công ty. Trên cơ sở giám sát các hoạt động Công ty, Ban kiểm toán nội bộ đã kiến nghị biện pháp sửa chữa, khắc phục các rủi ro trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Với những nỗ lực cải tiến không ngừng, HĐQT đánh giá cao những kết quả của Ban kiểm toán nội bộ trong việc đã giúp HĐQT và BTGĐ nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm 2025: các thành viên độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó. Đồng thời, các thành viên độc lập đã phát huy hiệu quả vai trò giám sát đối với hoạt động của Công ty, đặc biệt trong việc đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ, cũng như theo dõi tiến độ triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, với các ý kiến đóng góp mang tính khách quan, thận trọng và minh bạch, các thành viên độc lập đã hỗ trợ HĐQT và BTGĐ trong công tác quản trị, điều hành và hoạch định chiến lược, qua đó góp phần bảo vệ lợi ích của Công ty cũng như tối đa hóa giá trị cho cổ đông và nhà đầu tư.

Kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT như sau:

Đánh giá của Ông Nguyễn Trung Tín

• Trong năm 2025, HĐQT đã triển khai các hoạt động theo đúng định hướng và mục tiêu được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời tuân thủ đầy đủ Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của pháp luật có liên quan. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

• HĐQT đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ BTGĐ trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giúp Công ty vượt qua những khó khăn, thách thức. Đồng thời, HĐQT cũng thực hiện tốt vai trò giám sát, kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty được triển khai đúng kế hoạch và mục tiêu đã đề ra.

• Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo và định hướng hoạt động của Công ty nhằm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó mang lại giá trị cho cổ đông và hướng đến phát triển bền vững.

Đánh giá của Ông Võ Thời

• Trong năm tài chính 2025, HĐQT đã tổ chức triển khai các hoạt động theo định hướng và kế hoạch công tác đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, các quy chế quản trị nội bộ và các quy định có liên quan, đồng thời bảo đảm hoàn thành các nội dung công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT.

• Trong quá trình hoạt động, các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đầy đủ theo quy định, với sự tham gia tích cực của các thành viên trong việc thảo luận và đưa ra quyết định đối với các vấn đề quan trọng của Công ty. Mỗi thành viên đều thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự cẩn trọng và tính độc lập trong quá trình xem xét, đánh giá các nội dung cần được thông qua.

• Song song đó, HĐQT duy trì sự phối hợp và trao đổi thông tin thường xuyên với Ban điều hành nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra các ý kiến định hướng và hỗ trợ cần thiết. Đồng thời, HĐQT cũng thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát đối với công tác quản lý và điều hành nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được triển khai đúng quy định và phù hợp với mục tiêu phát triển đã đề ra.

12. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA HĐQT NĂM 2026

Tổng sản lượng: 1.100.000 tấn

Tổng doanh thu: 22.000 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 400 tỷ đồng

(Cụ thể thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026)

13. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Để phát huy tối đa nội lực của Tôn Nam Kim, nắm bắt cơ hội hướng đến sự phát triển bền vững. HĐQT chủ động và tích cực thực hiện những định hướng chiến lược như sau:

• Tiếp tục phân bổ hiệu quả các nguồn lực, chuẩn hóa hệ thống vận hành theo hướng tinh gọn, linh hoạt, hiện đại hơn cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty.

• Tăng cường công tác quản trị tài chính doanh nghiệp hiệu quả; quản lý chặt chẽ dòng tiền, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, đảm bảo cân đối tài chính và ưu chi phí.

• Tập trung thực hiện dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ theo đúng tiến độ, bảo đảm hiệu quả đầu tư và đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

• Đẩy mạnh công tác kiểm soát chi phí trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động dài hạn và bền vững.

• Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới và tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng.

• Tập trung gia tăng tỷ trọng các sản phẩm có biên lợi nhuận cao dựa trên lợi thế quy trình sản xuất khép kín, đặc biệt là các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng dài hạn.

• Theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đề xuất giải pháp phù hợp, kịp thời.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 32 cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%.

STT	Thành viên HĐQT (*)	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Minh Quang	32/32	100%	
2	Ông Võ Hoàng Vũ	32/32	100%	
3	Ông Nguyễn Vinh AN	32/32	100%	
4	Ông Nguyễn Trung Tín	32/32	100%	
5	Ông Võ Thời	32/32	100%	

(*) Các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030 được bầu vào ngày 25/04/2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 10/2025/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025, thông qua việc bầu Ông Hồ Minh Quang giữa chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030 kể từ ngày 25/04/2025.

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT

HĐQT tiếp tục thực hiện vai trò định hướng chiến lược và tham mưu cho BTGĐ trong các hoạt động kinh doanh. Tại các cuộc họp thường kỳ, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời. HĐQT luôn tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó cũng như giám sát chặt chẽ các hoạt động của BTGĐ. Năm 2025, các hoạt động của HĐQT tập trung vào các nội dung sau:

- Tham mưu cho BTGĐ xây dựng phương án kinh doanh và chủ động tìm các thị trường mới;
- Giám sát và tham mưu công tác quản trị, giám sát tính tuân thủ pháp luật của Công ty;
- Hỗ trợ cho BTGĐ và các bộ phận liên quan xây dựng chiến lược trung và dài hạn;
- Giám sát và tham mưu quá trình sản xuất, hoạt động của Công ty, đóng góp ý kiến cho các sáng kiến giúp tiết kiệm chi phí trong sản xuất;
- Đồng hành cùng BTGĐ trong công tác bán hàng, giúp đẩy mạnh xuất khẩu. Củng cố mối quan hệ với các thị trường truyền thống và tiếp cận các thị trường có giá trị cao;
- Tùy tình hình thị trường mà HĐQT có chỉ đạo linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức thực hiện triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Qua đó, HĐQT đã thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025, thực hiện phân phối lợi nhuận và các nhiệm vụ khác theo chủ trương đã phê duyệt. Bên cạnh đó, HĐQT đã thông qua chủ trương tạm dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu tuân thủ các quy định pháp luật mới và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét để thông qua phương án thay thế phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 của Công ty, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Ban kiểm toán nội bộ – trực thuộc HĐQT của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là đơn vị tham mưu cho HĐQT thông qua việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ và nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Quy chế kiểm toán nội bộ được phê duyệt. Đồng thời, HĐQT đã bổ nhiệm Bà Nông Bích Hiện giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã ban hành 27 Nghị quyết để định hướng, chỉ đạo kịp thời các vấn đề quan trọng của Công ty. Danh sách các Nghị quyết/Quyết định được thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	11/01/2025	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	17/01/2025	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	23/01/2025	Thông qua việc tạm ứng thù lao đợt 4 của HĐQT và BKS năm 2021	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	Thông qua kết quả đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông và phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	26/02/2025	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	27/02/2025	Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
7	06A/2025/NQ-HĐQT	14/03/2025	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025	100%
8	07/2025/NQ-HĐQT	17/03/2025	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty	100%
9	08/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025	Thông qua việc giới thiệu thêm ứng cử viên bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030 và thông qua danh sách ứng cử viên bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030	100%
10	09/2025/NQ-HĐQT	17/04/2025	Thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Ống Thép Nam Kim Chu Lai	100%
11	10/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nam Kim nhiệm kỳ 2025 – 2030	100%
12	11/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	Thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của công ty trực thuộc	100%
13	12/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	Thông qua chủ trương góp vốn thành lập công ty con	100%
14	1505/2025/NQ-HĐQT	15/05/2025	Thông qua vay vốn ngân hàng	100%
15	13/2025/NQ-HĐQT	04/06/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025	100%
16	14/2025/NQ-HĐQT	18/06/2025	Thông qua việc thay đổi nhân sự quản lý của các công ty trực thuộc	100%
17	15/2025/NQ-HĐQT	18/06/2025	Thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	100%
18	16/2025/NQ-HĐQT	16/07/2025	Thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của công ty trực thuộc	100%
19	1728/2025/NQ-HĐQT	25/07/2025	Thông qua vay vốn ngân hàng	100%
20	17/2025/NQ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	100%
21	18/2025/NQ-HĐQT	05/09/2025	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025	100%
22	19/2025/NQ-HĐQT	26/09/2025	Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của công ty trực thuộc	100%
23	20/2025/NQ-HĐQT	26/09/2025	Thông qua điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025	100%
24	21/2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	100%
25	22/2025/NQ-HĐQT	28/11/2025	Thông qua chủ trương nghiên cứu sản xuất tôn mạ thiếc cho ngành bao bì, tôn mạ thiếc nickel cho vỏ pin xe điện	100%
26	23/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua chủ trương tạm dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025	100%
27	24/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. NHÂN SỰ CỦA BKS

- Ông Đặng Văn Hòa - Trưởng ban
- Ông Lê Nhật Tân - Thành viên
- Bà Trần Thị Tuyết Mai - Thành viên

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác năm 2025, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

• Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo Công ty về việc triển khai dự án, theo dõi tiến độ dự án, cũng như kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.

• Giám sát tiến độ thực hiện các dự án.

• Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.

• Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.

• Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

• Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

• Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

3. CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - năm 2026, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

• Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.

• Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

• Bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030 theo quy chế hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua.

• Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thành viên BKS (*)	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Bà Võ Thị Vui	1/4	100%	100%	Kết thúc nhiệm kỳ kể từ ngày 25/04/2025
Ông Đặng Văn Hòa	4/4	100%	100%	
Ông Lê Nhật Tân	4/4	100%	100%	
Bà Trần Thị Tuyết Mai	3/4	100%	100%	Bổ nhiệm kể từ ngày 25/04/2025

(*) Các thành viên BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030 được bầu vào ngày 25/04/2025.

Theo Nghị quyết BKS số 01/2025/NQ-BKS ngày 25/04/2025, thông qua việc bầu Ông Đặng Văn Hòa giữa chức vụ Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030 kể từ ngày 25/04/2025.

4. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

• BKS đã thực hiện các chức năng và nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

• Các Kiểm soát viên luôn nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính cũng như hiểu biết về pháp luật vào trong công tác giám sát.

• Các Kiểm soát viên đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, cử đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.



5. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

• BKS đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc giao cho các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.

• Thực hiện theo quy định của pháp luật, BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

• Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

• Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán (ví dụ các khoản dự phòng, xác định lợi thế thương mại...)

• Các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch, được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng năm 2025, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 và Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 của Công ty.

• Thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS. Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng năm 2025, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty.

- Lược trích những số liệu cơ bản thực hiện trong năm 2025:

Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần	:	14.808.145.017.155 (VNĐ)
Tổng lợi nhuận trước thuế	:	240.843.201.388 (VNĐ)
Lợi nhuận sau thuế	:	197.096.350.389 (VNĐ)

Tài sản Công ty

Tổng tài sản	:	16.493.912.202.087 (VNĐ)
Tài sản ngắn hạn	:	9.702.800.286.228 (VNĐ)
Tài sản dài hạn	:	6.791.111.915.859 (VNĐ)

Vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm (01/01/2025)	:	5.871.406.574.473 (VNĐ)
Số dư cuối năm (31/12/2025)	:	7.635.393.344.959 (VNĐ)

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

• BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

• Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

• Trong năm 2025, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

7. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BKS

• Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt.

• Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán.

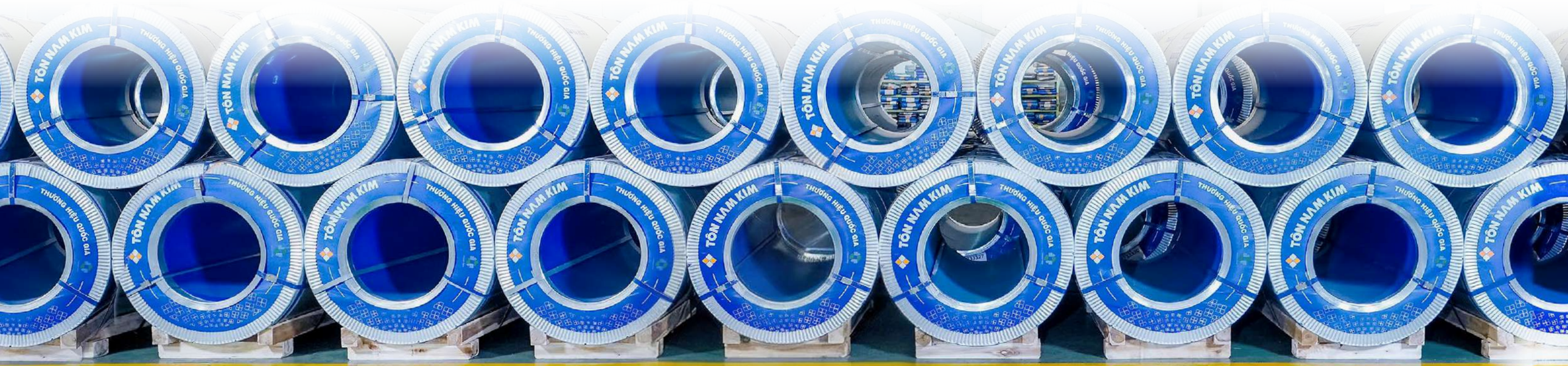
• Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

8.CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

• Tăng cường quản lý chi phí hoạt động theo kế hoạch đã đề ra.

• Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.

• Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của hoạt động Công ty.

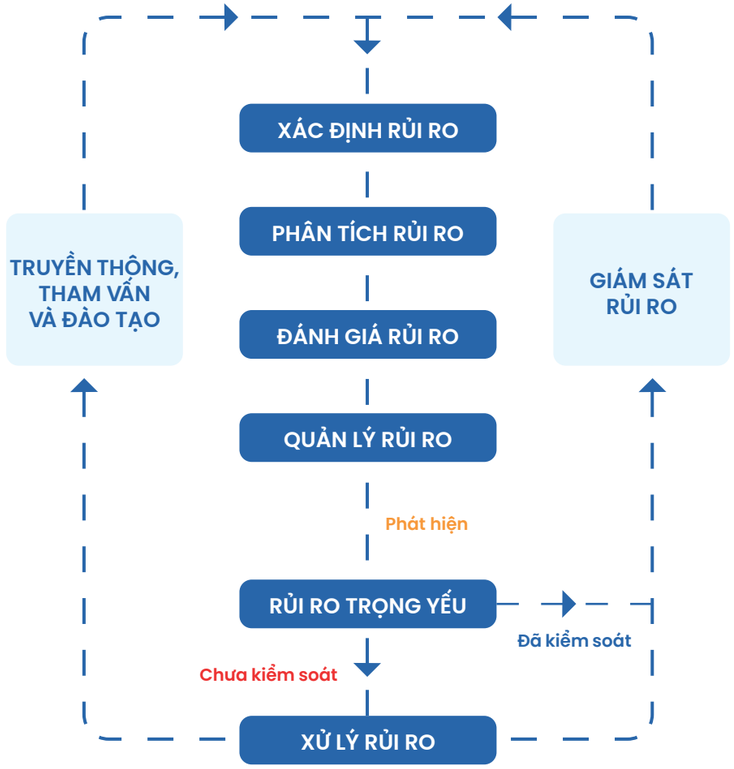


QUẢN TRỊ RỦI RO

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Với đặc thù là doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ, nên sản phẩm của Tôn Nam Kim là vật liệu thiết yếu, phục vụ hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, chất lượng sản phẩm có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình. Do đó, có thể nói Tôn Nam Kim phải luôn đối diện với những rủi ro đặc thù và thường trực.

Vì thế, hoạt động quản trị rủi ro luôn được Tôn Nam Kim xem là một nhiệm vụ chiếc lược ưu tiên hàng đầu. Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác dự báo thị trường nguyên liệu đầu vào, nhu cầu đầu ra thị trường trong nước và quốc tế để đề ra những chính sách thích ứng nhanh chóng. Ngoài ra, toàn bộ hoạt động quản trị điều hành của doanh nghiệp được vận hành theo hệ thống ERP – SAP S/4 HANA, ngày càng hoàn thiện giúp mọi hoạt động ghi nhận nhanh chóng, dữ liệu được phân tích kịp thời giúp công tác lập kế hoạch và ra quyết định chính xác nhất. Bên cạnh đó, Tôn Nam Kim xây dựng một quy trình quản trị rủi ro toàn diện, hiệu quả, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 về quản trị rủi ro và tiêu chuẩn COSO về kiểm toán nội bộ.



Rủi ro được phân loại theo hướng dẫn của tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ. Tiêu chí "xác suất" và "tác động" được đo lường theo mức độ tăng dần trên thang điểm từ 1 đến 5.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro vĩ mô	Những biến động về địa chính trị, xung đột quốc gia, cấm vận hoặc nội tại nền kinh tế Việt Nam gặp tình trạng bất ổn trực tiếp gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản.	5	4	Liên tục theo dõi, giám sát những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Phân tích, đánh giá các kịch bản biến động của các nhân tố vĩ mô để có quyết định phù hợp. Xây dựng phương án dự phòng nhằm tránh tình huống xấu nhất nếu các doanh nghiệp bất động sản vỡ nợ dây chuyền.
Rủi ro định hướng chiến lược	Chiến lược của Tôn Nam Kim có thể chưa phù hợp với tình hình thực tiễn. Các sản phẩm bán hàng chủ đạo chưa phù hợp với xu thế của thế giới.	5	1	Xây dựng các chiến lược dài hạn. Có những kế hoạch tài chính dự phòng cho mọi rủi ro.
Rủi ro cạnh tranh	Các đại lý gây sức ép và giảm biên lợi nhuận của sản phẩm. Các đối thủ cạnh tranh ở các nước thực hiện chiến lược cạnh tranh về giá.	4	3	Thường xuyên theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh. Chủ động khảo sát, nghiên cứu cung cầu thị trường. Duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh nội tại, cải thiện chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo đảm giữ vững và mở rộng thị phần.
Rủi ro truyền thông	Xuất hiện những thông tin tiêu cực chưa được xử lý kịp thời. Ảnh hưởng của thông tin chưa được kiểm chứng.	2	2	Liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp. Thực hiện tốt hoạt động PR, IR. Duy trì quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro nguyên vật liệu	Sự thiếu hụt của nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim. Biến động giá HRC, gas, than cốc... gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và sản xuất của doanh nghiệp.	5	3	Quản lý hiệu quả hàng tồn kho. Đàm phán kế hoạch cụ thể với nhà cung cấp về nhu cầu và mức giá ổn định. Xây dựng chiến lược quản lý hàng tồn kho trong ngắn hạn và trung hạn nhằm ứng phó với sự biến động về giá.
Rủi ro chất lượng	Sản phẩm của Tôn Nam Kim có thể không bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất hoặc do nguyên liệu đầu vào kém chất lượng.	3	1	Chuẩn hoá và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng. Tuân thủ quy trình QA/QC nghiêm ngặt, đáp ứng tiêu chuẩn của Châu Mỹ như ASTM, của Nhật Bản như JIS.
Rủi ro thực thi	Việc thực thi các kế hoạch kinh doanh có thể không thành công.	2	1	Theo dõi, giám sát về hiệu quả, tiến độ thực thi các kế hoạch kinh doanh để có các biện pháp ứng phó kịp thời.
Rủi ro công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin của Tôn Nam Kim có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	1	1	Duy trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, bảo mật.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, AN TOÀN LAO ĐỘNG

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro về an toàn lao động	Xảy ra tai nạn lao động trong quá trình sản xuất.	2	1	Tập huấn hàng năm về các tiêu chuẩn an toàn lao động. Trang bị đầy đủ cho cán bộ công nhân viên trong quá trình sản xuất. Quy trình chuẩn hóa và có sự yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt.
Rủi ro về môi trường	Xảy ra ô nhiễm đến môi trường. Xảy ra sự cố về cháy, nổ ngoài ý muốn.	4	1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy luôn được đảm bảo hoạt động đầy đủ, tuân thủ các quy định PCCC của nhà nước. Tận dụng lợi thế tự nhiên, có hệ thống xử lý chất thải đầy đủ, tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường.

RỦI RO TÀI CHÍNH

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro lãi suất	Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Tôn Nam Kim.	5	3	Theo dõi biến động của lãi suất, lập kế hoạch dòng tiền, thanh toán nợ. Đàm phán giữ, giảm lãi suất cho vay với các bên cấp tín dụng. Tập trung hướng tới cân bằng các chỉ số thanh toán, giảm đòn bẩy tài chính, giảm nợ.
Rủi ro tín dụng thương mại	Tôn Nam Kim có thể gặp khó khăn trong việc thu hồi tín dụng thương mại từ các đối tác.	2	1	Giám sát chặt chẽ các khoản tín dụng thương mại. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đến hạn. Xem xét cẩn trọng năng lực của đối tác trước khi quyết định. Yêu cầu khách hàng mở LC khi nhập khẩu. Giảm thời gian công nợ, tăng cường lập các kế hoạch dự phòng tài chính.

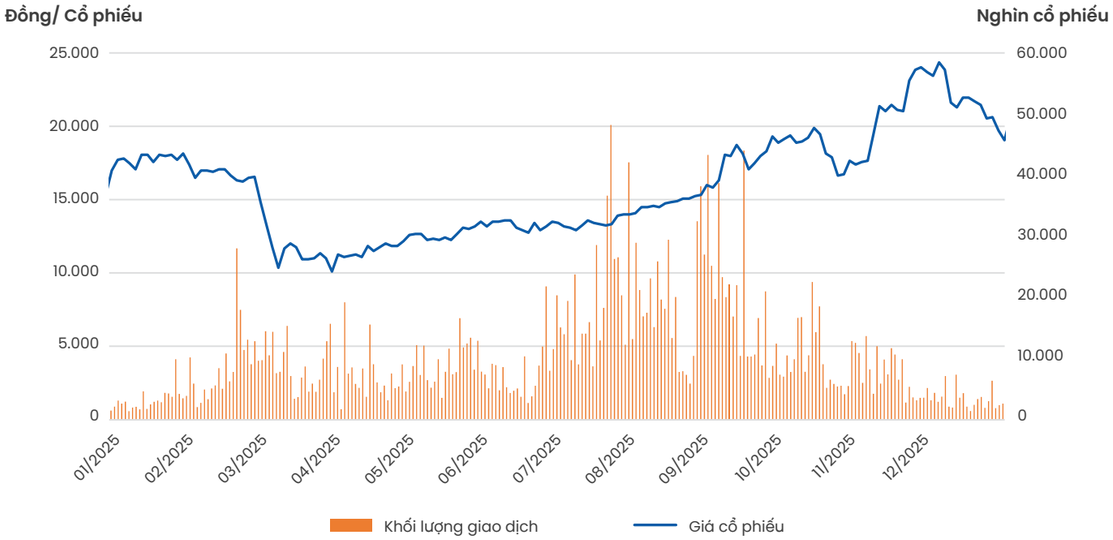
RỦI RO PHÁP LÝ

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro tuân thủ	Tôn Nam Kim chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty đại chúng niêm yết, Tôn Nam Kim còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài khung pháp lý chung, Tôn Nam Kim còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường.	3	1	Tôn Nam Kim có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo cho Công ty hoạt động tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.
Rủi ro thuế quan	Thép là ngành công nghiệp được nhiều quốc gia bảo hộ. Tôn Nam Kim thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ các chính quyền tại các thị trường xuất khẩu áp dụng các hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá...).	4	2	Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các diễn biến, quy định về thuế quan tại các thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, đàm phán với các bên liên quan để hạn chế, xử lý khi bị áp dụng những quy định về thuế quan chưa thực sự phù hợp. Tối ưu sản lượng và chi phí sản xuất. Luôn cập nhật về tình hình thuế quan, phát triển thị trường trong nước nhằm hạn chế rủi ro ở thị trường xuất khẩu.

BẢNG MỨC THUẾ TỪ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔN MẠ TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TT	QUỐC GIA	VỤ VIỆC	NĂM	MẶT HÀNG	NAM KIM	HOA SEN	ĐÔNG Á	MỨC THUẾ CAO NHẤT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	TRẠNG THÁI
1	MALAYSIA	AD	2016	PPGI, PPGL	0%	34,85%	34,85%	Maruichi: 12,06% Khác: 34,85%	19/01/2016	Điều tra rà soát cuối kỳ tiếp tục áp thuế đến 19/07/2026
2	THAILAND	AD	2017	PPGI, PPGL	4,30%	6,63%	60,26%	Khác: 60,26%	24/03/2017	Điều tra rà soát cuối kỳ tiếp tục áp thuế thêm 5 năm kể từ 09/05/2023
3	AUSTRALIA	AD, CVD	2017	GI	0%	0%	Khác: giá sàn (floor price)	Khác: 14,2%	16/08/2017	Còn hiệu lực Tiếp tục áp thuế đến 2027
4	CANADA	AD, CVD	2019	GI, GL Slitting	AD: 2,3% CVD: 0%	AD: 11,0% CVD: 0%	AD: 16,2% CVD: 0%	Khác: AD: 71,1% CVD: 0%	16/10/2020	Còn hiệu lực (Áp dụng bằng Normal value mới từ 17/07/2023) Đang rà soát cuối kỳ
5	AUSTRALIA	AD, CVD	2021	GL Master width	AD: -9,6% CVD: 0%	AD: 8,1% CVD: 0%	AD: 20,9% CVD: 0%	Khác: 20,9%	24/12/2021	Còn hiệu lực Đang rà soát cuối kỳ
6	MEXICO	AD	2023	GI, GL, PPGI, PPGL	6,40%	7,00%	10,84%	Khác: 10,84%	24/02/2023	Còn hiệu lực Đang rà soát cuối kỳ
7	UNITED STATED	AD, CVD	2024	CORE	AD: 94,89% CVD: 1,29%	AD: 110,19% CVD: 0,30% (de minimis)	AD: 87% CVD: 1,29%	Khác: AD: 162,96% CVD: 1,29% - 257,83%	19/12/2025	Còn hiệu lực
8	MALAYSIA	AD	2025	GI, GI Slitting	-3,37%	-3,52%	0,05%	Khác: 57,90%	01/11/2025	Còn hiệu lực
9	EU	SG	2018	GI, GL PPGI, PPGL	Việt Nam thuộc nhóm 'Other countries' và tỷ lệ nhập khẩu từ Việt Nam không được vượt quá 15% tổng hạn ngạch dành cho nhóm này. Biện pháp áp dụng đến hết ngày 30/06/2026				30/06/2018 – 30/06/2026	Còn hiệu lực
10	UK	SG	2020	GI, GL	Đối với sản phẩm thép mạ, Việt Nam thuộc nhóm "Other countries", và lượng nhập khẩu từ Việt Nam không được vượt quá 40% tổng hạn ngạch áp dụng cho nhóm này. Đối với sản phẩm thép mạ màu, Việt Nam được miễn áp dụng hạn ngạch (quota). Biện pháp áp dụng đến hết ngày 30/06/2026				01/07/2025 – 30/06/2026	Còn hiệu lực
11	INDIA	SG	2025	GI, GL, ZM PPGI, PPGL	Thuế suất theo giá trị hàng hóa: + 21/4/2025 – 20/4/2026: 12% + 21/4/2026 – 20/4/2027: 11,5% + 21/4/2027 – 20/4/2028: 11% - GI, GL, ZM: 861 USD/MT - PPGI, PPGL: 964 USD/MT (Việt Nam được loại trừ)				21/04/2025	Còn hiệu lực

CỔ PHIẾU NKG



THÔNG TIN CỔ PHIẾU
(Tại ngày 31/12/2025)

Tổng số cổ phần đang lưu hành	447.570.881 cổ phần, trong đó:
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	420.192.748 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	27.378.133 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông.
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có. Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.
Các chứng khoán khác	Không có.
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty	50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
(Tại ngày 20/03/2025)

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-
Cổ đông nước ngoài	279	25.166.345	5,62%
• Tổ chức	34	22.811.396	5,10%
• Cá nhân	245	2.354.949	0,52%
Cổ đông trong nước	41.877	422.404.536	94,38%
• Tổ chức	70	5.376.291	1,20%
• Cá nhân	41.807	417.028.245	93,18%
Tổng cộng	42.156	447.570.881	100,00%
Tổng số cổ phiếu đã phát hành		**447.570.881**	

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN
(Tại ngày 20/03/2025)

Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Hồ Minh Quang	71.040.996	15,87%

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐTV: nghìn đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn
2002	60.000.000	-	Thành lập Công ty
2006	69.000.000	9.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2007	71.100.000	2.100.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty
2009	150.000.000	78.900.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty
2010	200.000.000	50.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2010	230.000.000	30.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2011	299.000.000	69.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2014	399.000.000	100.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2015	430.919.200	31.919.200	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2015	438.899.200	7.980.000	Phát hành cổ phiếu ESOP
2016	500.343.610	61.444.410	Phát hành cổ phiếu thưởng
2016	660.343.610	160.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2017	990.514.550	330.170.940	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2017	1.000.000.000	9.485.450	Phát hành cổ phiếu ESOP
2017	1.300.000.000	300.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2018	1.819.998.680	519.998.680	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2021	2.183.985.680	363.987.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và Phát hành cổ phiếu thưởng
2022	2.193.985.680	10.000.000	Phát hành cổ phiếu ESOP
2022	2.632.778.060	438.792.380	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2024	3.159.319.780	526.541.720	Phát hành cổ phiếu thưởng
2025 (i)	4.475.708.810	1.316.389.030	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

*ESOP (Employee Stock Ownership Plan): Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

(i) Theo Nghị quyết HĐQT số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 27/02/2025, HĐQT đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 131.638.903 cổ phiếu. Ngày 13/03/2025, Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ghi nhận vốn điều lệ của Công ty là 4.475.708.810.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG IR

CUNG CẤP THÔNG TIN MINH BẠCH, KỊP THỜI

Tôn Nam Kim bảo đảm việc minh bạch thông tin đến mọi cổ đông, nhà đầu tư. Công ty luôn chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và bất kỳ thông tin bất thường quan trọng khác thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại www.tonnamkim.com, website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.

THƯỜNG XUYÊN TIẾP XÚC, TRAO ĐỔI, LẮNG NGHE CỔ ĐÔNG

Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim luôn duy trì sự tương tác thường xuyên, trực tiếp trao đổi và lắng nghe ý kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại và email nhằm giúp cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình hoạt động, triển vọng phát triển của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ VỀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Email: congbothongtin@namkimgroup.vn

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tại ngày 31/12/2025)

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	71.040.996	15,87%
Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	15.936.480	3,56%
Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT	553.853	0,12%
Nguyễn Trung Tín	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
Võ Thời	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tại ngày 31/12/2025)

Thành viên BTGĐ	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Võ Hoàng Vũ	Tổng giám đốc	15.936.480	3,56%
Nguyễn Vinh An	Phó Tổng giám đốc	553.853	0,12%
Quàng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	208.000	0,05%
Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc	2.345.976	0,52%
Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc	466.575	0,10%
Lê Minh Hải	Phó Tổng giám đốc	20.000	0%
Nguyễn Hữu Hạnh	Phó Tổng giám đốc	0	0%
Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng giám đốc	0	0%
Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	22.410	0,01%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ông Nguyễn Hữu Hạnh – được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim kể từ ngày 10/10/2025.
- Ông Nguyễn Quốc Phong – được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim kể từ ngày 20/03/2026.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Tại ngày 31/12/2025)

Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Văn Hòa	Trưởng BKS	0	0%
Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	8.160	0%
Trần Thị Tuyết Mai	Thành viên BKS	0	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT 2025

- Bà Võ Thị Vui – không còn giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nam Kim kể từ ngày 25/04/2025, do kết thúc nhiệm kỳ.
- Bà Trần Thị Tuyết Mai – được bổ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nam Kim kể từ ngày 25/04/2025.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

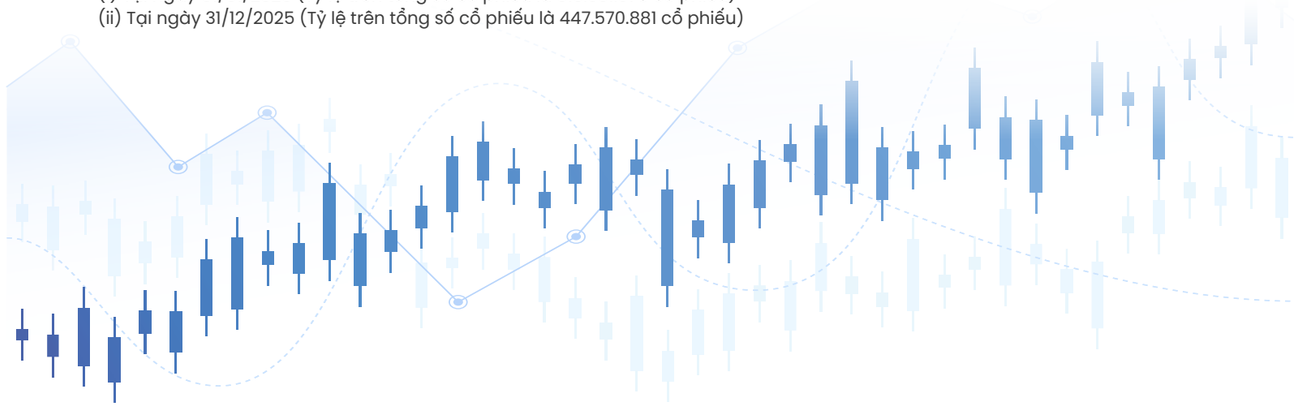
Tôn Nam Kim luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRONG KỲ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (i)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (ii)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	44.869.315	14,20%	71.040.996	15,87%	Mua 26.171.618 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
2	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	11.249.280	3,56%	15.936.480	3,56%	Mua 4.687.200 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
3	Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT	390.955	0,12%	553.853	0,12%	Mua 162.898 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
4	Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	5.760	0,00%	8.160	0,00%	Mua 2.400 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
5	Trần Thị Tuyết Mai	Thành viên BKS	250	0,00%	0	0,00%	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch: bán 250 cổ phiếu.
6	Quàng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	108.000	0,03%	208.000	0,05%	Mua 100.000 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
7	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính	1.683.512	0,53%	2.345.976	0,52%	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch: bán 39.000 cổ phiếu và mua 701.464 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
8	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc	329.347	0,10%	466.575	0,10%	Mua 137.228 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
9	Lê Minh Hải	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%	20.000	0,00%	Mua 20.000 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
10	Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	24.360	0,01%	22.410	0,01%	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch: bán 19.100 cổ phiếu và mua 17.150 cổ phiếu (Trong đó: mua 10.150 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu).
11	Nông Bích Hiện	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	705	0,00%	999	0,00%	Mua 294 cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

(i) Tại ngày 01/01/2025 (Tỷ lệ trên tổng số cổ phiếu là 315.931.978 cổ phiếu)
(ii) Tại ngày 31/12/2025 (Tỷ lệ trên tổng số cổ phiếu là 447.570.881 cổ phiếu)



05. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

126 Tầm nhìn bền vững
128 Tối ưu hiệu quả kinh tế
130 Củng cố, phát triển nguồn nhân lực
132 Bảo vệ môi trường thiên nhiên
133 Đồng hành với cộng đồng, xã hội

Phát triển bền vững đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan đi đôi với bảo vệ môi trường



TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Trong vòng một thập niên, chủ đề về tiết giảm CO_2 nhằm hạn chế sự nóng lên của trái đất luôn là một trong những chương trình nghị sự lớn nhất. Trên tinh thần không đánh đổi kinh tế bằng ô nhiễm môi trường, trong Hội nghị COP26 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã cam kết đưa phát thải ròng CO_2 của Việt Nam về bằng 0 vào năm 2050. Năm 2022, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Hiện nay, Châu Âu đã ban hành một chính sách cực kỳ quan trọng là áp dụng đánh thuế carbon lên các sản phẩm nhập khẩu vào Châu Âu, hay còn được biết là cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), được thí điểm áp dụng từ 2024 và áp dụng đầy đủ vào năm 2026.

Là một trong những doanh nghiệp đầu ngành tôn mạ tại Việt Nam, Tôn Nam Kim nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của nền kinh tế xanh và đạo đức. Tôn Nam Kim hiểu rằng việc xanh hóa hoạt động sản xuất không chỉ vì lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, mà còn mang lại tác động tích cực gắn liền với sự phát triển về con người, giữ an toàn cho người lao động, đóng góp vào phúc lợi chung cho cộng đồng. Qua đó, Tôn Nam Kim đề ra chiến lược phát triển bền vững bao gồm bốn trụ cột chính:

01. CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tôn Nam Kim xác định "Con người là yếu tố cốt lõi", là chìa khóa then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

02. ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Phụng sự cộng đồng xã hội không chỉ là trách nhiệm cao cả mà còn là vinh dự to lớn của Tôn Nam Kim thông qua những hoạt động ý nghĩa, đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

03. TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Không chỉ là trách nhiệm đem lại giá trị kinh tế cao nhất cho cổ đông, tối ưu hiệu quả kinh tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là nền tảng cho quá trình phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

04. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Nhận thức rõ vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Tôn Nam Kim nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên để giảm thiểu tác động lên môi trường tự nhiên.

TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Tôn Nam Kim dựa trên tình hình thực tế phát triển của doanh nghiệp, kết hợp với những tiêu chuẩn đã được đề ra từ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 17) của Liên Hợp Quốc để xây dựng quá trình tối ưu hiệu quả kinh tế.

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, Tôn Nam Kim luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NỀN TẢNG HƯỚNG ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Thấu hiểu điều đó, Tôn Nam Kim luôn nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước. Qua đó, tạo ra nhiều công việc cho địa phương, tăng giá trị đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng như phát triển cộng đồng địa phương thịnh vượng.

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm "Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền", Tôn Nam Kim luôn hoạt động với mục tiêu vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thép nói riêng đang trải qua những khó khăn, thách thức chưa từng thấy do tác động của dịch bệnh, chiến tranh và thị trường tiền tệ thế giới.

Tuy nhiên, Tôn Nam Kim đã có những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, phát huy những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhờ đó đã không chỉ bảo vệ được tài sản của cổ đông mà còn gia tăng giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư. Trong đó, Tôn Nam Kim luôn duy trì sự công bằng và lợi ích cho tất cả các cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Cải tiến chất lượng không ngừng là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tôn Nam Kim đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, là "Thương hiệu Quốc gia" uy tín với hệ thống nhà máy hiện đại và thị phần cao. Nguồn nội lực vô cùng to lớn này chính là nền móng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty trong tương lai.

Vì thế, "CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI" được Công ty xem là nhiệm vụ trọng yếu, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2023 – 2028 với những định hướng cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;

- Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;

- Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Mỹ và Châu Âu.



CHÚ TRỌNG R&D ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Để tiến sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, công tác R&D đóng vai trò xương sống trong định hướng phát triển của Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim. Trong những năm qua, Tôn Nam Kim đã liên tục nghiên cứu thành công các sản phẩm mới, tiến sâu vào chuỗi giá trị. Tiêu biểu như năm 2022, Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm tôn mạ lạnh có độ mạ cao, dòng sản phẩm tôn mạ lạnh AZ200 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 25 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao. Năm 2023, Tôn Nam Kim cho ra đời dòng sản phẩm Zinmag, được phủ hợp kim magie và đất hiếm, có độ bền lên trên 50 năm và được thị trường Châu Úc đón nhận ngay lập tức.

Những thành công trong hoạt động nghiên cứu và phát triển này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Tôn Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực. Trong định hướng tương lai, với Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào công tác R&D nhằm hướng tới các dòng sản phẩm cao hơn, phục vụ cho những ngành công nghiệp chế tạo máy, đồ gia dụng ở các tiêu chuẩn cao nhất.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Đúng với tinh thần "CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG KHÔNG NGỪNG", việc bảo đảm hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố được Tôn Nam Kim chú trọng. Mọi sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên dây chuyền, máy móc tiên tiến hiện đại nhất với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Năm 2021, Phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417). Chứng chỉ này là sự công nhận phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim có đầy đủ năng lực về kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, có khả năng cung cấp các kết quả thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao. Kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm được thừa nhận rộng rãi toàn cầu trong hệ thống ILAC - Tổ chức Hợp tác Công nhận PTN Quốc tế, như A2LA (Mỹ), SAC-SINGLAS (Singapore), NATA (Úc), v.v... thừa nhận.

Công ty cũng triển khai áp dụng nhiều sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế, điển hình là hệ thống quản trị ERP SAP HANA S/4.

CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố bảo đảm nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức. Nhận thức được nguyên lý này, Tôn Nam Kim đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả.

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc khai thác tốt, quản trị hiệu quả nguồn lực này là một vấn đề quan trọng trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động quản trị nguồn nhân lực phải tạo điều kiện để con người phát huy hết khả năng tiềm ẩn, giảm lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả của tổ chức. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí nhằm bảo đảm đáp ứng đúng, đủ nhu cầu nhân sự.

Công ty cũng luôn chú trọng cải tiến chính sách nhân sự nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự, giữ chân người tài... Năng lực của cấp quản lý trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực được bảo đảm. Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp của Tôn Nam Kim có chuyên môn sâu, gắn bó lâu dài và luôn với tinh thần "Quản trị chuẩn mực. Kiểm soát trách nhiệm. Điều hành chuyên nghiệp. Đào tạo tận tâm".

CƠ CẤU NHÂN VIÊN NĂM 2025

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	388	24,63%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	454	28,83%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	62	3,94%
Lao động phổ thông	671	42,60%
Theo hợp đồng lao động		
Toàn thời gian	1.575	100%
Bán thời gian	-	-
Theo giới tính		
Nam	1.407	89,33%
Nữ	168	10,67%
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN	1.575	-

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp riêng, song tất cả các vị trí công việc đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp, thái độ đạo đức tốt vì mục tiêu đơn vị/Công ty, có tính chuyên nghiệp trong công việc và tính kỷ luật cao. Tôn Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đảm bảo Công khai – Công bằng – Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tôn Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Đào tạo trong công việc liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.

Điều này được thể hiện qua việc Công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo, hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật; tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, thúc đẩy phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khoẻ cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Tôn Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu. Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm thu hút và giữ chân những người tài năng nhất, giảm tình trạng vắng mặt, giảm tình trạng làm việc khi bị ốm và tăng sự gắn kết của nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, qua kết quả khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên, Công ty sẽ bố trí việc làm phù hợp cho nhân viên và kịp thời phát hiện những bất thường của cơ thể. Đây chính là biện pháp hiệu quả nhất để bảo đảm "Nguồn vốn sức khỏe" cho Công ty và tham gia chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động.

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Tôn Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức tặng quà Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và 20/10, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6, tặng quà Tết bằng hiện vật và hoạt động Chuyến xe về Tết cho toàn bộ đoàn viên Công ty,....

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Tôn Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc của từng cá nhân và của tập thể từng đơn vị. Đồng thời, nhằm ghi nhận và thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để khen thưởng cho người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và Hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng Cá nhân xuất sắc và Tập thể xuất sắc. Hiện tại, Tôn Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý theo hiệu quả công việc;

- Chính sách khen thưởng năm dành cho cá nhân và tập thể theo hiệu quả công việc;

- Chính sách khen thưởng ngày lễ Tết, ngày thành lập Công ty...;

- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc);

- Chính sách khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng, giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc giao phó;

- Chính sách khen thưởng cổ phần ESOP;

- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm tiền lương thời gian, tiền lương sản phẩm, hỗ trợ nhà ở, sức khỏe, đi lại...Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo pháp luật lao động: BHXH, BHYT, BHTN;

- Chế độ suất ăn giữa ca;

- Chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 hoàn toàn miễn phí dành cho toàn bộ người lao động;

- Dây chuyền công nghệ sản xuất của nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề;

- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ sẽ được thiết kế để phù hợp với khả năng cũng như tiềm lực cụ thể của Công ty cũng như các mục tiêu mà Công ty mong muốn đạt được.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Tôn Nam Kim không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững. Công ty luôn có các hoạt động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh - sạch.

Tôn Nam Kim nhận định rằng việc Công ty sẽ không đánh đổi môi trường để tăng trưởng bằng mọi giá.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CHUNG

- Sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nhằm tiết kiệm nhiên liệu và giảm hao phí nguyên vật liệu.

- Nghiên cứu cải tiến hệ thống, định kỳ bảo trì hệ thống trong quá trình sản xuất, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

- Bên cạnh các giải pháp về máy móc, Công ty kết hợp với yếu tố con người bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Tôn Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung về môi trường.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác bảo quản nguyên vật liệu, xử lý chất thải nhà máy sản xuất.

- Khống chế khí thải dưới ngưỡng tiêu chuẩn xả thải theo quy định của Nhà nước, tái sử dụng nước sau hệ thống xử lý nước thải cho quá trình rửa nguyên liệu.

- Lắp đặt hệ thống tái sinh axit thải, đầu vào của hệ thống tái sinh là axit thải ra từ dây chuyền tẩy rỉ.

- Sản phẩm của hệ thống là axit HCL 18% được cung cấp ngược lại làm nguyên vật liệu cho quá trình tẩy rỉ tại dây chuyền tẩy rỉ.

- Tôn Nam Kim thực thi tiết kiệm sử dụng giấy, in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt. Công ty đã triển khai các tài liệu, báo cáo khác bằng bản mềm trên thiết bị điện tử, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí giấy.

SẢN XUẤT XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim đầu tư dây chuyền tái sinh acid hiện đại của SMS - CHLB Đức. Do vậy, toàn bộ hoạt động tại các nhà máy của Công ty không phát sinh acid thải. Đồng thời, thông qua dây chuyền tái sinh, toàn bộ mạc gỉ thép được thu hồi đạt chuẩn sản phẩm và được cung cấp cho doanh nghiệp khác tái sử dụng trong luyện thép hoặc các ngành công nghiệp khác, thay vì là dạng chất thải tái xử lý.

Song song với chiến lược tăng trưởng ổn định, Tôn Nam Kim kiên định theo đuổi định hướng sản xuất xanh và phát triển bền vững, tập trung giảm phát thải trong sản xuất, tối ưu sử dụng năng lượng và tăng cường quản trị môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế. Doanh nghiệp được ghi nhận trong Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025, thể hiện rõ cam kết phát triển hài hòa giữa mục tiêu kinh tế và trách nhiệm xã hội – môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước về môi trường, thường xuyên liên tục cập nhật các quy định pháp luật mới về hoạt động môi trường. Trong năm, Công ty không có bất kỳ hoạt động vi phạm nào về pháp luật môi trường.

ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẤT NƯỚC

Sự phát triển, thịnh vượng của Tôn Nam Kim phải gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tạo việc làm ổn định cho hơn 1.500 con người.

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 2025, Tôn Nam Kim đã nộp ngân sách tổng cộng 876 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp có doanh thu và nộp ngân sách nhà nước nổi bật tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đóng góp một phần vào phát triển kinh tế của đất nước.

- Cùng với những doanh nghiệp khác tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống;

- Chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của Công ty trong lòng người tiêu dùng.

LUÔN SONG HÀNH CÙNG HẠNH PHÚC CỘNG ĐỒNG

Một xã hội ổn định và thịnh vượng là nền tảng cho nền kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn xem trọng trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty luôn sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng những hành động thiết thực.

- Hỗ trợ, giúp đỡ cho các hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các gia đình và cá nhân có cơ hội vươn lên;

NỘP NGÂN SÁCH

876 TỶ ĐỒNG

TẠO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH HƠN

1.500 NHÂN VIÊN

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.tonnamkim.com

Nội tại vững vàng
thích ứng linh hoạt
vượt qua mọi thử thách

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG **TRANG**

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)	9
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 31 ngày 26 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên
	Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
	Ông Võ Thời	Thành viên
	Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Đặng Văn Hòa	Trưởng ban (từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
		Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)
	Bà Võ Thị Vui	Trưởng ban (đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)
	Ông Lê Nhật Tân	Thành viên
	Bà Trần Thị Tuyết Mai	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc
	Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 10 năm 2025)
	Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 3 năm 2026)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Lô A1, Đường Đ2, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 3700477019 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM - P. BÌNH DƯƠNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 23 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

M.S.D.N: 0100157406 - C.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2026-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM17795
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**9.702.800.286.228**	**10.202.370.500.547**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**838.864.110.479**	**391.783.760.846**
111	Tiền		476.364.110.479	391.783.760.846
112	Các khoản tương đương tiền		362.500.000.000	-
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**834.855.674.955**	**247.130.402.390**
121	Chứng khoán kinh doanh		-	9.353.176
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	834.855.674.955	247.121.049.214
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.423.363.712.457**	**1.942.938.034.495**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.259.898.746.776	1.129.072.791.514
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	148.237.759.341	811.919.388.493
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	40.481.950.567	15.741.713.905
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(25.254.744.227)	(13.795.859.417)
140	**Hàng tồn kho**	9	**5.303.103.397.208**	**6.690.482.934.519**
141	Hàng tồn kho		5.408.688.189.488	6.820.816.327.463
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(105.584.792.280)	(130.333.392.944)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**1.302.613.391.129**	**930.035.368.297**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	29.613.615.095	29.405.775.095
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(a)	1.272.677.571.317	900.629.593.202
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(a)	322.204.717	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.791.111.915.859**	**3.316.715.052.258**
210	**Khoản phải thu dài hạn**		**1.337.705.464**	**1.337.705.464**
216	Phải thu dài hạn khác		1.337.705.464	1.337.705.464
220	**Tài sản cố định**		**1.804.722.958.942**	**2.021.344.676.318**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	1.494.835.207.793	1.700.297.737.520
222	Nguyên giá		5.105.206.257.359	5.084.074.628.216
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.610.371.049.566)	(3.383.776.890.696)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	309.887.751.149	321.046.938.798
228	Nguyên giá		391.158.802.684	391.098.129.684
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(81.271.051.535)	(70.051.190.886)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**4.443.040.147.274**	**285.776.095.884**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	4.443.040.147.274	285.776.095.884
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**648.000.000**	**524.521.155.000**
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	648.000.000	524.521.155.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**541.363.104.179**	**483.735.419.592**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	541.363.104.179	483.735.419.592
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**16.493.912.202.087**	**13.519.085.552.805**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**8.858.518.857.128**	**7.647.678.978.332**
310	**Nợ ngắn hạn**		**6.568.317.739.511**	**7.620.886.731.385**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.470.090.085.110	855.939.492.291
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	192.040.581.786	78.931.822.145
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	104.794.811.061	180.369.131.204
314	Phải trả người lao động	16	26.816.939.065	38.474.668.388
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	30.350.037.859	32.534.395.279
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	12.534.889.804	10.914.837.151
320	Vay ngắn hạn	19(a)	4.600.984.725.577	6.311.656.122.900
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	130.705.669.249	112.066.262.027
330	**Nợ dài hạn**		**2.290.201.117.617**	**26.792.246.947**
337	Phải trả dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
338	Vay dài hạn	19(b)	2.266.130.618.919	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		23.170.498.698	25.892.246.947
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**7.635.393.344.959**	**5.871.406.574.473**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**7.635.393.344.959**	**5.871.406.574.473**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	4.475.708.810.000	3.159.319.780.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.475.708.810.000*	*3.159.319.780.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	522.361.358.279	259.365.552.279
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	205.291.630.465	191.701.386.132
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22	98.500.233.213	89.440.070.324
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	2.318.557.245.301	2.171.579.785.738
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*2.121.434.962.613*	*1.718.571.641.298*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*197.122.282.688*	*453.008.144.440*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		14.974.067.701	-
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**16.493.912.202.087**	**13.519.085.552.805**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**14.899.234.663.086**	**20.707.517.191.896**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(91.089.645.931)	(98.495.001.819)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	25	**14.808.145.017.155**	**20.609.022.190.077**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	26	**(14.022.971.429.536)**	**(18.777.248.235.147)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**785.173.587.619**	**1.831.773.954.930**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	214.162.431.431	340.616.629.555
22	Chi phí tài chính	28	(317.757.794.341)	(477.097.484.465)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(219.641.639.289)*	*(207.841.259.563)*
25	Chi phí bán hàng	29	(431.083.262.721)	(1.017.598.597.652)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(123.740.697.140)	(120.241.517.086)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**126.754.264.848**	**557.452.985.282**
31	Thu nhập khác		117.006.546.237	2.131.688.227
32	Chi phí khác		(2.917.609.697)	(1.414.688.014)
40	**Lợi nhuận khác**	31	**114.088.936.540**	**717.000.213**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**240.843.201.388**	**558.169.985.495**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	32	**(46.468.599.248)**	**(106.682.329.798)**
52	**Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	32	**2.721.748.249**	**1.520.488.743**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**197.096.350.389**	**453.008.144.440**
	Phân bổ cho:			
61	**Cổ đông của Công ty**		**197.122.282.688**	**453.008.144.440**
62	**Cổ đông không kiểm soát**		**(25.932.299)**	**-**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23(a)	**452**	**1.348**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	23(b)	**452**	**1.348**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**240.843.201.388**	**558.169.985.495**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		362.151.285.590	370.170.393.724
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(13.289.715.854)	3.098.649.949
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.197.902.805	35.110.279.363
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(200.546.022.689)	(29.170.507.815)
06	Chi phí lãi vay		219.641.639.289	207.841.259.563
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**612.998.290.529**	**1.145.220.060.279**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(498.761.542.288)	306.719.987.110
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.412.128.137.975	(971.783.549.363)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		126.337.413.790	(763.286.470.876)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		10.301.602.295	(12.275.802.692)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		9.353.176	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(220.528.738.435)	(203.919.377.714)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp		(106.984.057.543)	(53.385.999.912)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(8.559.987.237)	(7.251.488.221)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.326.940.472.262**	**(559.962.641.389)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.430.760.045.785)	(884.430.184.417)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		369.756.959.991	954.545.455
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, trái phiếu và tiền chi cho vay ngắn hạn		(992.340.023.349)	(811.821.155.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, trái phiếu và cho vay ngắn hạn		933.264.961.578	340.068.051.493
27	Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay ngắn hạn		91.280.538.391	15.114.296.049
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(3.028.797.609.174)**	**(1.340.114.446.420)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận góp vốn		1.594.384.836.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		15.491.820.691.085	20.726.005.630.841
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		(14.936.347.278.385)	(19.215.841.932.506)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		-	(3.072.616.017)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**2.149.858.248.700**	**1.507.091.082.318**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**448.001.111.788**	**(392.986.005.491)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**391.783.760.846**	**785.479.050.340**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(920.762.155)	(709.284.003)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**838.864.110.479**	**391.783.760.846**

Các thông tin bổ sung cho các khoản mục trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 35.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Vũ Thị Huyền	Võ Hoàng Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 ngày 26 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp để cập nhật địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Chủ sở hữu của Công ty và chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21(b).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là NKG vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của HOSE.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính)
- Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính); và
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hóa; cho thuê phương tiện vận tải và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 5 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4 công ty con), được trình bày như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
			31.12.2025 %	31.12.2024 %
Công ty TNHH Một Thành viên Ống thép Nam Kim	Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.	100	100
Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	75	-

(*) Ngày 28 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT góp vốn để thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát với số vốn góp là 45.000.000.000 Đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu là 75% trên tổng vốn cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành Phát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 1.575 nhân viên (31 tháng 12 năm 2024: 1.515 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Chế độ kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026. Do đó, Tập đoàn sẽ áp dụng Thông tư 99 từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Thông tư 99 yêu cầu đổi tên "Bảng cân đối kế toán" thành "Báo cáo tình hình tài chính"; thay đổi tên hoặc bổ sung thêm một vài chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và bổ sung thêm các thuyết minh. Đối với việc ghi nhận, đo lường và trình bày, Thông tư 99 có các cập nhật quan trọng. Thông tư 99 cũng bổ sung quy định cho việc áp dụng các thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của Thông tư 99 theo phương pháp hồi tố đơn giản, hồi tố đầy đủ hoặc không hồi tố tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đang tiếp tục đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư 99 đến việc đo lường và trình bày các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong các năm tài chính tới.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm năng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 25 năm
Phương tiện vận tải	1 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	33 – 44 năm
Phần mềm vi tính	5 – 6 năm
TSCĐ hữu hình khác	10 – 40 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo chính sách kế toán ở Thuyết minh 2.10 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(c) Quỹ khác

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Thu nhập từ cổ tức được chia

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế tại thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty hoặc Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty hoặc Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị của Công ty, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, Ban Kiểm soát của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo khu vực địa lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2025 VND	2024 VND
Tiền mặt	1.670.530.921	607.992.041
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	474.693.579.558	391.175.768.805
Các khoản tương đương tiền (*)	362.500.000.000	-
	838.864.110.479	391.783.760.846

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 4,75%/năm.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2025		2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
(i) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	324.495.624.931	324.495.624.931	247.121.049.214	247.121.049.214
Trái phiếu (**)	510.360.050.024	510.360.050.024	-	-
	834.855.674.955	834.855.674.955	247.121.049.214	247.121.049.214
(ii) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (***)	648.000.000	648.000.000	-	-
Trái phiếu (**)	-	-	524.521.155.000	524.521.155.000
	648.000.000	648.000.000	524.521.155.000	524.521.155.000

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm đến 7,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,8%/năm đến 4,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn của Tập đoàn bao gồm 318.053.992.328 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 156.018.431.630 Đồng) (Thuyết minh 19(a)).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư này thể hiện trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast, đáo hạn vào tháng 10 năm 2026, hưởng lãi suất 13,5%/năm và có tài sản đảm bảo. Do trái phiếu này không được niêm yết trên thị trường nên không thể xác định giá trị hợp lý. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tương đương với giá gốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast với giá gốc 510.360.050.024 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 19(a)).

(***) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 12 tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Thương Mại Kim Thịnh	138.378.854.920	-
Steel & Alloy	-	125.493.081.839
Aveiro Coated	-	123.212.434.084
Khác	1.121.519.891.856	880.367.275.591
	1.259.898.746.776	1.129.072.791.514

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 36,605,616,641 Đồng và 34.027.559.708 Đồng, đã được lập dự phòng lần lượt là 23.478.609.788 Đồng và 12.019.724.978 Đồng, như đã trình bày ở Thuyết minh 8.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	41.716.901.968	127.065.102.453
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Năng lượng Tâm Thành Phát	16.045.555.698	16.045.555.698
Wisdri	-	435.269.064.920
Công ty Cổ phần QH Plus	-	106.639.062.355
Khác	90.475.301.675	126.900.603.067
	148.237.759.341	811.919.388.493

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2025 VND	2024 VND
Bên thứ ba		
Phải thu tiền đặt cọc và lãi do vi phạm hợp đồng (*)	17.653.278.334	-
Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay	16.942.561.036	12.704.435.470
Tạm ứng	1.028.079.539	599.302.494
Khác	4.858.031.658	2.437.975.941
	40.481.950.567	15.741.713.905

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư thể hiện khoản phải thu ngắn hạn liên quan đến tiền đặt cọc và khoản lãi vi phạm hợp đồng phải thu phát sinh do bên nhận đặt cọc chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty. Ngày 26 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất thu hồi toàn bộ số dư này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản phải thu khác ngắn hạn khó có khả năng thu hồi là 1.776.134.439 Đồng, đã được lập dự phòng toàn bộ, như đã trình bày ở Thuyết minh 8.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2025			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
i- Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH TM – DV – XD Phú Mỹ	21.563.491.900	10.781.745.942	10.781.745.958	Từ 1 năm đến 2 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Cửu Long Hưng	6.100.154.090	1.830.046.228	4.270.107.862	Từ 1 năm đến 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thái Bình	1.455.478.000	-	1.455.478.000	Trên 3 năm
Khác	7.486.492.651	515.214.683	6.971.277.968	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
ii- Tổng giá trị các khoản phải thu khác ngắn hạn quá hạn thanh toán				
Công ty Liên Doanh Thép Nam Kim	1.776.134.439	-	1.776.134.439	Trên 3 năm
	38.381.751.080	13.127.006.853	25.254.744.227	

	2024			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
i- Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH TM – DV – XD Phú Mỹ	16.681.445.874	15.387.243.538	1.294.202.336	Từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Cửu Long Hưng	6.100.154.090	3.045.577.045	3.054.577.045	Từ 6 tháng đến 2 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thái Bình	1.455.478.000	-	1.455.478.000	Trên 3 năm
Khác	9.790.481.744	3.575.014.147	6.215.467.597	Từ 1 năm đến trên 3 năm
ii- Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác quá hạn thanh toán				
Công ty Liên Doanh Thép Nam Kim	1.776.134.439	-	1.776.134.439	Trên 3 năm
	35.803.694.147	22.007.834.730	13.795.859.417	

9 HÀNG TỒN KHO

	2025		2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	856.759.191.916	-	1.567.959.747.459	-
Nguyên vật liệu	2.051.116.535.020	(313.411.677)	1.865.468.172.730	(1.696.360.672)
Công cụ, dụng cụ	298.999.421.843	-	214.542.991.674	-
Thành phẩm	2.189.386.301.459	(105.271.380.603)	2.982.650.369.412	(128.637.032.272)
Hàng hóa	697.119.496	-	112.324.933	-
Hàng gửi đi bán	11.729.619.754	-	190.082.721.255	-
	5.408.688.189.488	(105.584.792.280)	6.820.816.327.463	(130.333.392.944)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hàng tồn kho với giá gốc là 4.234 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.762 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19(a)).

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	130.333.392.944	130.333.392.944
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 26)	(24.748.600.664)	-
Số dư cuối năm	105.584.792.280	130.333.392.944

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2025 VND	2024 VND
Công cụ, dụng cụ	21.862.846.410	22.938.380.780
Chi phí bảo hiểm	4.801.216.695	3.877.678.732
Khác	2.949.551.990	2.589.715.583
	29.613.615.095	29.405.775.095

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	29.405.775.095	16.586.369.709
Tăng	56.597.124.404	50.327.475.980
Phân bổ	(56.389.284.404)	(37.508.070.594)
Số dư cuối năm	29.613.615.095	29.405.775.095

(b) Dài hạn

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuê đất (*)	477.802.098.597	395.476.565.797
Công cụ, dụng cụ	55.120.119.166	75.532.206.073
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	8.440.886.416	11.458.843.255
Khác	-	1.267.804.467
	541.363.104.179	483.735.419.592

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	483.735.419.592	238.825.748.906
Tăng	405.122.257.115	63.469.122.427
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	245.334.585.780
Phân bổ	(75.980.897.766)	(63.894.037.521)
Chuyển giao quyền sử dụng đất thuê (Thuyết minh 31)	(271.513.674.762)	-
Số dư cuối năm	541.363.104.179	483.735.419.592

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 332 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay ngắn hạn với ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 245 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19(a)).

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	771.055.691.669	4.006.709.229.551	288.952.580.760	16.631.372.756	725.753.480	**5.084.074.628.216**
Mua trong năm	-	6.321.994.000	94.247.971.326	-	-	**100.569.965.326**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	31.078.429.195	14.154.167.340	-	-	**45.232.596.535**
Thanh lý	-	(122.599.095.309)	(1.903.785.909)	(168.051.500)	-	**(124.670.932.718)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	771.055.691.669	3.921.510.557.437	395.450.933.517	16.463.321.256	725.753.480	**5.105.206.257.359**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	443.727.340.228	2.764.508.937.844	162.257.588.738	12.764.820.813	518.203.073	**3.383.776.890.696**
Khấu hao trong năm	45.926.655.113	282.471.861.975	21.129.334.726	1.396.116.226	7.456.901	**350.931.424.941**
Thanh lý	-	(122.599.095.309)	(1.570.119.262)	(168.051.500)	-	**(124.337.266.071)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	489.653.995.341	2.924.381.704.510	181.816.804.202	13.992.885.539	525.659.974	**3.610.371.049.566**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	327.328.351.441	1.242.200.291.707	126.694.992.022	3.866.551.943	207.550.407	**1.700.297.737.520**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	281.401.696.328	997.128.852.927	213.634.129.315	2.470.435.717	200.093.506	**1.494.835.207.793**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, TSCĐ hữu hình với giá trị còn lại là 601 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.207 tỷ Đồng) và TSCĐ hữu hình với giá trị còn lại là 58 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 19).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 476,7 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 568,5 tỷ Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	381.121.111.684	9.977.018.000	**391.098.129.684**
Mua trong năm	-	60.673.000	**60.673.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	381.121.111.684	10.037.691.000	**391.158.802.684**
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	63.059.504.441	6.991.686.445	**70.051.190.886**
Khấu hao trong năm	9.724.161.220	1.495.699.429	**11.219.860.649**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	72.783.665.661	8.487.385.874	**81.271.051.535**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	318.061.607.243	2.985.331.555	**321.046.938.798**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	308.337.446.023	1.550.305.126	**309.887.751.149**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 173 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 221 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 206.842.000 Đồng.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2025 VND	2024 VND
Dự án xây dựng nhà máy thép	4.442.397.347.274	262.397.790.925
Máy móc, thiết bị	642.800.000	20.411.941.323
Khác	-	2.966.363.636
	4.443.040.147.274	285.776.095.884

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2025 VND
Số dư đầu năm	285.776.095.884	311.996.159.857
Mua sắm, xây dựng cơ bản	4.202.496.647.925	239.401.927.161
Chuyển sang TSCĐ hữu hình		
(Thuyết minh 11(a)) (*)	(45.232.596.535)	(20.287.405.354)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		
(Thuyết minh 10(b))	-	(245.334.585.780)
Số dư cuối năm	4.443.040.147.274	285.776.095.884

(*) Tập đoàn phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 64.920.728.229 Đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: không có). Mức lãi suất được sử dụng để xác định chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là từ 6,2%/năm đến 7,2%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 4.289 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 19(b)).

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2025		2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Jfe Shoji	274.137.408.632	274.137.408.632	96.286.511.300	96.286.511.300
Golden Harbour	256.265.722.398	256.265.722.398	-	-
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	170.003.352.633	170.003.352.633	217.107.288.101	217.107.288.101
Khác	769.683.601.447	769.683.601.447	542.545.692.890	542.545.692.890
	1.470.090.085.110	1.470.090.085.110	855.939.492.291	855.939.492.291

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thanh toán.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2025 VND	2024 VND
Martin Muniz	82.730.188.557	5.596.948.725
Koop Sheet	31.210.244.640	910.650.600
Khác	78.100.148.589	72.424.222.820
	192.040.581.786	78.931.822.145

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Số phải thu trong năm VND	Hoàn thuế trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
(a) Thuế và các khoản phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	900.629.593.202	1.683.781.509.467	(300.822.000.000)	(1.010.911.531.352)	1.272.677.571.317
Thuế xuất, nhập khẩu nộp dư	-	292.709.662	-	-	292.709.662
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp dư	-	29.270.966	-	-	29.270.966
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") nộp dư	-	224.089	-	-	224.089
	900.629.593.202	1.684.103.714.184	(300.822.000.000)	(1.010.911.531.352)	1.272.999.776.034

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
(b) Thuế và các khoản phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	1.016.268.153.399	(3.466.151.481)	(1.010.911.531.352)	1.890.470.566
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	70.741.893.107	707.631.364.909	(723.054.996.475)	-	55.318.261.541
Thuế xuất, nhập khẩu	349.553.444	2.982.706.160	(3.232.558.172)	-	99.701.432
Thuế TNDN	106.682.329.798	46.770.326.993	(106.984.057.543)	-	46.468.599.248
Thuế TNCN	2.541.653.345	7.181.705.310	(8.744.439.977)	-	978.918.678
Thuế nhà thầu	-	27.041.632.008	(27.029.742.640)	-	11.889.368
Khác	53.701.510	30.728.297.993	(30.743.139.907)	-	38.859.596
	180.369.131.204	1.811.562.554.764	(876.225.343.555)	(1.010.911.531.352)	104.794.811.061

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải trả người lao động thể hiện chủ yếu là lương và tiền thưởng cho nhân viên.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	16.441.652.922	3.921.881.849
Chi phí điện sản xuất	9.602.234.897	12.401.856.210
Lương tháng 13	2.635.985.000	-
Chi phí vận chuyển	941.410.900	12.458.733.491
Khác	728.754.140	3.751.923.729
	30.350.037.859	32.534.395.279

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2025 VND	2024 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	10.120.241.678	9.825.220.234
Kinh phí công đoàn	609.943.960	545.376.760
Khác	1.804.704.166	544.240.157
	12.534.889.804	10.914.837.151

19 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Vay ngân hàng (*)	6.311.656.122.900	13.225.690.072.166	(14.936.347.278.385)	(14.191.104)	4.600.984.725.577

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Ngân hàng	Giá trị VND	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	2.812.366.790.564 148.846.879.936	VND USD	Tháng 7 năm 2026 Tháng 6 năm 2026	Hàng tồn kho luân chuyển; quyền sử dụng đất; TSCĐ hữu hình; khoản đầu tư vào công ty con; và tài sản của cá nhân
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh	597.638.248.792 121.483.353.231	VND USD	Tháng 6 năm 2026 Tháng 4 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi; hàng tồn kho luân chuyển; TSCĐ hữu hình; và quyền sử dụng đất ở các công ty con
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương	613.673.364.372 94.169.314.790	VND USD	Tháng 6 năm 2026 Tháng 6 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi; TSCĐ hữu hình; quyền sử dụng đất; và hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Bình Dương	49.964.751.100	VND	Tháng 6 năm 2026	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	160.568.689.752	USD	Tháng 3 năm 2026	Hàng tồn kho luân chuyển và trái phiếu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.273.333.040	VND	Tháng 6 năm 2026	Hợp đồng tiền gửi; và hàng tồn kho luân chuyển
	4.600.984.725.577			

Lãi suất cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng và Đô la Mỹ lần lượt là từ 2,8%/năm đến 6,3%/năm và từ 1,5%/năm đến 4,15%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,5%/năm đến 5,4%/năm và từ 3,4%/năm đến 5,4%/năm).

19 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Tăng VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Vay ngân hàng (*)	-	2.266.130.618.919	2.266.130.618.919

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Ngân hàng	Giá trị VND	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	2.187.194.658.919	VND	Tháng 6 năm 2034	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai; quyền sử dụng đất; và khoản đầu tư vào công ty con
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (ii)	44.003.960.000	VND	Tháng 9 năm 2032	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai; trái phiếu và khoản đầu tư ở các công ty con
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Bình Dương (iii)	34.932.000.000	VND	Tháng 10 năm 2030	TSCĐ hữu hình
	2.266.130.618.919			

(i) Khoản vay có lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,2%/năm trong 2 năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân và lãi suất huy động cá nhân Việt Nam Đồng kỳ hạn 24 tháng + 2,5%/năm trong thời gian đáo hạn còn lại, cho mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thép Tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ.

(ii) Khoản vay có lãi suất 6,5%/năm trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân và lãi suất cơ sở theo quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng + 0,5%/năm trong thời gian đáo hạn còn lại, cho mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thép Tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ.

(iii) Khoản vay có lãi suất 6,8%/năm cho mục đích mua sắm TSCĐ hữu hình.

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	112.066.262.027	112.135.755.072
Tăng trong năm (Thuyết minh 22)	22.650.407.222	3.522.256.955
Chi trong năm	(4.011.000.000)	(3.591.750.000)
Số dư cuối năm	130.705.669.249	112.066.262.027

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2025 Cổ phiếu phổ thông	2024 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	447.570.881	315.931.978

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2025		2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Hồ Minh Quang	71.040.996	15,87	44.869.315	14,20
Unicoh Specialty Chemical Co., Ltd (*)	15.897.600	3,55	15.897.600	5,03
Các cổ đông khác	360.632.285	80,58	255.165.063	80,77
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	447.570.881	100	315.931.978	100

(*) Sau khi Công ty hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn trong năm tài chính (Thuyết minh 22), Unicoh Specialty Chemical Co., Ltd không còn là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim do tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Công ty giảm còn dưới 5%.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	263.277.806	2.632.778.060.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 22)	52.654.172	526.541.720.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	315.931.978	3.159.319.780.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 22)	131.638.903	1.316.389.030.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	447.570.881	4.475.708.810.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.632.778.060.000	785.907.272.279	185.830.957.874	87.091.899.021	1.731.465.767.473	-	**5.423.073.956.647**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	453.008.144.440	-	**453.008.144.440**
Vốn tăng trong năm	526.541.720.000	(526.541.720.000)	-	-	-	-	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(3.522.256.955)	-	**(3.522.256.955)**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.870.428.258	-	(5.870.428.258)	-	**-**
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	2.348.171.303	(2.348.171.303)	-	**-**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.174.085.652)	-	**(1.174.085.652)**
Khác	-	-	-	-	20.815.993	-	**20.815.993**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.159.319.780.000	259.365.552.279	191.701.386.132	89.440.070.324	2.171.579.785.738	-	**5.871.406.574.473**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	197.122.282.688	(25.932.299)	**197.096.350.389**
Vốn tăng trong năm (i)	1.316.389.030.000	262.995.806.000	-	-	-	15.000.000.000	**1.594.384.836.000**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)(ii)	-	-	-	-	(22.650.407.222)	-	**(22.650.407.222)**
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	13.590.244.333	-	(13.590.244.333)	-	**-**
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (ii)	-	-	-	9.060.162.889	(9.060.162.889)	-	**-**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (iii)	-	-	-	-	(4.530.081.444)	-	**(4.530.081.444)**
Khác	-	-	-	-	(313.927.237)	-	**(313.927.237)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	4.475.708.810.000	522.361.358.279	205.291.630.465	98.500.233.213	2.318.557.245.301	14.974.067.701	**7.635.393.344.959**

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết của Hội Đồng Quản trị số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 131.638.903 cổ phiếu đã chào bán thành công tại giá chào bán là 12.000 Đồng trên một cổ phiếu, tương đương 1.579.666.836.000 Đồng với chi phí phát hành là 272.000.000 Đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2024, trong đó trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ nguồn LNST của năm 2024 với tỷ lệ trích lần lượt là 5%, 3% và 2% trên LNST hợp nhất.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phê duyệt tổng thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành từ nguồn LNST của năm 2024 với tỷ lệ chi trả là 1% của LNST hợp nhất.

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	2025	2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	197.122.282.688	453.008.144.440
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (VND) (*)	(3.941.927.008)	(27.180.488.666)
	193.180.355.680	425.827.655.774
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	427.013.573	315.931.978
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	452	1.348

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phê duyệt tổng thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành từ nguồn LNST của năm 2025 với số tiền là 2% của LNST hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Trong năm tài chính, Tập đoàn đã xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Công ty.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	453.008.144.440	-	453.008.144.440
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (VND)	-	(27.180.488.666)	(27.180.488.666)
	453.008.144.440	(27.180.488.666)	425.827.655.774
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	315.931.978	-	315.931.978
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.434		1.348

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 13.016.929,43 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11.654.733,35 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 37(a).

(c) Các cam kết khác

Tập đoàn có những cam kết khác liên quan đến hoạt động đầu tư của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh 37(b).

25 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	14.898.406.756.817	20.707.151.218.238
Doanh thu cung cấp dịch vụ	827.906.269	365.973.658
	14.899.234.663.086	20.707.517.191.896
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(74.682.569.388)	(90.695.297.648)
Giảm giá hàng bán	(5.287.832.321)	(3.199.209.989)
Hàng bán bị trả lại	(11.119.244.222)	(4.600.494.182)
	(91.089.645.931)	(98.495.001.819)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán hàng	14.807.317.110.886	20.608.656.216.419
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	827.906.269	365.973.658
	14.808.145.017.155	20.609.022.190.077

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	14.047.720.030.200	18.777.248.235.147
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	(24.748.600.664)	-
	14.022.971.429.536	18.777.248.235.147

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2025 VND	2024 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	103.649.737.503	311.772.918.668
Lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay	100.305.072.927	28.351.807.999
Tiền lãi thanh toán chậm	9.693.831.336	-
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	124.966.378	-
Khác	388.823.287	491.902.888
	214.162.431.431	340.616.629.555

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	219.641.639.289	207.841.259.563
Lỗ chệch lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	93.142.655.863	234.145.826.487
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	4.322.869.183	35.110.279.363
Khác	650.630.006	119.052
	317.757.794.341	477.097.484.465

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2025 VND	2024 VND
Chi phí vận chuyển	361.438.956.863	955.876.033.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.168.134.871	26.237.429.242
Chi phí nhân viên	26.161.792.261	28.812.960.423
Khác	9.314.378.726	6.672.174.030
	431.083.262.721	1.017.598.597.652

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	61.190.349.996	59.739.643.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.985.780.532	39.724.092.807
Dự phòng phải thu khó đòi	11.458.884.810	3.098.649.949
Chi phí khấu hao	6.056.654.476	5.715.347.902
Chi phí kiểm toán	787.000.000	670.000.000
Khác	13.262.027.326	11.293.782.615
	123.740.697.140	120.241.517.086

31 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập khác		
Lãi do giao lại quyền sử dụng đất thuê (*)	94.316.215.863	-
Thu nhập từ thu hồi khoản đặt cọc đã xóa sổ	11.590.000.000	-
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.924.733.899	818.699.816
Khác	5.175.596.475	1.312.988.411
	117.006.546.237	2.131.688.227
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý nguyên vật liệu	1.419.991.873	-
Khác	1.497.617.824	1.414.688.014
	2.917.609.697	1.414.688.014
Lợi nhuận khác	114.088.936.540	717.000.213

(*) Ngày 18 tháng 4 năm 2025, Công ty đã chuyển giao lại quyền sử dụng đất thuê tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương ("Đại Dương") theo Hợp đồng Chuyển giao lại quyền thuê đất số 01/HĐCGQTĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025. Trước đó, Công ty nắm giữ quyền sử dụng đất thuê này cho mục đích xây dựng Nhà máy Thép Tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ theo Hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Đại Dương số 01/HĐTĐ-2018 ngày 20 tháng 3 năm 2018 mà trong đó Đại Dương là bên cho Công ty thuê. Khoản chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của quyền sử dụng đất thuê (Thuyết minh 10(b)) được ghi nhận là thu nhập khác trong năm tài chính.

Sau đó, vào ngày 21 tháng 4 năm 2025, Đại Dương và Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ ("Nam Kim Phú Mỹ") - công ty con của Công ty được thành lập vào năm 2022 để đăng ký làm chủ đầu tư của dự án Nhà máy Thép Tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ thay cho Công ty. Theo Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ.2025, theo đó, Đại Dương đồng ý cho Nam Kim Phú Mỹ thuê lại quyền sử dụng đất này tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) với mục đích xây dựng dự án Nhà máy Thép Tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ với đơn giá cho thuê tương đương với đơn giá chuyển nhượng trên Hợp đồng Chuyển giao lại quyền thuê đất số 01/HĐCGQTĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, thời hạn thuê là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 11 năm 2056.

32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	240.843.201.388	558.169.985.495
Thuế tính ở thuế suất 20%	48.168.640.278	111.633.997.099
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	767.058.981	449.931.882
Điều chỉnh thuế của chi phí lãi vay không được trừ năm trước được chuyển sang năm nay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết (i)	(2.693.729.230)	(7.146.989.317)
Lỗ trước thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (ii)	282.359.834	231.374.054
Lỗ trước thuế từ năm trước chuyển sang đã được sử dụng (ii)	(2.777.478.864)	(6.472.663)
Chi phí thuế TNDN (iii)	43.746.850.999	105.161.841.055
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành (iii)	46.468.599.248	106.682.329.798
Thuế TNDN - hoãn lại	(2.721.748.249)	(1.520.488.743)
Chi phí thuế TNDN	43.746.850.999	105.161.841.055

(i) Theo các quy định thuế hiện hành, chi phí lãi vay vượt quá 30% của EBITDA của năm báo cáo có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các năm tính thuế tiếp theo được tính liên tục không quá 5 năm khi xác định tổng chi phí lãi vay được khấu trừ nếu Tập đoàn có giao dịch với bên liên kết. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn đã đưa vào chi phí được trừ lần lượt là 13.468.646.149 Đồng và 50.893.674.308 Đồng từ chi phí lãi vay vượt mức của các năm trước. Chi phí lãi vay vượt mức còn lại chưa sử dụng được chuyển sang các năm tính thuế tiếp theo là 7.195.772.324 Đồng.

32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

(ii) Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau VND
2021	Chưa thanh tra thuế	348.378.321	-	348.378.321
2022	Chưa thanh tra thuế	174.911.804.801	(13.919.757.633)	160.992.047.168
2023	Chưa thanh tra thuế	73.883.728.783	-	73.883.728.783
2024	Chưa thanh tra thuế	1.156.870.270	-	1.156.870.270
2025	Chưa thanh tra thuế	1.411.799.170	-	1.411.799.170

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

(iii) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.021.047.153.930	17.250.900.298.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.417.963.906	604.655.637.090
Chi phí vận chuyển	361.438.956.863	955.876.033.957
Chi phí khấu hao	362.151.285.590	370.170.393.724
Chi phí nhân viên	306.618.382.769	317.447.569.937
Khác	54.969.037.057	38.008.366.015
	13.629.642.780.115	19.537.058.299.704

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm, ống thép và các sản phẩm thép hoặc thép cuộn là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu theo bộ phận được trình bày dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Xuất khẩu"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và cơ sở sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam. Tập đoàn không theo dõi tài sản bộ phận và chi tiêu vốn theo vị trí địa lý của khách hàng.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Xuất khẩu	6.068.320.836.370	13.408.221.304.308
Trong nước	8.739.824.180.785	7.200.800.885.769
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.808.145.017.155	20.609.022.190.077

35 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT") HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Chuyển từ trả trước cho người bán sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	639.761.009.687	136.986.351.206
Mua sắm, xây dựng TSCĐ nhưng chưa thanh toán	558.850.162.204	-
Chi phí lãi vay đã vốn hóa nhưng chưa thanh toán	13.406.870.219	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	4.786.408.970	7.104.853.239
Thu nhập thanh lý TSCĐ chưa thu được tiền	2.379.917.180	-
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn	-	245.334.585.780

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám Đốc

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2025 VND	2024 VND
i) Tạm ứng		
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Hoàn ứng	-	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Phó Tổng Giám Đốc		
Tăng tạm ứng	1.303.466.190	1.023.900.000
Hoàn ứng	1.258.417.390	1.054.900.000

ii) Các khoản lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3.273.866.716	2.899.330.020
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.828.225.356	2.498.968.454
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	1.508.968.581	1.348.145.827
Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên Hội đồng Quản trị	68.033.000	-
Ông Võ Thời	Thành viên Hội đồng Quản trị	100.000.000	100.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	31.967.000	100.000.000
Ông Đặng Văn Hòa	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)		
	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)	367.642.781	187.780.984
Bà Võ Thị Vui	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)	213.484.121	503.513.879
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	-	147.487.722
Ông Lê Nhật Tân	Thành viên Ban Kiểm soát	377.307.893	340.074.574
Bà Trần Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)	184.197.962	-
Các thành viên khác	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	6.847.933.184	8.276.897.450
		15.801.626.594	16.402.198.910

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có số dư với các bên liên quan.

37 CÁC CAM KẾT

(a) Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2025 VND	2024 VND
Trong vòng 1 năm	4.568.163.400	4.240.747.140
Trên 1 năm đến 5 năm	9.860.955.718	14.101.702.858
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	14.429.119.118	18.342.449.998

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2025 VND	2024 VND
Chi phí xây dựng cơ bản TSCĐ dở dang	1.651.050.949.913	2.839.133.937.814

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 23 tháng 3 năm 2026.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Vũ Thị Huyền	Võ Hoàng Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ HOÀNG VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

www.tonnamkim.com info@namkimgroup.vn

0274 3748 848 | Fax: 0274 3748 868

Quét mã QR
Để biết thêm thông tin